

VÔ VI QUY NGUYÊN

Nhiều tác giả

VÔ LƯỢNG LUẬN

Tập 1

TẠP CHÍ QUY NGUYÊN PHÁT HÀNH NĂM 2004

MỤC LỤC:

1	Lời giới thiệu.	3
2	Các pháp hữu góp mặt trong Vô Lượng Luận	3
3	Phật giáo và khoa học.	4
	Từ Tâm Thắng	
4	Sự phân biệt trong tâm thức.	7
	Từ Thiện Tâm Đắc	
5	Sự phân biệt sai lầm của ý thức.	10
	Từ Thiện Tâm Đắc	
6	Sự phân biệt giới hạn của giác quan.	13
	Từ Thiện Tâm Đắc	
7	Có học phải có hỏi.	14
	Từ Thiện Tâm Đắc	
8	Tâm còn vọng chấp mong cầu.	15
	Từ Thiện Tâm Đắc	
9	Chấp vào kinh điển.	16
	Từ Thiện Tâm Đắc	
	Năm Sứ điếm qua hình ảnh "con trâu" trong tư tưởng triết lý Đông	
10	Phương, trong văn chương bình dân Đại Việt.	17
	Từ Thiện Tâm Trự	

11	Luận Thánh Danh. Từ Thiện Phúc	27
12	Tâm nguyện. Từ Minh Tâm & Khôi Tuyên Huân	30
13	Bước đầu hành pháp. Từ Thế Thiện Giáo	33
14	Xin cống hiến vài tư tưởng của tiền nhân Phạm Văn Mẫn	38
15	Giải thoát từ thực tại. Khôi Tuyên Huân	39
16	Đi tìm yên tĩnh ? Khôi Tuyên Huân	41
17	Tự sửa mình! Đặng Văn Tổng	44
18	Nổi lòng một người tu chậm tiến. Từ Thiện Tâm Trụ	46
19	Đường vào chơn pháp. Từ Thiện Khanh	58
20	Tu là chuyển. Huỳnh Thị Bích Vân	59
21	Đến với pháp đạo. Từ Thiện Tâm Tĩnh	61
22	Cái hạnh chân thật là tự tâm mở rộng ra! Ban Biên Tập TCQN	62
23	Làm việc gì phải cẩn thận! Ban Biên Tập TCQN	64
24	Vài khái niệm cơ bản về tác phong đạo đức Từ Minh Quý	67
25	Độ sinh là độ mình. Từ Minh Quý	71
26	Tư duy và thực quả Từ Thiện Khanh	72
27	Tâm Từ Minh Quang, Từ Thiện Bửu	74
28	Nói chuyện cái “đài gương” trong bài kệ của Ngài Thần Tú Từ Minh Vi	77

LỜI GIỚI THIỆU.

Vô Vi Quy Nguyên Pháp rộng mở cho tất cả chúng sanh nơi cõi Ta Bà này. Từ đó, mỗi chúng sanh mang theo hành trang của mình để bước vào cửa Pháp.

Mỗi người có một quá trình tu học khác nhau, nên mọi người có một sự gặt hái khác nhau mà Vô Lượng Luận là những đóa hoa của sự gặt hái của từng cá nhân trên từng đoạn đường tu học.

Có thể trên cùng một vấn đề nhưng mỗi người gặt hái được những điểm khác nhau. Vì vậy, đọc Vô Lượng Luận để thấy được toàn vẹn các góc cạnh trên từng đoạn đường tu học như có thể hưởng trọn được toàn vẹn mùi hương của các loài hoa.

Xin mời quý pháp hữu cùng các hành giả đi vào Vô Lượng Luận để cùng thấy được từng góc cạnh của cả vườn hoa.

Đại Hùng Linh Điện, ngày 15 tháng 7 năm 2003.
Ban Biên Tập Tạp Chí Quy Nguyên.

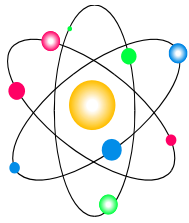
**PHÁT HÀNH NHÂN NGÀY RẼM THÁNG 7 NĂM 2003
KỶ NIỆM 26 NĂM KHAI PHÁP VÔ VI QUY NGUYÊN
VÀ 5 NĂM THÀNH LẬP ĐẠI HÙNG LINH ĐIỆN**

CÁC PHÁP HỮU GÓP MẶT TRONG VÔ LƯỢNG LUẬN:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 1. Huỳnh Thị Bích Vân. | 11. Từ Thiện Tâm Tịnh. |
| 2. Đặng Văn Tống. | 12. Từ Thiện Tâm Trụ. |
| 3. Phạm Văn Mẫn. | 13. Từ Minh Quang. |
| 4. Từ Minh Tâm. | 14. Từ Thiện Bửu. |
| 5. Từ Tâm Thắng. | 15. Từ Minh Vi. |
| 6. Từ Tâm Thiện Phước. | |
| 7. Từ Thế Thiện Giáo. | |
| 8. Từ Thiện Khanh. | |
| 9. Từ Thiện Phúc. | |
| 10. Từ Thiện Tâm Đắc. | |

Cùng với:

1. Ban Biên Tập TCQN.
2. Khối Tuyên Huân.



PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC

Từ Tâm Thắng

Nền khoa học hiện đại của thế giới so với thời kỳ 50 năm trước tiến tới trình độ quá mức tưởng tượng của loài người, không một ai có thể đoán biết khoa học sẽ tiến tới mức nào và tiến như thế nào, phát minh những gì về Y Học, Điện Năng, Không Gian, Thiên Văn, cao hơn hết là sự cấu tạo vật chất và tinh thần, cuối cùng là sự hủy diệt toàn diện.

Các khoa học gia luôn hướng về phía trước nhằm khám phá những bí mật của vũ trụ hầu thỏa mãn những đòi hỏi của trí tuệ về các môn nhóm nào đó, ở thời điểm nào đó mà sự tưởng tượng của con người cứ thôi thúc tánh tò mò tìm hiểu mong có được một giải đáp cho vấn đề. Mô tả những viễn cảnh của khoa học trong tương lai, người ta phải dùng những từ có ý nghĩa bao hàm rộng rãi không hạn chế sự suy tư, gọi là khoa học giả tưởng.

Khoa học sở dĩ đạt được những tiến bộ mau chóng nhờ sự truyền thông khách quan trên toàn thế giới qua hội thảo và báo chí không khác một sự hợp tác tự nguyện giữa các nhà khoa học với nhau.

Từ thời ông bà Jolio Curie khám phá ra tia phóng xạ nguyên tử, khoa học đi lần tới: Nhân Nguyên Tử (Noyau), Ly Tử (Particule) rồi Nguyên Tử (Atom) để rồi hai trái bom nguyên tử đầu tiên ra đời, đem sử dụng trên đất Nhật kết thúc thế chiến thứ 2.

Hiện nay và mãi mãi loài người vẫn còn sờ soạn, mò mẫm trong đêm tối, mong khám phá những bí mật trong thiên nhiên, kết quả thu được rất ít so với đòi hỏi của trí tuệ. Muốn thoát khỏi tấm màn đêm vô minh, loài người có nên hướng tư tưởng về một chân trời mới, mở ra con đường duy nhất dẫn thẳng tới Chân Lý.

Chân Lý là gì ?

Chúng ta có thói quen dùng sai hai từ này vì ta hiểu nghĩa chân lý bằng trí của thế nhân. Ta thường gặp trên báo chí, sách vở người ta viết chân lý tuyệt đối!

Nếu một sự việc hay vật thể nào còn chuyển động, thay đổi tùy duyên hay thời gian và ngoại cảnh thì chưa phải là chân lý, gượng ép dùng hai từ này là sai. Chân Lý không có tuyệt đối và tương đối.

Đức Phật Tổ Thích Ca từ bỏ kinh thành, ngôi báu, vợ con và vua cha vào rừng sâu tìm chân lý Vô Thường. Ngài thấy kiếp sống mong manh ngắn ngủi, không trường tồn vĩnh cửu, dù ta có lên ngôi vua trị vì cả thế giới thì thân ta, sự nghiệp của ta có lớn lao bao nhiêu đi nữa rồi cũng bị hủy diệt bởi định luật Vô Thường qua bốn thời kỳ:

Thành - Trụ - Hoại - Không.

Ngài quyết tâm khám phá những nguyên nhân tạo thành định luật vô thường và phương pháp thoát khỏi sự chi phối của Định Luật. Ngài thấy rằng vạn vật có sanh thì có diệt, thật là đơn giản mà thế gian đã có mấy ai biết sự đơn giản đó.

I. MÊ CHẤP:

Những bài Pháp dưới đây Đức Phật Tổ đã truyền dạy chúng ta, chỉ rõ sự mê chấp của loài người, lấy cái sai cho là đúng, cái giả làm chân, chúng ta cùng suy gẫm kỹ và dùng chìa khóa này mở các Giáo Pháp khác hầu tiến gần hơn nữa tới chân lý.

Thời Đức Phật Tổ Thích Ca còn tại thế, Ngài cùng các đệ tử chu du khắp nước để truyền bá Đạo Pháp, đến một bờ suối kia có nhiều cây to rợp bóng mát, Ngài cho phép dừng lại nghỉ giải lao. Các Đệ Tử, người làm việc này, người làm việc nọ, riêng Đức Phật thì không nghỉ, Ngài giảng một bài Pháp về sự Mê Chấp của mọi người, Ngài cầm cây gậy xuống đất và gọi một đệ tử đối diện với mặt trời hỏi: Ông thấy cây gậy của ta ở hướng nào? Người đệ tử trả lời: Cây gậy của Đức Thế Tôn ở hướng Đông. Ngài lại gọi người thứ hai đối diện với người thứ nhất, tức là hướng mặt trời đi tới và Ngài cũng hỏi giống người thứ nhất, vị này trả lời: Cây gậy hướng Tây. Đức Phật gọi thêm hai người, 1 ở Nam và 1 ở Bắc, vị ở Nam nói cây gậy ở hướng Bắc và vị ở Bắc nói cây gậy ở hướng Nam.

Tới đây, Đức Phật đặt một câu hỏi chung: Các ông thấy từ này tới giờ cây gậy của ta vẫn ở yên một chỗ, bốn ông nói bốn hướng khác nhau, thật sự cây gậy ở đâu? Đại Đức Ananda nhận thấy cả bốn người đều đúng và sai, Ngài bỏ lối chấp phương hướng nhưng lại chấp ở giữa và ở bên. Phật Tổ quả Ananda: Tới bây giờ ông còn mê chấp tới mức đó, ông nói cây gậy ở giữa, các ông ở bên, ta cầm thêm một cây gậy sau lưng ông thì chỗ nào là giữa, chỗ nào là bên?

Chân Lý không hề có cái gọi là trong và ngoài. Giữa và bên, cao và thấp, gần và xa, thiện và ác, tốt và xấu,... Những hiện tượng đều do tâm mê chấp mà có và hiện bày ra, ta cho đó là thật. Vạn vật do tâm tạo, không có tâm thì vũ trụ đều không. Chúng ta suy gẫm kỹ điểm này mới mong thâm nhập kinh tạng dễ dàng hơn. Như phần trên đã nói Đức Phật Tổ dùng cây gậy để dẫn giải sự Mê Chấp của chúng sanh rất đơn giản và dễ hiểu.

II. VI TRÙNG:

Cũng trong buổi nghỉ chân này, Đức Phật Tổ đề cập tới Vi Trùng và Siêu Vi khi chư Tăng lấy nước suối đổ vào bình lọc mỗi vị có một bình riêng cho mình. Phật dạy: Trước khi uống nước các ông hãy sám hối. Có một đệ tử thắc mắc uống nước có phạm lỗi gì sao lại phải sám hối bèn bạch lên Phật Tổ những nhận xét và suy nghĩ của mình.

Phật dạy: Dù các ông có lọc bao nhiêu lần đi nữa, trong nước vẫn còn sanh linh. Sanh linh này chỉ có Đức Phật biết, loài người chưa có một ai nghĩ tới, nó quá nhỏ, mắt trần nhìn không thấy, cho tới thời đại Pasteur, nhà khoa học vĩ đại của mọi thời đại và là ân nhân của toàn thể nhân loại, gọi sanh linh này là Vi Trùng nhờ phát minh ra kính hiển vi.

III. SỰ CẤU TẠO VẬT CHẤT:

Bây giờ, chúng ta thử điếm sang lãnh vực khác, lãnh vực nguyên tử và lời Phật dạy. Tất cả các vị học Phật đều biết Vi Trần là đơn vị cực nhỏ của Vật Chất (Sắc). Sau vi trần còn 6 đơn vị nhỏ hơn tên gọi là Khúc Vi Trần và...

Phật dạy: Vi trần là đơn vị đầu tiên của sắc, nó có bốn bên, có trên có dưới, mỗi phía chia ra 17 từng, nếu có quyền lực nào chia hai được nó, hai phần kia đã biến vào hư vô.

NHẬN ĐỊNH:

- Vi trần là hữu vi có 6 mặt, hình khối như con lúc lắc (có 4 bên và 2 mặt trên dưới) đem chia hai thì mất luôn có nghĩa là chỉ chia được 2 phần, không thể chia được nhiều phần. Nếu ta thử nhân 17 từng của mỗi mặt cho 6, ta có được con số 102 lần nhỏ hơn vi trần mà Đức Phật vẫn thấy được, đếm được. Lậy Phật đến đây con không dám suy nghĩ xa hơn nữa vì trí tuệ và thần kinh của con chưa đủ lực vượt qua ranh giới này, kính xin chư Phật ân xá.

- Tất cả vật hữu hình trong vũ trụ, dù lớn như mặt trời nhỏ như vi trần cũng bắt đầu từ vi trần có hình dạng khối (Cubique) 6 mặt. Khoa học đến nay vẫn chưa xác định được hình dáng: Tròn, dẹp hay bầu dục của đơn vị đầu tiên đó và tôi sẽ trình bày ở phần sau. Đã nhiều năm tôi đem việc này thỉnh ý các vị cao tăng nổi danh ở các chùa mà không được giảng giải thỏa đáng, các vị chỉ nói chung chung là bụi trần, nặng về triết lý mà không đề cập một máy may tới khoa học.

- Mười năm trôi qua vào thời điểm nguyên tử không còn là độc quyền của một quốc gia nào, tòa đại sứ Hoa Kỳ tổ chức một cuộc triển lãm nguyên tử bằng tranh vẽ tại Saigon. Mỗi người vào xem đều được tặng một cuốn sách hướng dẫn đầy đủ từng bức tranh, sự cấu tạo, vận hành và biến thể của nguyên tử.

- Mò mẫm tìm hiểu từng bức tranh, chăm chú đọc phần giải thích, gặp ngay được bức tranh vi trần có tên khoa học. Ôi, mừng ơi là mừng! Vi trần ơi, tên mi ta canh cánh trong lòng trên mười mấy năm trời, bây giờ mới được giải tỏa. Từ nay ta không gọi tên cúng cơm của mi nữa, ta chỉ dùng tên mới của mi là PROTON đã được loài người ghi vào sổ vàng của nền văn minh hiện đại.

- Lời Phật dạy cách nay gần 2600 năm, ăn khớp với khám phá của khoa vật lý nguyên tử. Một Proton đơn thuần tên khoa học là Hydrogène léger (Khinh khí nhẹ), thêm một trung hòa tử (Neutron) dính vào là biến thể thành Khinh Khí nặng (Deutérium) và cứ thế hai nhân này cứ dính chùm thêm mãi tạo ra những vật chất thiên hình vạn trạng vô cùng tận.

- Từ điện dương (Proton) trở thành kim loại Uranium mang mã số 235 gồm 90 Protons và 145 Neutrons, người ta dùng nó để chế bom nguyên tử. Đức Phật dạy ta chân lý tạo ra vật chất bằng một câu rõ ràng, đơn giản: Vi Trần là đơn vị đầu tiên của Sắc.

IV. LY TỬ:

Đây là một giai thoại khác về khoa Vật Lý Nguyên Tử, nhờ giáo lý của Phật Tổ soi sáng, tám nhà Khoa Học Nguyên Tử của 4 quốc gia cách nay trên 30 năm, đặt ra nghi vấn: Có Ly Tử hay không? Nếu có thì ly tử vận hành như thế nào?... Qua một thời gian khá lâu mà chưa tìm được lời đáp chắc chắn CÓ hay KHÔNG. Vô kể khả thi, tám vị đồng ý thử tìm hiểu lời Phật dạy về quy luật tồn tại của vật chất. Chân Lý về Vật Chất dù lớn hay nhỏ đều trải qua chung một quy luật 4 thời kỳ:

THÀNH - TRỤ - HOẠI - KHÔNG.

Ly tử là hữu vi cũng phải qua 4 giai đoạn nói trên. Làm cách nào để thấy và kiểm soát được 4 thời kỳ này của một ly tử quá nhỏ? Chỉ có cách quay phim, vậy phải có máy thu hình cực nhanh thu 200.000 pô trong 1 giây. Các kỹ sư của hãng Film Kodak nhận thực hiện máy thu hình này. Máy thu hình làm xong đạt tốc độ yêu cầu, các nhà khoa học gắn máy vào một điện tri (Isotop) và cho chạy...lấy film in ra 200.000 tấm hình, và thật bất ngờ có những séries bốn tấm ảnh, 3 ảnh đầu là 3 chấm sáng nhỏ, tấm thứ 4 cũng điểm sáng hình ngôi sao chứng tỏ là một vụ nổ Nguyên Tử. Sự vui mừng của 8 nhà Bác Học như điên dại, ôm nhau nhảy múa. Cả 8 vị nhất trí: Một cơ hội nào thuận tiện, tới chùa lễ tạ ơn Phật và phát nguyện: Thề theo lòng Từ Bi bao la của Chư Phật và nhờ Giáo Lý của các Ngài soi sáng chúng tôi khám phá được Ly Tử, chúng tôi nguyện với chư Phật chỉ đem sự phát minh này phục vụ cho Hòa Bình. (Tài liệu này trích tường thuật theo báo nước ngoài).

Chỉ tâm kính dâng lên Đức Minh Sư Đức

ĐẠI THỪA LIÊN HOA HÓA THÂN MINH VƯƠNG PHẬT

Nhân ngày Lễ Đệ nhất chu niên Đức Ngài Hội Vị Đăng Quang

Ngày 26 tháng 11 năm Giáp Tuất.

Đệ Tử Từ Tâm Thắng kính Bái.

LUẬN VỀ SỰ PHÂN BIỆT TRONG TÂM THỨC

Từ Thiện Tâm Đắc

Nam Mô A Di Đà Phật!

Trình các vị pháp hữu thật tình mà nói cho đến bây giờ tôi cũng chưa nhìn thấy được tâm mình, thậm chí cái bóng của nó ra sao tôi cũng chưa tường tận, chỉ biết được nó qua lớp vỏ bọc bên ngoài, qua kinh sách, qua các lời giảng dạy của Đức Ngài – Đức Thầy mà thôi! Hay nói rõ hơn là những gì Đức Ngài – Đức Thầy đã giảng dạy về nó cho chúng ta, những phương pháp mà chúng ta được truyền dạy để đạt được, để chứng được chưa đi vào trong xương tủy để chúng thành hữu dụng trong cuộc đời mình, hoặc biến chúng thành từng luồng điện lực nâng chúng ta lên trở về với Đấng Thượng Đế toàn năng – toàn tri – toàn giác cao cả.

Chính sự chưa ngộ đó mà lời đệ tử nói hôm nay nếu có gì sai con xin Thiêng Liêng ân xá cho con, cho sự vô minh của con và cũng mong các vị huynh trưởng từ bi giúp đỡ chỉnh lại và các pháp hữu bổ sung sửa đổi thêm. Nam Mô A Di Đà Phật!

Đức Ngài dạy: “Tu thiền đòi hỏi tâm thức linh hoạt, thấu triệt toàn cõi cuộc sống. Mọi tư tưởng, tình cảm tốt xấu, ta phải hiểu cơ cấu và nguyên nhân của nó, xem xét và theo dõi cơ hành của suy tưởng và tri cảm. Khi hiểu rõ thì tư tưởng không xen vào và tự nó giữ giới luật”.

Ở đây có 2 phần cần tìm hiểu là tư tưởng và tình cảm: Tôi không đề cập đến bài giảng trong tạp chí Quy nguyên vì các vị trong Ban Biên Tập đã phân tích cặn kẽ về nguyên nhân phát sinh và sự vận động của nó rồi! Tôi chỉ phân tích điều mà Đức Ngài muốn nói là việc làm thế nào để theo dõi và xem xét cơ hành của nó mà thôi vì ta không thể phủ nhận là tư tưởng và tình cảm là biểu hiện sự sinh hoạt của một linh hồn trong thể xác con người. Do vậy, điều quan trọng trước tiên là phải căn cứ vào đâu để xem xét theo dõi nó!

Tôi còn nhớ lúc tôi mới vào pháp được khoảng 4, 5 tháng, một hôm tôi được gặp Đức Ngài và tôi có hỏi Đức Ngài 1 câu: “Kính thưa Thầy! Con có thể quán các pháp như huyền được không?” Đức Ngài trả lời ngay lập tức: “Đó là đại huyền!” Tôi bị bất ngờ vì không hiểu tại sao Đức Ngài bảo là đại huyền. Sau này tôi mới hiểu là ngay lúc bấy giờ tâm tôi còn quẹo qua, quẹo lại thì quán cái gì.

Việc quán xét đúng sai của một tư tưởng tình cảm cũng vậy, đương nhiên ta không thể dựa vào cái tâm phân biệt của mình. Tuy nhiên, có một căn bản để từ đó phân định được vấn đề là: Dựa vào Bát Chánh! Đó là hàng rào kiểm tỏa không cho chúng ta (phàm tâm) hành động ngông cuồng và từ từ đưa sự suy nghĩ tình cảm vào khuôn khổ đúng đắn. Gỡ bỏ những điểm gút mắc trong hiện tại, còn những phần nằm ẩn sâu trong tâm thức muốn gỡ nó trước tiên phải thấy được nó, mà muốn thấy được nó phải nhờ vào cuộc sống đời.

Nhờ những sự cọ xát đụng chạm mới thấy được cái đúng cái sai, thấy được sự thiếu sót trong bước đường tu học. Đó là giai đoạn 1!

Giai đoạn 2 là phát triển lòng từ bi bác ái là gốc căn bản của con người, không thể có chuyện xây tòa nhà đạo pháp trên sự giận dữ, nhỏ nhem, sự ngu muội, hèn yếu, đố kỵ. Muốn trở thành Tiên Phật, việc trước tiên phải là con người đạo đức, đó là định luật bao đời. Tôi xin lấy thí dụ sau đây:

Thí dụ 1: Vì nhiều nguyên nhân mà tôi giận gia đình không về thăm cha mẹ suốt ba năm. Trong thời gian đó Đức Ngài cũng không đề cập đến việc này. Năm 1922, tôi đang cùng Đức Ngài ở trong ngôi tại Quận 8, lúc đó khoảng 6 – 7 giờ chiều, tôi chợt nghĩ ra một việc bèn hỏi Đức Ngài: “Kính thưa Thầy! Tại sao ta phải thương yêu cha mẹ anh em?” (mặc dầu trong ý nghĩ tôi giận gia đình nhưng tôi không nói ra). Đức Ngài trả lời: “Thương yêu cha mẹ anh em là Thiên Tánh

của con người!” Ngay lúc đó tôi tỉnh ngộ và bỏ qua mọi lỗi lầm, mọi tị hiềm, mọi lòng sân hận đối với gia đình mà trở về giúp đỡ cha mẹ anh em của mình.

Thí dụ 2: Quan sự kiện ông Năm Hùm vu cáo Thầy, một số các đệ tử kẻ cận đều nghi kỵ Thầy hoặc lòng tin Thầy bị sút giảm nghiêm trọng. Một số đệ tử đã từng được Thầy ban nhiều đặc ân nay trở mặt nói xấu Thầy. Trong tình hình đó, Thầy vẫn im lặng chịu đựng vì Thầy đã hứa với ông Năm Hùm là không nói ra sự thật trong một thời hạn nhất định để đệ tử mình hồi tâm. Khi hết thời hạn ấn định, Thầy mới triệu tập các đệ tử để giải tỏa mọi hiềm nghi. Qua sự việc này ta thấy được tình thương của Thầy đối với đệ tử của mình, dù nó có nói xấu mình, có hại mình, có trở mặt với mình, mình vẫn thương yêu nó, giúp đỡ nó, tìm cách hóa độ cho nó và vẫn tha thứ cho nó.

Thí dụ 3: Phần lớn các pháp hữu chúng ta đều có lời nguyện độ sanh, đó là một điểm son. Tuy nhiên, khi có chuyện không hợp tình lý đều khởi ít nhiều sự giận trong lòng do trong tâm còn thiếu lòng hỷ xả, còn chấp ngã – chấp nhờn. Về việc này tôi xin có câu chuyện như sau:

Có lần tôi hỏi Thầy: “Kính thưa Thầy! Đối với một người có lòng giận, ghét Thầy, Thầy phải làm sao?” Đức Ngài trả lời: “Sư Huynh sẽ tìm cách làm cho người đó hết giận và trở nên thương Sư Huynh!”

Đức Thầy Từ Minh Đạt cũng đã dạy lòng tha thứ như sau:

Phải hiểu người ta không có môi trường bằng mình, không có kiến thức bằng mình thì không thể đòi hỏi người ta phải biết nhiều, hiểu nhiều. Nếu người ta sai lầm đó là lỗi của mình vì mình đã không dạy họ.

Nếu đã dạy cho người, người vẫn sai lầm, cứ cho đó là lỗi của mình vì đã không làm cho họ hiểu. Nếu đã làm cho họ hiểu và vẫn sai lầm, đó vẫn là lỗi của mình vì mình đã không làm cho họ nhập tâm.

Phải biết rằng mỗi bước của mình đi là sinh lợi cho chúng sinh, cho trăm họ, mỗi bước mình lùi là đau khổ cho chúng sanh, cho trăm họ. Vì vậy, sự đối mặt với mình không phải là sự đối mặt với thể nhân thường tình. Cứ cho là những người mang khó khăn đến cho mình hay hoàn cảnh khó khăn diễn đến cho mình là do con người hoặc cuộc đời bị ma hôn quỷ ám để ta có thể dễ dàng tha thứ cho họ V. V...

Những lời dạy của Đức Ngài và Đức Thầy thể hiện lòng từ bi vô biên với chúng sanh và tình thương là điều kiện quan trọng của người tu học khi muốn giúp đỡ người khác và giúp đỡ chính bản thân mình. Đức Ngài dạy rằng giúp đỡ vạn vật muôn loài là đánh thức chơn tâm, kêu gọi Diễm Linh Quang của Thượng Đế trong tâm mình. Mọi sự giả dối làm ngăn cách chơn lý của lòng mình, bản tánh chơn như bị che lấp, đi vào luân hồi.

Để bổ sung thêm vào vấn đề này tôi xin dẫn chứng thêm thí dụ: Trong ngày thứ 49, Đức Ngài có về qua thể của một vị pháp hữu, có vị pháp hữu đã nói: Thầy ơi,

con thương Thầy lắm! Đức Ngài trả lời: “Các con hãy thương yêu chúng sanh, vì thương yêu chúng sanh là các con đã thương yêu Thầy!”

Vậy tình thương là dòng nước trong lành làm dịu mát những tâm hồn đang khô héo vì danh lợi tình, làm nẩy mầm những hạt giống thiện lương, làm cho đời có thêm những hoa sen tươi thắm và làm cho cõi đời này vang vọng mãi yêu thương.

Khi phát triển tình thương đến cùng cực thì trong tâm ta sẽ không còn hận thù, chia rẽ, đố kỵ, nịch ái, đắm say, tham lam, mê muội. Lúc đó, ta chỉ biết dẫn độ, hoằng độ, cứu độ người thì tư tưởng nào phải xem xét và tình cảm tốt xấu nào còn để chúng ta phải theo dõi nó mà diệt trừ. Tất cả được quán xét trên bình diện quảng đại!

SỰ PHÂN BIỆT SAI LÂM CỦA Ý THỨC.

Từ Thiện Tâm Đắc

*Ở đây, tôi xin được phép không đề cập đến những phần đã được nói đến từ những bài viết trong tạp chí Quy Nguyên mà chỉ phân tích thêm cụ thể hơn các phần mà các pháp hữu chúng ta còn mắc phải: **Còn phân biệt ngày giờ tốt xấu!***

Một ngày nọ, tôi hỏi Đức ngài: “Thưa Thầy, ngày mai 13, con và Thi có đổi xe được không?” Đức Ngài trả lời: “Đối với Sư Huynh ngày nào cũng là ngày của Trời, ngày nào cũng là ngày của Đất!”

Cũng cần nói thêm rằng những ngày, giờ lúc trước khi tôi vào hăng làm, ngày dựng bia tạ mộ,... Thầy cũng đều cho tôi vào những ngày 23, 17,... Chính từ những lời dạy trên mà tôi không còn xem ngày giờ tốt xấu nữa! Nếu ta xem đây là Đông, kia là Nam, Bắc, Trung ương,... vậy thì trái đất này xoay 1/4 hay 1/2 vòng thì phương hướng đó trong không gian còn đúng không? Chưa kể là hành tinh này đã di chuyển thêm một đoạn đường dài. Tôi chỉ đồng ý rằng những phương này có tác dụng trong việc định hướng, giúp con người biết rằng mình đang ở đâu, tránh bị lạc lối, giải quyết một số nhu cầu con người trong đời sống mà thôi.

Một việc mà các pháp hữu chúng ta còn mắc phải là xem ngày giờ tốt xấu để giải quyết một số việc như cưới hỏi, ma chay, động thổ cất nhà... vô hình chung trong tâm thức của chúng ta lại nhập vào những thông tin phân biệt như vậy thì giả như rằng một lúc nào đó ta được lệnh Đức Ngài triệu kiến, ta có bảo chư vị khoan – chờ ta xem ngày tốt để đi không? Hành tinh này lúc nào cũng chuyển động liên tục cùng với các vì sao khác trong không gian và tất cả đồng quay chung quanh trung tâm vũ trụ theo lực tác động của Thái Cực biến chuyển không ngừng theo định luật Thành Trụ Hoại Không.

Tôi cũng đồng ý rằng con người và muôn vật sống trên cuộc đất này thì tất phải ảnh hưởng ngũ hành ở cuộc đất đó, tuy vậy, mỗi người mỗi vật đều chịu ảnh hưởng khác nhau: Giàu, nghèo, sang, hèn, sướng, khổ đủ cả và sự khác nhau đó ai cũng hiểu là do tác động nghiệp lực trong mỗi người mỗi vật đó. Như vậy, ta xem ngày giờ xấu tốt để làm gì trong khi ta đã quá hiểu rằng **Nghiệp Dĩ Không Chừa Một Ai?**

Còn nếu ta cho ngày hôm nay là ngày tốt để chọn, ngày hôm kia là ngày xấu để tránh; như vậy, tại sao trên thế giới vẫn có những tai nạn xảy ra, vẫn có thiên tai, lũ lụt, hạn hán, động đất, núi lửa... cho từng miền, từng vùng, từng quốc gia, từng thành phố.

Còn nếu ta cho rằng hôm nay là ngày xấu để tránh thì tại sao vẫn có cuộc tiếp đón tưng bừng, hôn lễ diễn ra, người người vẫn dạo phố vui chơi. Như vậy thì tốt xấu là ở chỗ nào?

Các hiện tượng thiên nhiên xảy ra trên mặt đất này không phải vô cơ mà có. Và lại, nếu cho bão là nguy hiểm, là xấu thì các nhà khoa học đã chứng minh rằng bão cũng có ích lợi là cân bằng khí hậu của hành tinh, chúng quét sạch trong không gian những dơ bẩn, rác rưởi, bụi bặm, làm bầu khí quyển trở nên trong lành hơn. Rõ ràng định luật cân bằng của tự nhiên đang xảy ra hằng giờ, từng phút chung quanh ta một cách đều đặn – từ trong lòng đất đến không trung. Thầy đã dạy: “Những hiện tượng trong thiên nhiên liên quan hỗ trợ cho nhau thật chặt chẽ. Mọi hiện tượng đều xác định bởi những hiện tượng có trước hay đồng thời. Đã gọi là định mệnh hay cố định thì tất nhiên phải có một cuộc sắp đặt nhất định từ trước không thể khác được dù có Thượng Đế, Thiêng Liêng hay không”.

Và một điều quan trọng mà tôi muốn đề cập tới trong phần này là vai trò tác động của nghiệp lực đối với mỗi một chúng ta trên thế giới này. Do vậy, nếu ta chọn hôm nay là ngày tốt để làm, hôm kia là ngày xấu để tránh, vậy ta có tránh né được nghiệp quả khi nó xảy đến cho ta hay không? Hơn nữa, Đức Ngài, Đức Thầy chẳng nhắc nhở rằng một người Thầy không nên xen vào nghiệp quả của chúng sanh cho dù đó là đệ tử của mình hay sao? Trong phần này, tôi không đề cập đến những trường hợp Thầy muốn độ trò mà gánh thay cho những đệ tử của mình như trường hợp của Tiến, Linh Tú chẳng hạn.

Có thể khi tôi đề cập đến vấn đề này sẽ có vị thắc mắc là tại sao khi Đức Ngài còn tại thế, Đức Ngài đã cho phép huynh Tâm Trụ xem ngày giờ tốt xấu. Tôi xin được mạn phép trộm nghĩ mọi việc đều có nguyên nhân sau đây:

Đức Ngài khi ban lệnh có một minh triết mà chúng ta không thể hiểu thấu.

Huynh Tâm Trụ là một vị có phẩm sắc Kim Cang + Lệnh của Đức Ngài nên mỗi lời nói ra là một lệnh truyền cho các Chư Vị thi hành.

Huynh Tâm Trụ khi làm việc này với tấm lòng giúp người hữu duyên, những người có đức.

Những gì huynh Tâm Trụ xem đều dựa vào chuyển động của ngũ hành. Mà ngũ hành là trung tâm liên lạc giữa âm dương và vạn vật, tức là giữa siêu hình và hữu hình quyết định hết thảy mọi công việc của con người và muôn vật.

Quyết định ngày giờ tốt xấu ảnh hưởng vào tâm thức của người được xem và một điều quan trọng là những gì xảy ra trong vũ trụ này Thiên Liêng đã biết trước từ lâu rồi. Về việc này, tôi xin đưa ra các dẫn chứng như sau:

Việc Đức Ngài biết trước tai nạn trong ngày nhưng vẫn để xảy ra không tránh né gì cả!

Đức Thầy bị giam một giờ thay vì một năm!

Đức Phật Thích Ca bị nhửc đầu 3 ngày vì tiền kiếp gõ đầu một con cá 3 cái trong thời quá khứ (thị hiện điều này cho chúng sanh thấy nghiệp dĩ không chừa một ai!)

Một vị Tổ sư trong 32 vị tổ đã trả nợ bị chặt đầu....

*Một đạo nọ nơi ngôi Quận 8, tôi hỏi Đức Ngài: “Thưa Thầy, khi nào lá số của một người thay đổi?” Ý tôi muốn hỏi Đức Ngài là thay đổi theo chiều hướng tốt. Đức ngài trả lời: **“Khi nào người đó đắc quả lúc đó sẽ biến thành một lá số mới!”***

*Qua sự trình bày trên tôi muốn nói lên một điều: Chúng ta đừng phân biệt hoặc đừng để mình bị ảnh hưởng bởi tư tưởng ngày giờ tốt xấu mà hãy thuận theo lẽ tự nhiên. Hãy làm theo lời Đức Ngài đã chỉ dạy: **“Ngày nào cũng là ngày của Trời, ngày nào cũng là ngày của Đất!”***

*Mọi việc hãy thuận theo Trời, hòa theo Đất với ý thanh tịnh, chúng ta sẽ không còn chấp nhứt vào ngày giờ tháng năm nữa thì chúng ta không còn lo lắng chi vào cái cách tốt xấu của ngày giờ..... Vì một điều hết sức rõ ràng: **“Có thành tâm mới cảm ứng được Trời Phật, như thế ta mới nuôi được tâm dưỡng được tánh, thì khổ sở hay nạn tai ta không còn nghĩ đến”.***

Khi viết đến đây tôi lại nghĩ đến hình ảnh Đức Ngài gục đầu xuống bàn làm việc trong phân xưởng chịu đựng cơn đau vò xé tim mình mà tôi chỉ biết đứng nhìn không giúp gì được và hình ảnh của Đức Thầy trèo thang bị té xuống đất gọi mãi chẳng ai nghe! Ôi! Nếu không có tấm lòng thương yêu chúng sanh bao la và sự dũng cảm phi thường thì không ai có thể chịu đựng nỗi căn bệnh quái ác này và lại càng không kham nổi một công việc vượt quá sức mình như thế. Do đó, chúng ta có thể nào không gắng công sức hơn nữa trong tu tập để khỏi hổ thẹn trong lòng trước sự hy sinh cao cả đó hay không? Hay là chỉ tu cho có tu, học cho có học và những đệ tử như thế có đáng mang danh là đệ tử hay không?

SỰ PHÂN BIỆT GIỚI HẠN CỦA GIÁC QUAN

Từ Thiện Tâm Đắc

Thiên nhiên tạo cho từng loại có giác quan thích hợp trong quá trình sống và tiến hóa mà chúng ta ai nấy đều biết như sau:

Loài dơi với thính giác nhanh nhạy.
Loài chó, loài cá mập khứu giác tinh tường.
Loài chim thị giác rất tinh. v. v. . . .

Mỗi loài, giác quan chỉ hoạt động trong một dãy tần nhất định, vượt qua giới hạn đó là kẻ như không biết gì! Con người cũng vậy, mặc dù là loài động vật cao cấp nhất hành tinh nhưng cũng phải chịu sự chi phối của luật tự nhiên. Do đó, sự nhận định của giác quan có lúc phải sai lầm là điều không thể tránh khỏi. Tôi xin thí dụ:

Nhận định về màu sắc phải có ánh sáng mới biết được đó là màu gì, không ánh sáng là mắt chỉ nhìn thấy màu đen.
Âm thanh, mùi hương phải được truyền trong không khí, không có không khí người đời không nghe được âm thanh, mùi hương đó.
Vị ngọt bùi đắng cay phân biệt được do các tế bào gai trong lưỡi dẫn truyền.
Nhờ tiếp xúc đụng chạm mới cảm nhận: Thô, mịn, nhẵn, ẩm ướt, nóng bức, . . .

Trong tạp chí Voviology đã nói rõ các phần liên quan trong bài: Tâm, ý và ý thức, do vậy, ở đây tôi chỉ xin nói thêm những gì mà các pháp hữu nhãn nhằm mục đích chứng minh rằng nếu ta muốn xem xét cảnh vật chung quanh ta thì phải nhờ các yếu tố trên đầy đủ nếu không thì sự phân định sẽ rối loạn ngay. Do cấu tạo của giác quan như vậy nên có lúc ta thấy như thế này, có lúc ta thấy như thế khác. Tùy hoàn cảnh, tùy môi trường, không gian và thời gian mà sự nhận xét mỗi lúc một khác nhau, như đọc một quyển sách chẳng hạn: Hôm nay ta hiểu như vậy, ngày kia sẽ hiểu rõ hơn hôm nay hay hiểu khác đi.

Rõ ràng trong từng sự phân biệt trên con người thường bị nghiêng về một phía: Đúng – sai, phải – trái, trên – dưới, trong – ngoài, âm dương hóa dù có đứng chính giữa đi chăng nữa cũng là điều sai lầm vì ta đã dụng ý phân biệt vào đó. Như vậy, khi chính ta đã tạo ra một ý gì thì bản thân ý đó đã có một sự đối xứng cho nó. Đức Ngài nhắc lại: “Nếu cái kia có cái này thành ra, bởi chung cái kia hiện ra, cái này mới hiện ra. Nếu cái kia không có cái này không thành ra, bởi chung cái kia đã trừ diệt, cái này thôi không còn nữa. Sự phân biệt cái này cái kia đều thuộc vô minh cả!”

CÓ HỌC PHẢI CÓ HỎI

Từ Thiện Tâm Đắc

Ngày trước, khi Đức Ngài giảng một điều gì, Đức Ngài thường hỏi: “Các chú có hỏi gì không?” Nếu ai có hỏi gì thì Đức Ngài sẽ giải đáp tường tận, chúng ta sẽ nâng cao thêm sự hiểu biết cho mình và cho các pháp hữu khác nếu có về phần trí.

Tôi cũng biết rằng Đức Ngài đã từng dạy chúng ta: “Không có thất thì không có mắc!” Điều này nằm trong trường hợp ta đã đạt được sự minh triết như Đức Ngài tâm đã thanh tịnh, chứ còn bây giờ đang trong giai đoạn học hỏi, để tiến hóa thì cần phải đào sâu tận đáy mỗi vấn đề, phân tích cặn kẽ từng nguyên nhân phát sinh của nó và trên căn bản Bát Chánh Đạo mà hành, còn những gì đang kẹt trong tâm thức từ từ mà gỡ thì các thắc mắc dần dần sẽ hết đi. Cái trí đã được nâng lên!

Sở dĩ tôi nói ra điều này là vì xưa kia tôi là người hay hỏi và nhờ hỏi mà ngày nay tôi biết được nhiều điều từ sự giải đáp tận tình của Đức Ngài. Duyên may ít trở lại! Do đó, cần phải tránh mất thì giờ quý báu của chúng ta tại thế gian này!

SỰ PHÂN BIỆT QUA SẮC TƯỢNG ÂM THANH

Từ Thiện Tâm Đắc

Một lần tôi hỏi: “Kính thưa Thầy! Cõi Phật như thế nào? Trong lòng tôi lúc bấy giờ suy nghĩ chắc cõi Phật đẹp lắm, có ao Thất Bảo, hoa sen nghìn cánh, mặt đất trải bằng cỏ Linh Chi... Lúc đó thì Đức Ngài trả lời: **“Nơi đó chỉ có những luồng điện quang!”**

Câu trả lời của Thầy đã phá tan tất cả mọi sự suy nghĩ của tôi về một nước Phật được vẽ lên từ trong trí tưởng tượng qua nhiều lần xem trong kinh sách. Đức Ngài dạy tôi một điều:

Đừng bao giờ đem sự suy nghĩ bình thường của người thế gian áp đặt vào một vấn đề đã vượt ra khỏi tư duy bình thường của con người vì nếu ta tưởng tượng hình tượng như thế nào thì chính bản thân ta phải bị vướng mắc vào trong đó, chưa kể những phần khác lợi dụng vào điều này để dẫn dụ người tu và nếu ta còn chấp vào sắc tướng thì ta mãi mãi không bao giờ ra khỏi nơi này được giống như Tề Thiên bị nhốt trong ngũ hành sơn vậy.

Với lời chỉ dạy tương tự, Đức Thầy Từ Minh Đạt khi về Việt Nam năm 1997, cũng đã dạy rằng: “Các vị đừng cho rằng hình tượng mà các vị đang thờ trên ngôi Tam Bảo là hình tượng của Phật, chấp theo kinh sách rằng Đức Phật có 32 tướng tốt như: Tay dài quá gối, lòng bàn chân có xoáy, nước miếng thơm ngọt,... là điều sai lầm”.

Phật vô hình vô tướng ứng hiện tùy tâm chúng sanh, tùy duyên chúng sanh mà hóa độ. Tướng dữ, tướng hiền, tướng nam, tướng nữ... đều do sự phân biệt của chúng ta mà thành. Ngay cả âm thanh trong mỗi cõi đều rung động với các tần số khác nhau, có người thích nghe những âm thanh trầm, người lại thích nghe âm thanh cao.

Cái thích đó do chấp ngã mà thành, nó ăn sâu vào tâm thức mỗi chúng ta trong nhiều đời kiếp. Đức Thầy đã dạy: “Đừng để kẹt vào sắc tướng, âm thanh, nếu không sẽ bị Thiên Ma dẫn vì Thiên Ma có đủ thần thông thị hiện tất cả theo cái tâm hiểu của người đời cho dù người đó có đầy đủ công đức để được lên thiên đàng đi chẳng nữa. Do đó, phải lấy cái tâm làm chánh trong mọi hành xử. Điểm này, các chư Bồ Tát cũng phải học! Thấu đáo mọi chuyện thì mình sẽ không còn vướng mắc nào cả.”

Đức Phật dạy: “Lấy sắc tướng cầu ta, lấy âm thanh cầu ta, người này hành đạo tà, không thể thấy Như Lai!”

Những lời dạy của Đức Ngài, Đức Thầy đều cùng một quan điểm là đi đến sự vô phân biệt nơi tâm.

Trong năm vừa qua 1999, chúng ta đã gặp nhiều thử thách, nhiều khảo đảo mà không vượt qua được cũng do còn chấp vào sự hiểu biết của phàm phu. Bản thân tôi bị nhiều nhất nhất là dễ bị dụ khi thấy ai có những cử chỉ hành động giống Đức Ngài là tôi xúc động ngay. Đó là điểm kẹt cần gỡ bỏ!

TÂM CÒN VỌNG CHẤP MONG CẦU

Từ Thiện Tâm Đắc

Trong mọi hoạt động, suy nghĩ hàng ngày, con người bình thường ai cũng muốn đạt tới sự tốt đẹp, mong mọi điều tốt đẹp sẽ đến với mình, cầu nguyện mọi sự an lành, đạt thành sở nguyện... Với nhận thức đó, con người sẽ dễ đi đến chỗ thất vọng khi không đạt những mục đích mà mình đã mong cầu. Những người đó không hiểu rằng cầu nguyện chỉ là sự hộ chứ không phải sự trừ. Họ cầu thiêng liêng mọi việc ngay cả nhiều khi với sự bắt buộc trong ý của họ để rồi khi không đạt được mục đích họ than phiền oán trách trời đất bất công. Tôi còn nhớ một bài đăng trên báo thành phố nêu lên một trường hợp sau đây:

Vào năm 1999, các trận lụt dữ dội nhấn chìm một số lớn các tỉnh miền Trung, trong đó có thành phố Huế. Một bà cụ gần 70 tuổi than khóc với phóng viên rằng: Cả đời bà ăn chay, niệm Phật, làm nhiều điều lành, tại sao Trời không thương để cho con cháu bị mất tích trong làn nước, nhà cửa tan nát hết cả thế? Với một bài viết như thế vô hình chung làm cho người thiếu hiểu biết nghĩ rằng: Ăn chay, niệm Phật, làm điều lành làm gì? Khi họa đến vẫn phải lãnh?

Bà cụ, người phóng viên và những người suy nghĩ như vậy không hiểu rằng nhờ ăn chay, niệm Phật, làm điều lành mà bà còn sống sót, còn những người con cháu của bà chết thảm là lẽ đương nhiên, chưa kể những nhân lành mà bà làm sẽ được hưởng trong tương lai.

Chúng ta, những đệ tử Vô Vi Quy Nguyên nên hiểu rằng: Cầu nguyện là điều tốt nhưng thực hiện để thế gian này tốt đẹp thì tốt hơn. Đức Cha Lành cao cả lúc nào cũng mong các con Ngài tiến hóa, nhiệm vụ của các chư Phật,— chư Bồ Tát, chư Thiên, Chư Vị các cõi lên lên xuống xuống các nơi này cũng chỉ nhằm một mục đích giúp đỡ vạn vật muôn loài tiến hóa, chúng ta đang đi trên con đường đó. Đó là con đường về nguồn, phụng sự cho việc thăng tiến của muôn loài, là tôn chỉ hành động của người tu chơn, là ý muốn của Đức Ngài và đang được thực hiện khắp nơi với sự lãnh đạo của Đức Thầy và sự dìu dắt của các vị huynh trưởng. Đức Thầy đã dạy:

*Cuộc đời tựa thể chiêm bao
Bỏ đi người hỏi điều nhau mà về
Về đi sẽ hết ê chề
Vô Vi là đạo, Quy Nguyên là nhà
Tình ta là khối chan hòa
Ngàn năm không dứt trên tòa Liên Hoa.*

CHẬP VÀO KINH ĐIỂN

Từ Thiện Tâm Đắc

Thời quá khứ, Đức Phật dạy rất nhiều đệ tử và tùy theo bậc tiến hóa mà Ngài giảng dạy khác nhau. Do căn cơ của chúng sanh không đồng nên lời giảng dạy cũng tùy chỗ mà khai ngộ.

Một vấn đề nữa là trình độ tiến hóa tâm linh của chúng sanh lúc bấy giờ khác xa chúng ngày nay. Vì thế, ta không thể dùng cái tâm phân biệt của mình vào trong kinh điển của Phật và hiểu theo cái hiểu của thế nhân là tự trói chặt vào đó mà không hay biết mình đã bị kinh dẫn. Trường hợp này tôi đã trải qua. Cũng xin nói thêm là trong mỗi đầu quyển kinh trước khi khai kinh thường có câu các chư Phật, chư Bồ Tát... phải nhập chánh định mới thuyết kinh. Chúng ta có nhập chánh định được chưa mà đòi xem kinh? Đức Ngài đã dạy rằng các kinh mà Phật thuyết giảng chỉ để cho các chư Phật – chư Bồ Tát hành. Do đó, tôi xin nhắc lại khuyến cáo này để các vị nào thường xem kinh điển hãy cẩn thận. Bây giờ cũng vậy, những lời dạy của Đức Ngài, Đức Thầy cũng tùy thuộc căn cơ của đệ tử mà truyền thụ. Có khi Ngài dạy cho một số đồng tu không gian và thời

gian, có khi Ngài dạy riêng cho từng vị, hầu hết những bài giảng của Đức Ngài đều phù hợp với trình độ của số đông pháp hữu. Vì thời gian dưới trần thế ngắn ngủi nên Đức Ngài đã cố gắng truyền đạt những điểm căn bản nhất trong phương pháp hành đạo cho chúng đệ tử thực hiện, còn từng người tùy theo công hạnh, tùy theo chỗ vướng mắc, tùy theo chỗ khai ngộ mà tu sửa sau này và điểm căn bản trong vấn đề tu học Đức Ngài cũng đã nêu rõ: “Các chú đừng bao giờ nói sao người ta đạt thế này mà tôi chưa đạt, người ta đạt thế kia mà tôi chưa đạt và đừng bao giờ lấy của người khác làm như của mình như thế là rơi”.

Để tóm lại bài này tôi xin được đưa ra một nhận xét như sau: Tôi cùng các pháp hữu khác có duyên may được cận kề Đức Ngài, riêng tôi được chính thức từ năm 1986 đến 1994. Tám năm được gần Sư Phụ tại thế là thời gian quá ngắn so với một kiếp người nhưng cũng đủ cho tôi học được nhiều điều về lòng kiên trì, nhẫn nại, từ bi hỷ xả của Đức Ngài, và cho đến bây giờ là Đức Thầy cũng dạy cho tôi nhiều điều hay. Trong các điều hay mà tôi đã học được có một điều quan trọng: Tôi thấy rằng tôi không phải học ở đâu xa, tôi không phải tìm thầy ở đâu xa, tôi không phải tìm Phật ở đâu xa, **MÀ TÔI CHỈ CẦN TÌM NGAY CHÍNH TÂM MÌNH** vì tâm chính thật là Thầy, tâm chính thật là Phật. Tôi cần học nơi đó, nơi đáng cho chúng ta học! Và các chư Phật quá khứ – hiện tại – vị lai đã và sẽ hình thành ngay trong chính tâm ta, trong mỗi chúng sanh của vũ trụ này!

Nam Mô A Di Đà Phật!

NĂM ĐÌNH SỬ ĐIỂM QUA HÌNH ẢNH “CON TRÂU” TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT LÝ ĐÔNG PHƯƠNG, TRONG VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN ĐẠI VIỆT TỪ THIỀN TÂM TRỤ

Chúng ta biết “Mười bức tranh chẵn trâu” hay “Mục ngư đồ” của Phật giáo đang lưu hành; “con trâu của Lão Tử”, con trâu trong ca dao, con trâu trong quốc văn giáo khoa thư.

Tôi xin thưa ngay, tôi không giảng giải từng bức tranh chẵn trâu, chỉ nhấn mạnh “người chẵn” có điều kiện cần và đủ nào để chẵn và chẵn như thế nào để “cả hai vắng bật” “Phản bốn hườn nguyên” rồi “nhập triều thùy thủ” với những lý do sau đây:

Tác giả đầu tiên của những bức tranh là ai và gồm bao nhiêu bức. Vấn đề còn khuyết nghị.

Tên gọi những “bức tranh chẵn trâu” vẫn chưa có ý kiến thống nhất. Thiền sư Thích Thanh Từ gọi là “bức tranh nhà thiền” (trâu toàn đen), “bức tranh đại thừa” (trâu đen chuyển dần sang trắng, ông Nghiêm Thức gọi “bức tranh trâu tiệm hóa” và “tranh toàn đen”,...

Nhiều tác giả giảng giải nhưng ý kiến chưa hoàn toàn nhất trí.

Hai bức tranh có chi tiết sai khác, nội dung tư tưởng lại đồng. Trâu biểu tượng cho Tâm Vô Minh, Tâm sai biệt, Tâm vọng động (Tâm của chúng sanh).

Người chăn dụ chúng sanh thấy đời khổ, nguyện lìa khổ tức thức giác đến với chánh pháp cầu đạo giải thoát; đây thường biểu thị lý pháp dẫn dắt người tu học phải thông suốt, hành rốt ráo; cây roi tượng trưng giới luật tuân thủ nghiêm túc cũng chính là cái Dừng của bậc trưởng phu tu học.

Muốn phản bổn hoàn nguyên, muốn kiến tánh thành Phật, người chăn phải theo con đường đã đi của Chư Tổ, Chư Bồ Tát, Chư Phật. Do vô minh che lấp bấn chọn tâm hay Phật Tánh, chúng sanh mãi đắm chìm trong Danh-Lợi-Tình, quên cả nẻo về.

Nay biết Tâm mình là Phật, Tánh mình là Pháp, từ Điểm Linh Quang của Thượng Đế, từ nguyên linh hay từ “buổi chưa phạm tội tổ tông”, mỗi chúng ta xuống cõi hồng trần nhiệm trước ngũ hành nên lạc lối.

Đức Ngài giảng tường tận về nguyên nhân chúng sanh lẫn quẩn trong vòng luân chuyển của tạo hóa, rồi chỉ ra con đường thoát khỏi “mê cung” vô minh. Chọn tâm con người bị vô minh che lấp nên bị luân hồi sanh tử. Ta phải hiểu vô minh thì không sợ vô minh, sẽ lìa xa vô minh.

Vô minh do chấp vọng, mong cầu sanh ra ảo vọng làm mờ đục cái “Nhân” chọn tâm khiến con người mù quáng, hành động sai với sự thật của lương tri. Thế là con người bị lôi cuốn vào Danh-Lợi-Tình, vì nhiễm cái niệm đó làm “nhân” mà gây ra thế gian ảo vọng, là gốc sanh ra lão, bệnh, tử. Bởi tâm sai biệt ta không thấy chọn tâm tịch tịnh, thường sáng, nhận giả làm chân, mắc sanh tử luân hồi.

Không phải già chết là hết. Vô minh và các nghiệp trước sanh ra những hành vi tạo tác gọi là Hành. Vô minh và Hành là nhân thuộc quá khứ kết hợp thiện, ác tạo điều kiện phát sanh, nó liên quan đến Hành mà Hành do vô minh khởi xướng nên gọi là Thức. Thức lấy Vô Minh, Hành làm duyên mà đầu thai.

Do sự cảm xúc, lĩnh nạp, sự nhớ thương những hành động tạo tác, gọi là Tâm Sở hay trạng thái Tâm tùy thuộc Thức mà Danh Sắc phát sanh tức Thọ, Tưởng, Hành gọi là Danh Sắc là hình hài vật chất kết hợp những yếu tố của Tâm là Danh thành ra bào thai.

Tùy thuộc nơi Danh Sắc phát sanh ra lục căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý căn là nội lục nhập thân và ngoại lục nhập thân là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc Pháp từ lục trần gọi Lục Cảnh.

Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ là quả thuộc hiện tại mà cái thân ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) hay Lục Đại giả hợp (phong, thủy, hỏa, thổ, không và thức) của chúng ta tại trần thế này.

Hai cái này liên quan mật thiết với nhau chủ yếu do nhân thức. Lục căn lục trần phát ra xúc. Tùy nơi Thọ hưởng, lĩnh nạp mà phát sanh bao gồm những thức ham muốn, khát vọng, thương yêu, ước mong, đó là Ái.

Ái đến cao độ làm con người nô lệ khát vọng của mình, là sự gắn bó, nắm chặt vào tà kiến, đưa tái sanh trở lại là Thủ.

Nếu hành từ kiếp trước trong sạch, lành tức nhiều thanh điển, gây được duyên tốt khi tái sinh được thọ hưởng trong an nhàn, sung sướng. Nếu hành từ kiếp trước bị nhiều trược điển bợn nhơ gây những duyên xấu, khi tái sanh, sanh vào trạng thái đau khổ. Đó là tiến trình của quả nghiệp là Hữu.

Ái, Thủ, Hữu là nhân thuộc hiện tại đưa chúng sanh đồng sanh trở lại.

Nói đến Hành là nói đến Thiện và Ác do vô minh tạo để phát khởi. Cho nên lại có hóa sanh, tất có Lão, Tử. Sanh, Lão, Tử thuộc tương lai. Cứ thế luân chuyển mãi, cứ theo nhân duyên mà Sanh hay Diệt. Duyên hợp thời sanh, duyên tan thời diệt.

Sanh sanh hóa hóa là cái duyên tụ hợp mà thành ra.

Ta sa vòng luân chuyển là do duyên hay nghiệp. Sự giải thoát của ta tự ta hiểu và biết mà tìm sự giải thoát. Ta rõ nguồn gốc của sự khổ do Nhơn duyên hòa hợp là nằm vào sự sanh diệt. Như vậy ta thoát được khổ tức không có sanh, không có danh sắc, không có lục nhập, không có thủ, không có ái, không có hành và không có vô minh.

Cái duyên cơ bản cốt lõi đưa chúng ta vào vòng luân chuyển là nhân thức, chánh kiến đứng đầu Bát Chánh Đạo. Biết đúng là biết thân ta, vạn pháp có nhưng không có thực, tức thấy sắc chẳng trụ sắc “sắc tức không” Phật dạy “Thấy tướng mà không tướng là thấy Như Lai”.

Lục trần là “món ăn” của lục căn. Sáu căn đối với sáu cảnh khởi động niệm phân biệt. Có niệm mà biết, do thức mà biết nên gọi vọng niệm hay vọng tâm.

Tâm có động, Ý mới chuyển, thức mới hành.

Ta phải tịnh tọa công phu đại định. Người tu thiền chỉ nói khi cần thiết, hơi không thoát giữ khí (đả ngôn tổn khí), khí tụ là dưỡng tinh. Như tinh không lậu ra lỗ tai, không ở sắc tướng mà ngưng thần, thân không lậu ở con mắt thì các việc đều không.

Ta nắm lấy mắt vì duyên dẫn của Tâm là con mắt. Mắt không động là Tâm yên. Ngoài nhân thức, nhĩ thức không kém phần nguy hại. Nghe chuyện thị phi, nghe điều siểm nịnh, nghe lời tâng bốc, gièm pha,... dẫn đến tự đại, cống cao, hành điều bất thiện.

Nhìn đây nhưng thấy mọi việc, mọi hiện tượng điều không. Tâm đi vào trong, tai không nghe bên ngoài, tất không nhiễm trần cảnh. Đó là Pháp Bê Nhĩ Căn.

Ta thấy được cái mờ tối của vô minh che lấp cái chân chính sáng suốt có sẵn ở tâm ta, ta đã nhận rõ cái chân thực là vô minh không còn.

Tìm được cho ta lối đi ra ngoài của bánh xe luân hồi sanh tử mà bức tranh “đắc ngư” hay bức tranh nhận ra “vô minh” và duyên đầy đưa ta vào con đường khổ.

Cả hai khởi đầu là “chấn trâu” đã tỏ ý muốn trở về quê cũ nhưng đường về lắm gian truân, nhiều chông gai tưởng chừng khó vượt qua.

Ta phải lìa bỏ nội căn Tham-Sân-Si-Ái và ngoại căn chủ động Tầm-Sắc-Tài-Phiền, khổ nổi “nhân dục vô nhai”. Sang bờ giác hay chìm đắm sông mê đều do chính cái thân của tình cha huyết mẹ ở cõi thế.

Còn sống con người cần các nhu cầu nhất định: Lấy vợ lấy chồng, ăn, ở, mặc, các tiện nghi khác, lo bảo vệ sinh mệnh để tồn tại.

Bởi vậy “người chấn trâu” phải biết tiết dục chủ yếu hạn chế “dâm căn” để tồn tinh, biết tri túc để tiết chế lòng tham. Tham ít thì sân giảm, sân giảm thì si không tăng trưởng.

Tam độc đã bị kiềm chế thì tính cạnh tranh phú quý cũng giảm thiểu. tình yêu thương vô ngã mới có đất nảy nở. Thật thiên nan vạn nan. Nhưng “đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông” thiếu tín tâm dứt khoát không đạt sở cầu.

Tín tâm là đầu của Đạo, là mẹ của công đức, là chánh chơn của tất cả công hạnh. Hoàn mãn tín căn cũng là sơ tâm Bồ Tát, nương nơi trí lực mà được thành tựu. Phải là người tín tâm bất thoái mới thoát khỏi luân hồi, vãng sanh Cực Lạc. Thiếu tri chí hay cái dừng khí của bậc trượng phu tu học tất dễ chao đảo, dễ khởi lòng tham, dễ bị “mùi phú quý, bả vinh hoa” mê hoặc, quyến rũ, thôi chuyển. Bất tranh, chẳng có kẻ thù, tâm được thanh tịnh, tánh tự nhiên trầm tĩnh. Không người, không ta, dứt các ưu phiền. Ưu phiền là gốc khổ, ảnh hưởng đến xác thân. Ưu phiền, sợ hãi, giận dữ, phẫn nộ, gây nguy hại cho thân, cho trí nhớ, cho ý chí.

Bất tranh thì tâm an, tâm an thì thân sáng khoái. Cạnh tranh, giành giật thì tâm hỗn loạn thì không thể tàng thần được. Thần tán thì mạng nguy.

Câu cách ngôn tây phương còn đó: “Người là chó sói của người”. Với những lý lẽ phi nhân, bất nghĩa thậm chí đến lối bịch con người kéo nhau vào vòng chém giết không nương tay.

Người chấn phải phát tâm Bồ Đề, giữ tâm này luôn bền chắc. Bệnh căn tham, sân, si, ái chẳng dứt do tâm ý bất chánh, chưa quyết lìa tục, chưa quyết tu. Nhưng tu thế nào? làm sao tu? câu hỏi có lời giải đáp.

Danh-Lợi-Tình luôn có sức quyến rũ, mê hoặc mãnh liệt. Không mấy ai có thể làm được như Đức Thế Tôn nhất thời lìa bỏ cả sự giàu sang, quyền thế, danh vọng, tình yêu, hạnh phúc, sống cuộc đời chơn tu, đạm bạc.

Ngài Bồ Tát Hộ Minh lâm phạm cứu thế, thời điểm hoa Chánh Pháp nở, các chư vị hộ trì Ngài, con ngựa Kiền Trắc mới đưa Ngài vượt khỏi sự canh gác nghiêm ngặt của đội “Ngự Lâm Quân”

Cắt ái, ly gia một cách tự nguyện, bình thản, Ngài Bồ Tát Hộ Minh nan thành khổ hạnh, cuối cùng tham thiền nhập định bốn mươi chín ngày dưới cây Bồ đề, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Kinh sách của chư tổ, chư Bồ Tát, chư Phật dạy chúng sanh thấy khởi nguyên nhân của Khổ, chỉ con đường thoát khổ. Ngặt nổi ba mươi ba vị Tổ thực hiện giáo pháp “tâm truyền tâm” Như Lai chánh pháp nhãn tạng với Niết Bàn Diệu Tâm là bí pháp truyền tâm khẩu đến tổ thứ ba mươi ba.

Hành đắc bí pháp này đạt cảnh chơn không mở đại trí huệ (Ma Ha Bát Nhã), chứng quả Niết Bàn Diệu Tâm. Kinh gọi là “Phản Bối Hoàn Nguyên”.

Hành đây là thiền định, phép thiền như thế nào? Chư Tổ không truyền rõ cách luyện tập trong kinh sách.

Đức Huệ Năng, tổ thứ ba mươi ba không biết chữ, đến làm lễ ra mắt Tổ Hoằng Nhẫn. Qua vài câu vấn đáp với Huệ Năng, Tổ Hoằng Nhẫn đã thấy chơn linh, tài đức của Huệ Năng và cũng đến “cơ duyên” truyền thừa y bát. Điều này tổ Hoằng Nhẫn đã biết hoặc chư vị “thông báo” hay các đáng bề trên chuyển vận xuống.

Công việc giả gạo, bửa củi là giai đoạn cuối cùng kiểm chứng cái ngã bản năng của Ngài Huệ Năng. Và đồ chúng bấy giờ chỉ tham tu phước không tu Huệ nên tâm còn bôn xển, so đo, có thể hãm hại Huệ Năng, yêu cầu đồ chúng viết kệ làm sáng tỏ chánh pháp truyền thừa y bát. Đặc biệt cuộc hội ngộ cuối cùng chỗ nhà giả gạo, Tổ Hoằng Nhẫn nhìn rõ con người vị pháp quên thân. Canh ba đêm ấy Tổ truyền y bát cho Huệ Năng. Có thể đêm đó, Tổ Hoằng Nhẫn dùng bí pháp của thiền môn khai mở, chơn linh Huệ Năng trụ nơi xác phàm, có nhiều quyền năng hoằng pháp độ thế.

Việc nghe thầy giảng kinh Kim Cang đến chỗ “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” Huệ Năng hoát nhiên liễu ngộ cũng dụ nhắc nhở chơn linh của tiền kiếp. Ngài Huệ Năng đã đắc quả, từ cõi thượng tình nguyện xuống thế độ chúng sanh. Cơ duyên đến, Ngài thị hiện.

Ngài “mù chữ”, giảng pháp rất lâu thông. Đâu phải phạm nhân, phạm tánh nhất đản liễu ngộ? Sự kiện này khiến ta liên tưởng đến phẩm “Thường Bất Khinh Bồ Tát” trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Lời dạy của Chư Tổ, Chư Bồ Tát, Chư Phật đã được các vị thiền sư, các nhà nghiên cứu thông thái phật học nghiên cứu, luận giải.

Khó một điều lời Phật dạy chỉ Phật mới hiểu. Pháp Phật cũng chỉ Phật mới thấu đáo. Phải là Phật tại thế mới dẫn dắt, hành pháp của Đức Thế Tôn và Pháp của Đức Ngài Di Lặc Tôn Vương Phật ngộ hầu theo chân của Chư Tổ, Chư Bồ Tát, Chư Phật dẫn độ, cứu độ, hoằng độ chúng sanh.

Đức Ngài lâm phạm có đủ Sắc Lệnh, Pháp Lệnh, Ấn Lệnh của Đức Vua Cha, Đức Mẫu Mẹ. Đức Ngài có quyền năng truyền pháp tối thắng của Đức Thế Tôn và Đức Ngài Di Lặc Tôn Vương Phật.

Hiểu rõ kinh sách mới chỉ dừng ở chỗ “giải ngộ”. Còn chứng ngộ hay liễu ngộ (đắc quả) quả ít ỏi!

Ở đời Mạt Pháp, nhờ thời đại Hồng Ân, đại Ân Xá này, chúng sanh cõi Ta Bà được Đức Ngài chỉ dạy “Bát Chánh” căn cơ đạo đức con người và pháp thiện của Đức Ngài mới đưa chúng sanh, kể cả người chần xuất gia hay tại gia “phản bổn hoàn nguyên” thoát vòng sanh tử luân hồi.

*Chúng ta hữu duyên hoặc có thiện duyên được Đức Ngài thọ ký vào Pháp Vô Vi Quy Nguyên phải phát nguyện bằng tín tâm, bằng chí thành tuân hành nghiêm túc lời dạy của Đức Phật Thầy. **Chúng đệ tử Từ Tôn chỉ có tiến tu, không có thoái chuyển.***

Phải luôn tỉnh thức trì chí, kiên nhẫn, phát huy dũng khí người tu học để tránh sự mê hoặc, cảm dỗ, dẫn dắt của quân ma, tà pháp.

Đệ tử Từ Tôn chúng ta phải hiểu và biết rằng: Lời thọ ký của Đức Ngài cho huynh đệ, tỉ muội chúng ta là chân thật. Còn đạt sự thọ ký của Đức Ngài hoàn toàn tùy thuộc mỗi chúng ta. Chúng ta chưa liễu ngộ tức chưa đắc quả tại thế vì chúng ta ý lại, giải đãi, tu cho có tu, công phu gián đoạn, đứng núi này trông núi nọ.

Chúng ta phải luôn luôn sám hối, hành đúng lời Thánh Giáo và Pháp Đức Ngài ban dạy. Thực sự tinh tấn cả đời lẫn đạo thì chư vị đến hộ trì, Đức Ngài sẽ khai mở.

Vắng Đức Ngài, còn Hậu Thân Đức Ngài dẫn dắt. Đừng lo không đắc chỉ lo mình biếng học, trì trệ trong tu học mà thôi.

CON TRÁU CỦA LÃO TỬ ?

Con trâu của Lão Tử là trâu xanh, không phải trâu phàm vì mỗi cử chỉ đều biểu lộ phong thái chân tu. Qua sự tích huyền học, Lão Tử cưỡi trâu xanh qua cửa ải Hàm Cốc.

Tiền thân của trâu xanh là Mộc Công Thanh Đế ở phương đông hóa thân. Còn Đạo Tổ hóa thân làm Lão Tử, tình nguyện lâm phạm ở Á Đông, lãnh sứ mạng phổ độ chúng sanh cõi này.

Nghề nông vốn là nền tảng sinh hoạt và phát triển quốc gia Á Đông. Con trâu là phương tiện duy nhất cho việc canh tác thời xưa. Lão Tử cười trâu xanh là biểu tượng cho cứu người, giúp đời.

Đạo Tổ hóa thân là Lão Tử truyền đạo để giáo hóa chúng sanh và đã cười trâu xanh qua cửa Hàm Cốc trao cuốn Đạo Đức Kinh gồm năm ngàn chữ cho người giữ ải tên là Y Hỷ. Sau đó Đạo Tổ lại hóa thân qua Ấn Độ dạy dân nầy tục thờ bò, coi bò là thánh. Đó là sự thần hóa của Đạo Tổ.

Trâu bò ở thế gian rất cực nhọc, nào phải kéo xe, cày ruộng, nào hiến thịt, sữa giúp nuôi sống con người. Đáng trách con người không biết đến công lao to lớn của trâu bò mà còn tảo tợn dùng búa giáng xuống đầu trâu bò hoặc dùng điện đi vào chúng rồi lột da, mổ bụng, ăn thịt thoải mái.

Thực tế trong cuộc sống, nhân loại có lúc, có nơi nạn dịch trâu bò bùng nổ làm con người thất điên bát đảo. Bệnh lây từ trâu bò cũng đem lại cho nhân loại không ít như bệnh lao, sẩy thai, truyền nhiễm, bệnh vàng da, viêm gan,... Đó là sự cảnh báo nghiêm khắc.

Hiện nay nhiều nước Tây Phương rung động, lo âu vì nạn bò điên xuất hiện từ nước Anh, có nguy cơ bệnh đại nầy lây lan sang người dùng thịt đồ mang bệnh. Cuộc chiến thịt bò còn ỉ xèo trên thương trường.

Trâu xanh một sừng của Lão Tử là loài thú ở cõi trên, là trâu trời, thủy tổ các loài trâu bò thế gian. Trâu bò trần gian tuyệt nhiên không có màu xanh mà chỉ có màu lông sắc vàng, trắng đen,...

Trâu của Lão Tử nuôi và cười có một sừng mà thôi vì Đạo của Đạo Tổ có một không hai. Đạo đây là Đạo Tiên lấy kim tiên là cực phẩm tức Vô Cực Kim Tiên.

Công phu đạt tới mức độ tối thượng thừa của Đạo là luyện Tam Hoa Tụ Đảnh, Ngũ Khí Triều Nguyên. Tam Hoa Tụ Đảnh là luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư. Tinh của nam nữ phối hợp hình thành con người.

Tinh là chủng tử của luân hồi.

Nội kinh nói: “Thận tàng tinh”. thận chủ về thủy chứa tinh của lục phủ, ngũ tạng. Thân ở dâm căn người tu đạo, tâm phải tiết dục. Tinh tròn đầy thì khí lực mới sung mãn, nuôi sống người. Thận vững, khí hòa thì không còn sợ hãi. Ngược lại người tham sắc dục, thận thủy suy (tinh khí hao tổn) thường hay sợ hãi, tâm hoảng loạn tất không tu luyện được, không đạt Đạo được.

Khí tụ, thần lai; khí tán, thần khứ. Thần khí rất quan trọng mà Thần là chủ tử. Thần trong sáng thì tâm phải định, chẳng động. Miệng nói, tai nghe, mắt thấy cái nầy, cái nọ làm cho lâm lâm, hao mòn Tinh-Khí-Thần. Người tu hành phải lấy Chơn Ý thu Tinh-Khí-Thần đem vào trong Kim Đảnh. Đó là Tam Hoa Tụ Đảnh.

Tinh-Khí-Thần cũng gọi là Tam Huê. Còn ngũ khí triều nguyên: Kim-Mộc-Thủy-Hỏa-Thổ, tất cả ở yên chỗ phần hành của mình.

Mỗi ngày ngũ khí có hao kém bởi ngũ tạng Tâm-Can-Tỳ-Phế-Thận hay chuyển động. Ta phải tạo tác thế nào cho ngũ hành hội tụ “châu nhóm” nơi Huyền Quang khiêu gọi là ngũ khí triều huyền hay triều nhóm. Đó là sự huyền diệu của vạn vật mà sự huyền diệu là cơ quan chánh. Nếu ta thông suốt được sự huyền diệu là ta nắm chắc được cơ quan của vũ trụ.

Chúng đệ tử Từ Tôn hữu duyên được Đức Ngài truyền dạy pháp luyện Tinh-Khí-Thần. Hay luyện Ngươn Thần. Luyện Tinh-Khí-Thần, thực ra là luyện Tâm cùng luyện Tánh.

Định Tâm phải hành pháp tịnh tọa công phu đại định. Tánh là do hành động. Trui rèn được tánh là Đạo. Muốn đạt đạo, người tu phải biết đủ thì tình dục phải dừng. Tâm mới an ổn.

Luyện Tánh là lìa bỏ phàm tâm. Muốn thực hiện điều này, chúng ta phải thấm nhuần thánh giáo Đức Ngài; đem Bát Chánh vào mình là cứu cánh ở đời. Rồi hành pháp luyện ngươn thần.

Phải thay thế lục trần hay lục cảnh bằng bát chánh cho lục căn khéo hợp với pháp công phu tịnh tấn mới trừ được nội căn Tham-Sân-Si-Ái và ngoại căn chủ động Tầm-Sắc-Tài-Phiền cũng diệt trừ được tam tâm tức tâm không tương tới quá khứ, tâm không giữ hiện tại, tâm không khởi tương lai tất vượt qua ba giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) thành chánh quả.

Đạo gia, Nho gia dạy đệ tử của mình thực hiện rốt ráo “Nhân-Lễ-Nghĩa-Trí-Tín”.

Nho gia lấy ngũ luân, ngũ thường chế phục “Tâm Viên, Ý Mã”.

Đạo gia tôn ngũ thường để triệt tiêu lòng Tham-Sân-Buôn-Vui ắt Tinh-Khí-Thần mới định thì ngũ khí triều nguyên. Ngoại cảnh không tác động ảnh hưởng đến tâm ta, ắt tự tại vô ngại đạt quả vị Kim Tiên.

Đạo Đức Kinh, chương đầu nói: “Thường hữu dục dĩ quán kỳ khiêu, thường vô dục dĩ quán kỳ diệu” (Thường có dục thì xem cái khiêu ấy, thường không có dục thì xem cái huyền diệu trong khiêu ấy). Khiêu là nhãn thức vậy.

Đức Lão Tử nói: “Ngộ tòng vô lượng kiếp lai quán tâm đắc đạo”(Từ vô lượng kiếp tới nay ta nhờ quán tâm mà thành đạo).

Tất cả đều trở về rèn tâm được định tĩnh, thường sáng.

CON TRÂU TRONG VĂN CHƯƠNG DÂN GIÀN VIỆT TỘC

Đức Đạo Tổ hẳn rất hoan hỉ thấy nhà nông Đại Việt trân trọng, ưu ái, biết ơn trâu bò.

Trâu bò được nhân hóa, coi như một thành viên trong gia đình, sống thật gần bó, tình cảm thân thương, luôn luôn có nhau. Người, trâu bò xây dựng cuộc sống, cùng chia sẻ khôn khó lúc hạn hán, lụt lội, sâu rầy mất mùa, thất thu, cùng hưởng ấm no khi Trời cho phong đăng hòa cốc. Người, trâu bò phân công lao động, mỗi bên lo phần việc của mình rất bình đẳng.

“Rủ nhau đi cấy, đi cà
 Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu
 Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
 Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.”
 Ca Dao.

Rõ ràng nhà nông coi trâu như bạn đồng hành đắc lực, đồng cam đồng khổ.

Không phân biệt người, vật, có lẽ trên thế giới chưa có dân tộc nào đối đãi với trâu bò bằng sự đồng đẳng, bằng tình hữu ái như thế!

Việc nông tang vất vả, cực nhọc, không trâu bò nhà nông đành bó tay. Có trâu bò mà không người điều khiển, liệu có ích lợi gì?

Trâu bò góp phần sản xuất lúa gạo, hoa màu cho nông dân.

Nờ trâu bò, dân ta mới có đủ lương thực, mà sống. Công lao này, nông dân ghi nhận, đền đáp xứng đáng. Ranh giới trâu - bò - người không còn.

Chính cái chân tình đó khi nhà nông cật lực làm việc, trâu chẳng dám quản công.

“Ta đây trâu đấy, ai mà quản công.”
 Ca Dao.

Nhà thơ dân gian không chỉ ca ngợi tình thương chan hòa, cái quan niệm bình đẳng người-vật, sự trân trọng hạt gạo làm ra do sức trâu-người mà còn khám phá mối tương quan trong sản xuất, giữa chủ-công nhân, giữa nhà nước-nhân dân.

Phải đánh giá đúng mức công sức lao động, trả đồng lương thỏa đáng, không kiêu binh quân:

“Bao giờ cây lúa còn bông (có gạo ăn)
 Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn (nhà nông cắt cỏ cho trâu ăn).”
 Ca Dao.

Nó là động lực khích lệ sự hăng say làm việc, trí phát kiến phát triển xã hội. Đây là quan niệm mới mẻ đầy tính sáng tạo. Nay trong xí nghiệp, chủ nhân có sáng kiến cổ phần hóa cho các công nhân hay nhà nước khoán tư nhân canh tác, trồng rừng v.v... năng suất hiệu quả kinh tế rất cao.

Người ta chỉ biết tự tư, tự lợi, bóc lột sức lao động người khác ắt mâu thuẫn phát sinh, sớm muộn sự đối đầu xảy ra. Nhưng vụ đình công nơi các nhà máy cơ sở kinh doanh sản xuất, hoặc bỏ bê sản xuất kiểu “Cha chung không ai khóc” là ví dụ điển hình.

*Tình thương cả với con vật, mà người Việt há chẳng yêu thương đồng bào, đồng chủng?
“Thương người như thể thương thân”.*

Tình thương vô ngã này là hoa Đạo Lý. Nó đã nảy nở suốt dòng sử mệnh đương đầu với bao bão táp phong ba mà tồn tại, sống còn.

Cháu con Rồng Lạc tiếp nối, phát huy truyền thống yêu thương vô ngã ấy góp phần mở rộng vòng tay từ ái đến suốt mặt loài người cho nụ thế giới đại đồng sớm nở hoa tỏa ngát hương thơm.

CON TRÂU TRONG QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ

Sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư có bài “Chăn trâu” như sau:

“ Ai bảo chăn trâu là khổ?

Không, chăn trâu sướng lắm chứ!”

Đầu tôi đội nón mê như lọng che, tay tôi cầm cày tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ, trong khoảng trời xanh lá biếc, tôi với con trâu thảnh thơi vui thú, tưởng không còn gì sung sướng bằng!

Người chăn đã đạt được tâm bình thân trước lợi danh. Đối với họ, cỡi trâu hay cỡi ngựa, kẻ cả ngựa trên xe hơi sang trọng bậc nhất hay chuyên cơ tốc tân kỳ, lọng hoặc nón mê cũng như các nghi thức ngoại giao long trọng đón tiếp các quan chức cấp cao, roi ngựa ư khác chi cày tri tức là cảnh vinh hoa phú quý, đời sống đậm bạc đầu có khác gì.

Phải biết tri túc tiết dục mới chế phục tam độc mới trì được tam tâm. Ngoại cảnh không huyễn, không mê hoặc được lòng mình. Đối cảnh tâm chẳng động, ý không khởi, thức không hành.

Chế ngự tâm vọng, cần nắm lấy con mắt, cần giữ hai lỗ tai.

Người chăn trâu không nhìn đời ô trược, chẳng nhìn cảnh tranh danh đoạt lợi.

Người chăn trâu chỉ nhìn cảnh thiên nhiên, nhìn đàn bướm tự do bay lượn trên đám cỏ.

Tai người chăn trâu không nghe tiếng thị phi, thiện ác mà chỉ nghe tiếng chim hót lạnh lớt trong lùm cây.

Kẻ phàm hăm hở chen chân vào chốn phồn hoa đô hội, đuổi theo Danh - Lợi - Tình. Người chăn trâu sớm biết:

“Mùi phú quý như làn phú phí,
Bã vinh hoa lừa gã công khanh
Giác Nam Kha khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.”

Cung Oán Ngâm Khúc.

*Chỉ còn cái nghiệp!
Vạn hữu vô thường. Họ không muốn khổ.
Họ thấy niềm vui nhẹ nhàng, thoải mái vì danh lợi không còn đủ sức cám dỗ, trói buộc họ.*

Trâu và người là một. Trâu có thể là tâm người chẵn đã an tịnh, hòa với cảnh thiên nhiên “trời xanh lá biếc”.

“Tôi với con trâu thành thoi vui thú, tưởng không còn gì sung sướng cho bằng!”

*Ai cũng làm theo người chẵn trong bài này ắt hữu ái sẽ lan tỏa cùng khắp hành tinh.
Chiến tranh sẽ tắt lịm. Cảnh an lạc đến với mỗi con người.*

Mong thay điều đó sớm đến với loài người khổ đau!

Luận **Thánh Danh**

Từ Thiện Phúc

*Đệ tử Từ Tôn kính đánh lễ Đức Cha Lành A Di Đà Phật,
Kính đánh lễ Đức Mẫu Mẹ Sáng Tạo,
Kính đánh lễ Công Đồng Chư Phật,
Kính đánh lễ Công Đồng các cõi,
Kính các Bạc Hiền Thánh Thiên.*

Trên bước đường tu học của đệ tử, Thầy đã thọ ký danh cho con là Từ Thiện Phúc. Chúng con là đệ tử của Đức Ngài Di Lạc Tôn Vương Phật, danh Ngài là Từ Thị.

Kính xin Ôn Trên soi sáng cho con, ân xá cho con sơ sót trong sự hiểu biết về Thánh Danh này.

TỪ là lòng thương tất cả mọi người, tất cả chúng sanh, sẵn sàng giúp cho họ được các sự vui sướng, lợi ích về vật chất và về tinh thần; tấm lòng bình đẳng không nhiễm mọi sự khổ sướng; đối với chúng sanh không phân biệt kẻ oán thù người thân thích. Lòng từ của Chư Phật, Chư Bồ Tát mệnh mông vô tận, phổ khắp tất cả mười phương các cõi, nên gọi

là Đại Từ. Vì lòng từ ái nên luôn làm sự lành, cứu giúp kẻ nghèo khổ, bệnh tật, hoạn nạn trong đời. Từ cũng có nghĩa là chữ viết; là bỏ lại tất cả.

Như vậy, hạnh đầu tiên và trên hết phải là tu tập lòng từ. Mở rộng lòng mình chan hòa cho tất cả. Cho và quên!

THIỆN là lành, tốt, thuận theo đạo lý, có ích cho mình và cho người. "Có sức chiêu cảm quả báo vui sướng sẽ tới, trừ tuyệt những mối khổ của phiền não đã phát sanh, đương phát sanh, hoặc sẽ phát sanh." Thiện tức là vô tội, không lỗi lầm, các điều thiện đều do nơi thân thể, lời nói và nhứt là tâm ý là chánh gốc vậy.

Về thân thể thì không sát sanh, cứu vớt người và vật; không dục đạo; bố thí, dùng lời nói hòa nhã làm cho người ta thương yêu nhau; không giận hờn, lúc nào cũng an lạc thân tâm; không si mê, lúc nào tâm tánh cũng sáng suốt theo về với Chánh Pháp.

Bởi lấy thiện làm căn bản, nên lúc nào lời giảng của Phật cũng đủ về hòa nhã, khiêm nhượng, êm dịu và thanh thoát. Trong mỗi lời thuyết pháp của Phật từ đầu tới cuối đều toàn thiện.

PHÚC là việc yên thuận, cảnh vừa ý, điểm tốt lành, đồng nghĩa công đức. Làm việc lành, việc phải, việc chánh bằng thân thể, lời nói và ý tưởng thì được phúc. Phúc này đến cho mình đời này hoặc đời sau bằng những sự sang trọng, vinh diệu, giàu có, sống lâu, yên ổn, và mọi sự vui sướng.

Nhà tu hành có 3 cách lập phúc: Thứ nhứt là bố thí, cúng dường, và nuôi dưỡng cha mẹ; thứ hai là trì giới; thứ ba là tu định. Như vậy là tam phúc. Người tu hạnh Bồ Tát muốn thành quả, nên tu Phước và Huệ. Tu phước là làm nên các công đức tế độ chúng sanh. Tu huệ là dùng Thiền Định mà diệt tận các phiền não, phá tan vô minh.

Như vậy, người có từ có thiện mà không ban rải sự từ thiện đó cho người khác cũng không được. Người biết tu có pháp mà không truyền ban Chánh Pháp cũng không được. Do đó, "thân người có khổ, ta dùng tài thí; tâm người có khổ, ta dùng pháp thí."

Trong suốt quá trình hành điều thiện, điều lành, điều hạnh phúc cho kẻ khác, người tu học phải biết bỏ lại các điều ấy chớ đừng bám víu vào sự việc. Làm đó rồi quên đó, đừng chắt chõng các ảo tưởng là ta làm việc này ta sẽ được hưởng những phúc báu này, làm việc kia được hưởng những phúc báu kia. Đệ tử Từ Tôn được sanh trong đời là một nhân tố tích cực cho Đạo Pháp, là ánh quang cho đời noi theo, một nét son cho sự thành đạt. Người ta chỉ thực sự hạnh phúc khi xung quanh mình được hạnh phúc, và hạnh phúc chỉ đến với người biết nghĩ đến Thiêng Liêng, đến với người khác.

Đời, Đạo như bóng với hình; như đời phải giúp ích cho Đạo Pháp trường tồn vĩnh cửu, đạo không đời là đạo không được chứng trong kinh nghiệm thì làm sao sát với thực tế nhân sinh. Đừng làm điều gì để khi nghĩ lại mình phải ân hận. Hãy suy nghĩ cẩn thận, hãy làm việc cẩn thận.

Từ ngày con được học Đạo với Tôn Sư, thân tâm con lắng đọng, vì nếu hiền lành, nhân hậu, đầy đủ phúc báu mà không tu không hành thì không tiến đến cõi như tịch tĩnh được. Hành theo lời dạy của Thầy, lấy chúng sanh làm gốc, và nhờ pháp Tôn Sư ban, con cố gắng hướng dẫn chúng sanh vào pháp Vô Vi Quy Nguyên để tự giải nghiệp, tự tu, tự chứng, và tự đắc. Chúng sanh càng tu nhiều, chúng sanh càng bớt khổ, con đường giải thoát hiển hiện.

Tất cả đều vô thường, nhưng hành động là một hiện hữu. Xuyên qua hành động, con thể nghiệm được thực chứng của sự vật. Hành để chứng, suốt cuộc đời là sự liên tục của những tư duy, những hành động, những hạnh, tức là phải và cố gắng hành toàn điều thanh, điều thiện, xa rời sự không thánh thiện để hoàn phục tâm, vì sự ác và sự thiện, sự tốt đẹp và không tốt đẹp cứ cận bên như hình với bóng, như bên này và bên kia vực thẳm. Ta không hành điều thiện, tức ta sẽ hành điều bất thiện thể thôi. Đến khi nào không còn điều thanh điều thiện để hành nữa thì sự phân biệt sẽ không còn nữa. Vì lẽ đó, thân tâm phải được trui rèn bằng hành động, không phải bằng lời nói.

Cũng như sự hiểu thảo không được đánh giá qua sự phô trương vật chất, bề ngoài, nhưng được đánh giá qua hành động, cách ăn, cách nói, cách đối xử thường ngày. Những chuỗi ngày ấy kết lại thành một tràng những hạnh lành của người con hiểu thảo. Phúc báu thay, ai có cha mẹ già để phụng dưỡng, vì có khi người đã thành nhân chí mỹ mà cha mẹ lại không còn.

Phúc, Thiện, Từ; Từ, Thiện, Phúc; con tự hỏi con đã hành được chưa, đã hành được đúng ý như Bề Trên mong muốn khi ban ân huệ cho con được Thánh Danh này?

Con chỉ biết cố gắng trui rèn, sửa đổi cho thân tâm con ngày càng trong sáng và lành để làm người hướng dẫn trong sáng cho nhân sinh. Con chỉ biết cuộc đời con gắn liền với chữ hạnh, và con cố gắng làm thật nhiều hạnh lành để được quỳ phục bên chân Thầy.

Kính Đức Thiên Tôn, kính Đức Cha Lành, kính Đức Mẫu Mẹ Sáng Tạo, kính các Bậc ở cõi Thiêng Liêng, kính Tôn Sư, nương theo pháp Thầy dạy, con chỉ có một tấm lòng để dâng lên Đức Từ Phụ.

Nam mô A Di Đà Phật

TÂM NGUYỆN

Người học trò đến trường bước đầu là khai tâm học hành, sau là mong muốn thành đạt trên đường học vấn và thành công khi bước vào xã hội. Muốn thành danh phải có chí hướng. Chí hướng đây là tâm nguyện của người học trò làm hướng đi cho việc học và bước vào đời.

Người học Đạo phải khai tâm học hỏi, hành pháp, mở sáng dần tâm trí và bước dần vào tòa nhà Đạo Pháp. Muốn thành đạt sở cầu phải có chí hướng. Chí hướng đây là tâm nguyện của người học Đạo làm hướng đi cho việc tu hành.

Tâm nguyện như một định hướng cho người học trò hay người học Đạo.

Tâm nguyện xuất phát từ lòng thành tự nguyện:

Do sự tin và hiểu về Đạo Pháp mà có tâm nguyện phát từ lòng thành. Đó là bốn phận và niềm tin vào Đạo Pháp. Có vị nguyện cầu cho mình hết bệnh, có đủ sức khỏe tu học. Có vị nguyện cầu tâm trí sáng suốt, học đúng Thầy đúng Pháp. Có vị nguyện cầu Tam Bảo gia hộ khi làm việc cho Đạo Pháp. Có vị phát nguyện học Đạo vì chúng sanh. Có vị phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện như:

- (1) Chúng sanh vô biên thệ nguyện Độ.
- (2) phiền não vô tận thệ nguyện Đoạn.
- (3) Phật Pháp vô lượng thệ nguyện Học.
- (4) Phật Đạo vô thượng thệ nguyện thành

Hay phát Ngũ Hoằng Thệ Nguyện là thêm:

- (5) Như Lai vô biên thệ nguyện Sự.

Nói chung, điều mong ước có thể vì bản thân, người thân, Cứu Huyền Thất Tổ, chúng sanh và Đạo Pháp. Tâm nguyện lập chí mộ Đạo nhỏ hẹp hay rộng lớn tùy theo khả năng và giác tâm.

Lập nguyện là định hướng vững niềm tin để từ đó bền tâm bền chí tu trì:

Không có tâm nguyện, không có lập nguyện là chưa có quyết tâm tiến tu, chưa có niềm tin hiểu vững vàng nơi Đạo Pháp và chưa đặt nền vững để huân tưỡng dần niềm tin sâu vào Đạo Pháp. Giống như người tu lấy có, tu đến đâu hay đến đó. Gặp cảnh thuận tâm ý thì dốc lòng siêng năng tinh tấn, gặp cảnh nghịch hay nghiệp lực khảo đảo thì lui. Tuy có tín tâm tu hành nhưng chưa vững và chưa chí quyết.

Đức Ngài dạy: “Nếu tu gọi cho có, trải qua trăm kiếp cũng không thành công tu. Trước siêng năng công phu, sau bê trễ, đó là thiếu thiện chí vững chắc. Thật đáng tiếc!”

Như vậy, lập nguyện là tự tin vào Pháp Đạo, tự tin vào khả năng của mình và chí quyết thực thi chí hướng.

Lập nguyện là gieo chủng tử Thiện Pháp!

Lập nguyện là gieo chủng tử tâm nguyện vào tiềm thức. Chủng tử hướng thượng, hướng thiện để hướng con người vào Đạo Pháp và đem thân tâm sông với tâm nguyện, sống với Đạo Pháp.

Từ tâm nguyện mà dụng các phương tiện theo khả năng để hành nguyện đi dần vào cuộc sống với thực tế, sống với thực tại. Như vậy, tâm nguyện là nền tảng của người học Đạo, định hướng cho một tâm niệm hướng thượng trở về Thiện Tâm Thiện Tánh.

Lập nguyện là tiếp tục cuộc hành trình đã đi!

Nhân sanh từ sơ khai trải qua bao cuộc tiến hóa cho đến ngày nay. Có vị ra đời ý thức dần con đường hướng thượng, thích làm việc thiện giúp đời, thích sống theo Đạo Pháp và tâm nguyện tự mở ra. Đó là do nhân lành đã có. Có vị cần duyên chuyển hoặc cần biến chuyển mạnh bất ngờ trong cuộc sống mới tỉnh giác.

Nhân sanh bước vào Vô Vi Quy Nguyên vốn đã trồng căn lành từ nhiều kiếp hay đã có nguyện ước từ bao đời, nay tiếp tục tu sửa.

Các vị từ bỏ cảnh phúc lạc miên trường và chuyển thể đến với Vô Vi Quy Nguyên, tiếp tay cùng Đức Ngài hoằng khai Đạo Pháp cứu độ quần sanh. Như vậy, lập nguyện như một nhân tố huân tướng đức tin và tăng thêm nguyện lực trên đường tiến hóa.

Thành tâm chí nguyện là yếu quyết tiến tu!

Các vị thành tâm lập nguyện với Đạo Pháp sẽ được Thầy Từ Minh Đạt khai mở đường Thông Thiên để tiếp nhận điển quang. Sau đó, Thầy hoặc người hướng dẫn sẽ từ từ hướng dẫn tất cả những Bí Pháp của Vô Vi Quy Nguyên gồm 48 giai đoạn. Đây là những Bí Pháp mà các Chư Phật đã dùng để đắc quả tại thế.

Cũng nên biết thêm: Khai mở đường Thông Thiên tiếp nhận Tiên Thiên Khí mở bung nội thể và khai mở Huyền Quang thoát vòng sanh tử luân hồi là 2 điểm mà các pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên đều được học.

Thọ nhận Bảo Pháp:

Các Bảo Pháp Hồng Ân, Bửu Châu ban cho các vị khác nhau chỗ tâm nguyện hay không tâm nguyện. Hồng Ân do nguyện mà có! Như các vị đã biết: Hồng Ân ban ra là để hoằng pháp!

Các Bảo Pháp Hồng Ân, Bửu Châu, Kim Cang trở lên mà Ôn Trên ban cho các vị, chúng sanh thọ hưởng Hồng Ân nhiều hay ít là do các vị hành pháp độ sanh. Đường hành pháp xuất phát từ tâm nguyện của các vị.

Ôn Trên trợ lực:

Theo chứng nghiệm từ các bậc tiền nhân và các pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên thời nay: Khi chí quyết hành nguyện vì nhân sanh vì Đạo Pháp, tâm trí sẽ chuyển đổi dần, tốt đẹp

hơn, sáng suốt hơn, soi sáng các bước đường tu học bằng kinh nghiệm sống và chứng nghiệm thực tại, đồng thời phá tan mọi nghi chấp từ hữu vi đến vô vi. Đó là do thân tâm thật sự chuyển hóa theo Đạo Pháp và do Ôn Trên trợ lực. Đây là một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của người tu học.

Sự tương quan giữa tín tâm và hành nguyện:

Từ lòng tin khởi tâm nguyện mà hành dụng. Muốn có lòng tin vững phải học và hành các phương tiện pháp thích nghi hiện có theo khả năng để chuyển hóa giải tỏa dần mọi thắc mắc nghi chấp nơi tâm. Lòng tin đưa các vị vững tâm để tiến bước. Muốn hành nguyện trước phải lập nguyện và hành dụng nơi tâm, chuyển hóa nơi tâm. Từ đó, mới có thể hành dụng và chuyển hóa tha nhân.

Do đó, song song với ý chí tu trì chí nguyện là đưa Đạo Pháp nhập tâm để vững bước, bên cạnh là đạo hạnh có từ giới đức lấy Bát Chánh làm căn bản và giữ tâm thanh tịnh là cốt yếu.

Lập nguyện với Pháp với Đạo để có đức tin vững chắc, đó là lời vàng ngọc mà các vị cần nắm giữ. Từ đó tu trì, không lo chẳng thành công!

Để kết luận bài Tâm Nguyện, TCQN xin ghi lại lời Đức Ngài: “Từ bi là gốc của muôn hạnh lành. Chính vì lòng từ bi mà Đức PHẬT THÍCH CA và Đức CHÚA JÉSUS CHRIST phát ra Đại Nguyện: ‘Đem thân ta chịu hết khổ đau cho chúng sanh.’ Cao quý các Đấng Cứu Thế, danh lưu truyền mãi mãi. Đó là nhờ nghị lực, ý chí vững chắc, đạt được nguyện ước tốt đẹp, cao cả không gì sánh được và nêu cao gương sáng cho các cõi. Đó là phương chỉ nam cho người tu học.”

Từ Minh Tâm

Khởi Tuyên Huấn TCQN

Bước Đầu Hành Pháp

Nam Mô A Di Đà Phật!

Con thành tâm cúi đầu đánh lễ:

Đức Mẫu Mẹ Vô Cực Đại Từ Tôn

Đức Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Đức Long Hoa Giáo Chủ Di Lạc Tôn Vương Phật

Đức Đại Thừa Liên Hoa Hóa Thân Minh Vương Phật

Các Chư Vị Phật

Các Chư Vị Bồ Tát

Các Chư Vị Bề Trên

Đại Từ - Đại Bi - Đại Hỷ - Đại Xả ân xá cho con về những thiếu sót khi viết lại những suy nghĩ này.

- *Con xin thành tâm tạ ơn Thầy đã dẫn độ và trợ duyên cho con trên bước đường tu học Vô Vi Quy Nguyên.*
- *Con kính nguyện Ôn Trên hộ độ cho con và gia đình cùng tất cả chúng sanh sớm tiêu trừ nghiệp chướng, thức tâm tu học và cầu nguyện cho tất cả bạn đọc phát tâm Bồ Đề đều được Thầy dẫn độ tu hành.*

Là một đệ tử của Vô Vi Quy Nguyên, được nghe lời dạy của Đức Ngài và Thầy, biết tu sửa và chuyển tâm, hưởng nhiều lợi ích cho bản thân và gia đình. Tôi xin ghi nhận vài cảm nghĩ về con đường thực tế mà Đức Ngài đã mở ra: Đời Tròn - Đạo Hiện - Pháp Ứng, hầu mang lại phần nào tốt đẹp cho mọi người, thực hiện lời Đức Ngài thường hướng dẫn là “Tu không những cho riêng mình mà còn phải cho thân nhân mình và cho chúng sanh nữa.”

A) TU TRONG MỌI HOÀN CẢNH:

1. Tu tại gia:

Hiện diện cùng sự sống hàng ngày mà tu sửa, như:

- Làm tròn bổn phận của mình nơi gia đình và xã hội. Hiếu dưỡng cha mẹ, tình nghĩa vợ chồng, dạy dỗ con cái, hòa thuận với anh em, người thân, bạn bè.
- Giữ mình để trở thành người công dân tốt và có tinh thần phục vụ xã hội.
- Sống trong tình thương chân thật và khiêm tốn.
- Biết dùng môi trường gia đình và xã hội, học Bát Chánh Đạo, học hạnh lành. Học mà không ôm lấy cái học. Nên, tuy học mà như không. Tâm trí an nhàn!

Đây là cái nền cho bước đầu hành pháp nơi bản thân, học đức tánh thanh tịnh tự nhiên mà khai mở tâm trí. Học cái tâm bình thường mọi ngày.

2) Tu trong bận rộn:

Tuy bận và làm việc, tìm kế sinh sống và làm tròn bổn phận của mình nơi gia đình, xã hội; nhưng đó lại là môi trường học và rèn tâm tánh:

- Học bỏ ý nghĩ xấu, trưởng dưỡng ý nghĩ tốt. Thay lời không đẹp bằng lời dịu hiền đạo đức. Dừng hành động bất thiện bằng việc làm lành.
- Học tâm thiện, tánh thiện từ những việc thường ngày. Học tự chủ tĩnh tâm trước mọi việc, thời thoát bị động tâm do sự việc lôi cuốn từ ngoại cảnh mang đến.

Tuy bận rộn nhiều nhưng tâm trí thanh nhàn. Thân - khẩu - ý hướng thiện là chân thiện, không còn vướng vào định hướng thiện hay bất thiện.

3) Tu trong cảnh bệnh tật:

Bình thường, ai cũng cho tu thì phải có thân thể khỏe, đầu óc sáng suốt; bệnh tật là chướng ngại làm sao tu được!

Chủ yếu là sửa thân - khẩu - ý thiện, dứt tham - sân - si, dứt phiền não nơi tâm trí thì đâu có gì là trở ngại!

Thân này là gốc của đau khổ. Đau khổ từ nơi nghiệp của mình đã tạo ra thì hãy vui vẻ nhận lấy và cố gắng tu sửa để tiêu trừ nghiệp, như: Thực tâm sửa mình, làm hạnh lành, bố thí, trưởng dưỡng công đức.

Bệnh tật là cơ hội giải nghiệp. Bệnh tật là môi trường giúp thức giác, chuyển mê khai tâm. Bệnh tật là phương tiện chữa lành tâm.

4) Tu trong cảnh nghèo khó:

Sống trong cảnh nghèo thiếu không dư tiền của, nhưng chúng ta đâu có thiếu tình thương, ý nghĩ tốt, lời nói chân thật, hành động lành. Biết đem đạo vào đời, dù trong cảnh nghèo khó vẫn sống thoải mái, ấm êm và hạnh phúc. Nghèo mà tinh thần vẫn ổn định và sáng suốt, không bị ảnh hưởng bởi cái nghèo.

Nghèo khó là môi trường giúp tự thấy được tâm tánh hiện có của mình, là cơ hội nhận ra lẽ vô thường của cuộc sống và tình đời thế sự. Từ đó, định hướng tu sửa, lấy đức hạnh, tình thương và khả năng hiểu biết làm phương tiện trau tâm.

5) Tu trong cảnh giàu sang:

Sống trong giàu sang dễ đưa đến phóng tâm, dễ bị sự giàu sang cám dỗ và chạy theo vật chất thỏa mãn cho tinh thần. Sự lãng phí thường đem lại tổn hại âm đức. Thế nên, học biết đủ và không nên tận hưởng dù mình có thừa thãi. Biết đủ là nền tảng tu thân.

Giàu sang là thuận cảnh thực hành bố thí, mượn phương tiện đem an vui cho người, trước là mở rộng tình thương và nhận ra lẽ vô thường của vật chất. Đó là nền tảng phước đức mà người trí không thể không làm.

6) Tu học:

Cuộc sống trải qua vui buồn, sướng khổ, thuận cảnh nghịch cảnh. Hưởng an vui thì ít mà khổ đau hay tiếp diễn. Tất cả do tác động từ nghiệp, xuất phát từ thân - khẩu - ý. Phải biết

nương theo đó mà học và hành hầu tự thức giác, tự giải nghiệp, tự đem lại an lạc, thì trần gian cũng như Niết Bàn.

Trong cảnh bận rộn, trong cảnh bệnh tật, trong cảnh nghèo khó, trong cảnh giàu sang... có thể nói chúng ta được đặt vào các hoàn cảnh như vậy, được bước vào môi trường sống như vậy để học hỏi, tinh tấn vượt qua các thử thách mà tiến. Sự thử thách ý chí, sự tinh tấn từ hoàn cảnh khó khăn hơn người. Đó là bài học phải trải qua để nhận thấy mình:

Thấy làm lỗi, biết dừng lại mà sửa.
Thấy chỗ yếu kém, biết trau dồi mà tiến.

Chúng ta chỉ sợ không biết làm lỗi hay không nhận ra chỗ yếu kém của mình.

7) Tự hành:

Đức Ngài thường dạy rằng: “Sự tu học chỉ dụng ở tâm và hành làm nhân cho quả.”

Chúng ta đối diện thực tế để nhận ra tâm ý hiện lên, nhận ra tư tưởng phóng ra ngay lúc đó. Tự mình, mình biết! Tự học, tự hành dụng! Dụng ở tâm mà học thiện tâm thiện tánh. Dụng ở tâm mà học chỗ thân nhiên, là cái nhân bất sanh bất diệt. Có hành, phẩm hạnh mới được phát huy, tác động trực tiếp tâm hồn hướng thiện, hướng thượng, lòng vị tha mở ra, lòng từ bi lộ dạng, trí sáng suốt hơn.

Tuy nhiên, cần định vị mình tự tu, tự hành như thế nào? Với cá tánh nào? Thí dụ như:

- Tu phè: Nói tu sửa răn mình nhưng vẫn ham vui theo trần thế hay làm không nổi.
- Tu cho có tu: Tu để “trả nợ quỷ thần”. Tu một cách cứng nhắc như bồn phận. Áp dụng sự học như nguyên tắc, thiếu linh hoạt theo thực tế cho thích ứng.
- Tu vì danh: Danh cho mình, cho gia đình, cho Phật hay danh vị nơi cửa Đạo.
- Tu vì lợi: Sợ nhân quả, theo phước báu thế gian.
- Tu vì lợi dụng cửa đạo.
- Tu lên nhưng có tính ương gàn hay phóng túng theo thân tâm thay đổi hay ngoại giới tác động.
- Mới tu tập hay đang trên đường tìm hiểu....

Tự định mình vì có lợi, vì danh hay địa vị nơi cửa đạo, vì bản thân, người thân, chúng sanh hay đạo pháp? Sự khai tâm cũng bắt nguồn từ đây phát ra.

Đức Ngài thường ân cần nhắc nhở chúng ta chuyên cần rèn luyện Ngươn Thần, trau dồi duyên lành, lập hạnh Bồ Tát, để thụ hưởng Hồng Ân Cõi Thượng. Vật chất không phải là cứu cánh, được hưởng Hồng Ân Cõi Thượng mới là điều quan trọng.

B) PHƯƠNG TIỆN THỰC HÀNH VÀ NHỮNG LỢI ÍCH:

1) Thân - Khẩu - Ý:

Thân - khẩu - ý là phương tiện thực hành trau dồi thân tâm, như:

- Luôn giữ ý lành, lời nói lành, việc làm lành.

- Bình tĩnh trong mọi trường hợp thuận duyên hay nghịch cảnh. Biết tùy duyên đối cảnh thích ứng.

Thật ra, tự thân - khẩu - ý không tốt, không xấu, không thiện, không ác. Thân - khẩu - ý bất thiện là do hành động vô minh hay tánh trí mê mờ. Thân - khẩu - ý thiện cũng do hành động vô minh hay tánh trí mê mờ. Do tâm phân biệt thiện hay bất thiện mà có.

Thấy việc thiện, việc lành thì làm mà không nghĩ là mình làm việc thiện, việc lành để giúp người. Làm xong rồi thôi, không nghĩ, không nhớ đến thì không còn vướng vào tâm thiện hay tâm bất thiện, là tự giải thoát hành động nơi tâm trí. Tự giải thoát mình ngay nơi thân - khẩu - ý. Đó là sống THIÊN.

Từ đó, nhận ra thân - khẩu - ý vốn trống không tự nhiên, vốn thanh tịnh tự nhiên. Do mê tánh hay giác tánh mà hiện bày hành động đó thôi. Mê tánh thì phạm ngã chi phối hành động, giác tánh thì chơn trí hướng dẫn hành động. Tự thể thân - khẩu - ý bản lai thanh tịnh.

Điều quan trọng là HÀNH. Tự sửa tự hành đến lúc sửa mà không thấy mình sửa, hành mà không thấy mình hành, không còn thấy là mình đang tu nữa. Cứ hành pháp, hành thiện, thấy việc trước mắt thì làm, làm một cách tự nhiên.

Thế nên, chỗ yếu quyết của người học là tư tưởng, lời nói, hành động luôn an trú trong chánh niệm hay tùy duyên đối việc với thân - khẩu - ý thân nhiên.

2) Tập độ chay:

Tập thực chay giúp thân thể nhẹ nhàng vì thực vật không nhiều trược nhiễm như động vật. Độ chay tự nhiên đến mức không còn thấy đó là độ chay, là bốn phần, là một giới hạn hay là một sự tuyệt đối.

Thí dụ như:

- Tư tưởng phóng ra về chay trường khi dùng chay là tự giới hạn.
- Độ chay mà còn nghĩ đến món mặn hay thức ăn chay giả mặn.
- Ăn chay như một bó buộc hay như một sự kềm hãm để giữ thân tâm vào khuôn khổ.

Tất cả đều là chướng ngại. Nên ung dung, thoải mái, tự nhiên. Đó là bước vào TÂM CHAY.

Tập tâm chay như tập thân - khẩu - ý thân nhiên, thời tự thoát mọi sự ràng buộc nơi chay mặn, nơi thiện (không sát sanh) hay bất thiện (sát sanh), là không vướng tâm vào nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện.

Tập tâm chay như tập thân - khẩu - ý thân nhiên, thời tự thoát phiền não tham - sân - si. Tập tâm chay là tập thân - khẩu - ý thanh tịnh.

3) Công phu:

Công phu trợ giúp tiếp thanh điền, gội rửa phàm tánh, đẩy lui trước diện là phân tán tâm trí vì cuộc sống chỉ phôi. Công phu giúp lia bỏ dần gút mắc nơi tâm, đem vào đời sống hàng ngày mà học an nhiên.

Nhờ công phu mà tĩnh tâm sáng trí, đi vào hạnh lành lòng Từ mở ra, đem lại an vui nơi tâm hồn và lợi ích cho tha nhân. Sự hiện hữu do công phu trợ giúp: Tự định tĩnh thân tâm, tự chủ vào đời là phương tiện lực sống với tâm tánh thật của mình.

4) Mở rộng tình thương và lập hạnh:

Công phu định tĩnh trợ lực tự rời bỏ phàm tánh, tự rời bỏ tánh nhiễm thế, tự tâm trí mở ra, thấy được mình, thấy được người, thấy được cội gốc đau khổ của con người. Từ đó, tình thương phát triển, đi vào trau dồi đức hạnh - lập hạnh, bước vào tâm hạnh từ bi.

Thế nên, công phu là phương tiện lực để đi, trau dồi đức hạnh mở rộng tình thương là con đường để đến, trí giác là chìa khóa mở cửa trên đường trở về nguồn cội.

5) Tự giải thoát tri kiến:

Tu là sửa. Sửa tham - sân - si trong hành động, lời nói, ý nghĩ. Sửa thân - khẩu - ý cho thiện, hợp với hoàn cảnh sống và đạo đức.

Sống thiện là chuyển hóa nghiệp xấu, là cơ hội chuyển tâm, đem đến tình thương và an vui cho mình, cho người. Song, chú tâm chạy theo thiện là đi vào thiện nghiệp tức hưởng thiện phước là điều mà người học nên buông ra.

Thuận theo đời làm việc thiện, gặp việc lành thì làm nhưng không lệ thuộc tri kiến thiện - ác hay cái nhìn của người đời quan niệm về thiện hay bất thiện là tự giải thoát tri kiến thế gian nơi trí, là tự giải thoát thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp nơi tâm:

Không dính mắc về thiện hay bất thiện là tự mình giải thoát thân - khẩu - ý thiện, là tự tâm hành thiện thân nhiên. Đó là CHÂN THIỆN. Thân - khẩu - ý hoạt động theo tánh giác là đường về Thiện Tâm, Thiện Tánh. Thiện hay bất thiện là ngon từ vui vui mà thôi.

Bản thân tôi trên bước đường tu học còn nhiều điều phải học hỏi nơi Thầy và các bạn đạo để tự giác, giác tha, căn lành tăng trưởng để tự giải thoát. Làm người tự do tự tại nhưng biết sống an vui hòa hợp với tha nhân để thấy rằng lời Đức Ngài dạy luôn là CHÂN LÝ và ai quyết tu học, thực hành sẽ vượt qua mọi thử thách, tìm thấy an lạc thật sự và trở về nguồn cội của mình.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Từ Thế Thiện Giáo

Xin công hiến

VÀI TƯ TƯỢNG CỦA TIỀN NHÂN

Phạm Văn Mẫn

Con tầm ăn lá dâu bao nhiêu kiếp đầu thai, rồi tới lúc nhả tơ dệt lụa, cứ tưởng mình làm ra vải. Thật sự, vải này có ra đây do các bậc tiền nhân dày công trước tác, mình là hậu sinh, chỉ tô điểm cho đẹp lụa thêm tươi, chứ chưa chắc là mình đã phát họa hay sáng tác cái “sườn”, cái “khung” hay màu sắc. Dưới đây xin công hiến vài tư tưởng của tiền nhân:

1. Kẻ tu hành mà không dám làm việc đại nghĩa thì không bao giờ đắc thành chánh quả! Nếu nói ăn chay, cúng lạy, tham thiền, tuyệt cốc mà đặng thành Tiên Phật thì không bao giờ hợp với lý thiên nhiên. Như Đức Phật Thích Ca buổi nọ, Ngài còn phải đại nguyện ra tận độ chúng sanh, hướng chi chúng ta không dám làm việc đại nghĩa để giải nạn cho đời. Trong lúc họ đang lâm khốn khổ, cứ lo tính độ cho mình, hỏi vậy có hợp với nhân tâm toàn nhân loại chăng?

Khi ra trước Tòa phán xét Hội Long Hoa thì chúng ta lấy cái công gì để đem ra đối chiếu? Nếu đem cái công tham thiền, cúng lạy mà đặng thành thì mấy chú hát bội cải lương cũng đem cái công làm tuồng ra để đối chiếu: Cái công này chỉ để làm kế sinh nhai!

2. Ta thường đọc những câu cứu khổ cứu nạn, mà ngày nay tai nạn nhân sanh đã đến, không đi cứu, cứ ngồi cây mấy ông Phật cứu giùm, hỏi vậy có chân lý không? Nếu mỗi lần chúng sanh bị tai nạn, còn phải cậy chúng ta đứng trung gian làm môi giới nữa sao? Trường hợp này cũng như kẻ muốn kiến trúc một ngôi nhà mà cứ ngồi vẽ mãi “lập lảng” (plan) thì ngôi nhà ấy không bao giờ có đặng.

3. Ăn của thập phương mà tính tu cho mình thành Phật là một điều rất nên phi lý! Nếu muốn tu trước phải thấu đáo cái chỗ thành Phật là một điều rất nên phi lý! Nếu muốn tu trước phải thấu đáo cái chỗ thành Phật rồi sẽ tu? Chớ ăn của đó mà không làm được việc gì ích lợi, chừng về Tây Phương bị kéo lại để vay vay trả trả theo luật công bình.

4. Người tu hành là mục đích đem cái ân cho người chứ không phải đợi người làm ân cho mình, nghĩa là mình phải lo sự ấm no cho bá tánh chứ không phải để cho bá tánh đem lại sự ấm no cho mình. Ta lo cho bá tánh tức là ta lo cho ta!

5. Đường về Tây Phương không xa mà cũng không gần, nếu người có đại chí, dám phát đại nguyện, đi một khắc cũng tới. Nên người tu hành phải tìm cho ra lý, chớ tôn ý Phật định một nơi mà mình thi hành một ngả thì trông mong gì đi đến nơi đến chốn đặng! Nếu nói tụng kinh mà thành Phật thì mấy ông đồ nho, họ đọc sách cũng thành Thánh hết?!

6. Ngày xưa, muốn giải thoát: Phật dạy Pháp Thiền, Chúa dạy phải có Đức Tin mạnh mẽ cũng đứng về Thiên Đàng. Ngày nay, thời kỳ sau cuối, Đức Phật Di Lạc dạy chúng ta mở trường thi công quả, lo lập công bồi đức với Đấng Cha Lành, tức là lo cho nhân sanh - con cái của Ngài thì sẽ được thành quả, vì khi làm phật sự chúng ta thiền rồi (Đức Ngài dạy: Tất cả phải vào cõi hư không, tịch tĩnh trong mọi sinh hoạt. Đó là sự tu thiền!). Còn Đức Tin nơi vô vi càng mãnh liệt, chúng ta mới dám hy sinh, bỏ tất cả để theo Thầy Mẹ!

7. Con người ở thế gian, nhất là những vị tầm thường, còn phân chia con cái của Đấng Cha Lành, Đạo này Đạo nọ, Chúa lớn hơn Phật hoặc ngược lại, rõ ràng họ đang phạm vào tội Ngũ Vô Giáns Địa Ngục, một trong 5 tội Ngũ Nghịch mà Phật đã dạy.

Rồi nay con cái của Phật và Chúa lại cho rằng ông Phật Di Lạc ra đời sau là nhỏ hơn mấy ông Phật trước! Ôi! Sao quên rằng: Phật là bình đẳng, không trước, không sau!

Tạm dừng bút nơi đây, kính chúc chư quý đạo tâm Vô Vi Quy Nguyên được Đức Từ Phụ ban ân đầy sự sáng! Tới đây, giấy ngắn tình dài, có chi sơ sót xin quý vị Huỳnh Tỷ Muội hỷ xả và dạy bảo, vì lòng nhiệt thành đóng góp!

TP.HCM.Xuân Mậu Dần 1998.

GIẢI THOÁT TỪ THỰC TẠI

Khởi Tuyên Huấn TCQN.

Khi bắt tay vào việc làm hay hành sử một việc gì, tâm trí thường phóng tầm nhìn về diễn tiến sự việc và kết quả đem đến. Có vị thận trọng - kiểm điểm kỹ việc làm bằng cách: Dựa vào vốn hiểu biết sẵn có, dựa vào kinh nghiệm từng trải, dựa vào sự thành bại của tha nhân, dựa vào hoàn cảnh đang hiện diện.

Đây là tâm trí và việc làm bị chi phối bởi kinh nghiệm, hiểu biết, hoàn cảnh. Tầm nhìn của tâm trí từ diễn tiến đến kết quả là tầm nhìn dự đoán, tầm nhìn theo định hướng có sẵn hay theo lý tưởng mong muốn mà tự mình đặt trước kết quả cho nó như một giải pháp tốt. Chúng ta thấy chẳng? Đường giải thoát tâm trí bị ngăn lại rồi đó! Vì sao? Tâm trí phụng sự cho tiến trình hành động, phụng sự cho kết quả đem đến, phụng sự cho mục đích thành tựu! Hoạt động của tâm trí dù là phụng sự cho lý tưởng cao đẹp, vẫn là hoạt động bị chi phối - hoạt động đi vào như khuôn khổ định sẵn. Đây là cách phát triển vọng ngã lưu hành nội tâm mà các căn là công cụ phục vụ vọng ngã. Vậy làm sao giải thoát tâm trí khỏi ảnh hưởng các giác quan hay vọng ngã? Làm sao tâm trí mở ra vô hạn?

Đức Ngài dạy:

Tu thiền đòi hỏi tâm thức linh hoạt, thấu triệt toàn cõi cuộc sống. Mọi tư tưởng, mọi tình cảm tốt xấu, ta phải nhận hiểu cơ cấu và nguyên lai của nó, xem xét và theo dõi cơ hành của suy

tướng và tri cảm, khi hiểu rõ thì tư tưởng không xen vào và tự nó giữ giới luật. Cái tịch tĩnh do tư tưởng cấu thành là chỗ ứ động cạn bả.

Nếu cái tịch tĩnh phát sanh khi tư tưởng đã thấu triệt được căn nguyên của nó, bản chất của nó, nhận hiểu chẳng có tư tưởng nào mới và tự nó già cỗi, tan rã, tắt lịm. Cái tịch tĩnh ấy là tham thiền mà người tu thiền hoàn toàn quên hết, vì tâm thức đã trút sạch hết quá khứ, nên gọi là nhập định.

. . . Tịch tĩnh trong mọi sinh hoạt đó là sự tu thiền!

Lời Đức Ngài dạy mở hướng giải thoát tâm trí cho chúng ta:

Thấu triệt nguồn gốc - diễn tiến những gì hiện diện từ tâm thức như: Việc quá khứ, kinh nghiệm, kỷ ức, trí nhớ . . . chỉ là hiện tượng vô thường, chúng tan rã và trả lại sự tịch tĩnh cho tâm trí.

Tâm trí bị chi phối từ trong tâm đến ngoại cảnh không còn, mọi sự tác động làm hiện hành tâm trí không còn, mọi sự áp đặt lên tâm trí không còn, mọi khuôn khổ định hướng cho tâm trí không còn, mọi kết quả mà tâm trí là phương tiện phục vụ không còn.

Như vậy, tâm trí giải thoát khỏi tâm thức hiện hành! Hay nói cách khác là tâm trí đi vào sự việc bằng thực tại sống. Với thực tại, tất cả những kinh nghiệm, những hiểu biết từ tiềm thức - từ vô thức - từ quá khứ xa xôi hiện đến với tâm trí tịch tĩnh chính là hiện đến với thực tại sống hay hiện tại sống. Chính trong giây phút hiện tại sống này, mình thấu triệt toàn thể sự việc đang hiện hữu, thấu triệt mọi tư tưởng - mọi tình cảm tốt xấu - mọi cơ cấu căn nguyên của nó và nó còn là phương tiện dùng khi cần. Như vậy, hướng chủ đạo tinh thần trong sự việc - trong cuộc sống do tâm trí tịch tĩnh tự chủ chứ không do phương tiện dùng dẫn đi. Tâm trí Tịch Tĩnh còn được hiểu là tâm trí Tịnh mà Động:

Tịnh là do giải thoát khỏi tâm thức hiện hành hay lìa vọng tưởng.

Động là linh hoạt, sáng suốt nhận biết sự việc mà mình đang hiện diện - đang gặp phải - đang hành sử mà không có sự hiện hành của vọng tưởng. Đây là chỗ nhận biết linh hoạt sáng tạo, chỗ nhận biết thông minh của mỗi chúng ta!

Tâm trí hiểu biết sáng suốt này là tâm trí hiểu biết giải thoát từ thực tại! Tiến trình hiểu biết này là tiến trình giải thoát. Chỗ học của chúng ta là đi vào thực tại bằng tiến trình giải thoát liên tục với tâm trí mở ra vô cùng tận:

Chính chỗ tâm trí tịnh mà động mở ra sự linh hoạt sáng suốt song song với từng bước sống thật qua hành dụng là mở đường đi dần vào tri hành hợp nhất. Càng đi vào hành dụng như hành hạnh lành - hành tâm nguyện - hành pháp, càng đối diện nhiều sự việc là cơ hội phát huy tâm trí mở rộng. Đây cũng là nhân tố phát triển bổ đề tâm bền vững.

Vấn tắt:

Đức Ngài dạy chúng ta mượn công phu làm phương tiện đi vào thanh tịnh và lấy trau dồi đức hạnh làm căn cơ.

Thầy Từ Minh Đạt nhắc nhở các pháp hữu đi vào lập hạnh - đi vào trau dồi đức hạnh để khai mở tâm trí. Tức là tuy Động mà Tịnh vậy! Tuy đối diện - hành sử sự việc nhưng tâm trí

không vướng vào sự hoạt động của vọng tưởng! Hành động cùng sự việc mà không vướng vào sự việc nơi tâm là chân giải thoát!

Chúng ta, tự mình giải thoát khỏi dòng tâm thức hiện hành, tự mình giải thoát khỏi mê vọng hay lòng sanh diệt, tự mình mở ra định lực hành dụng, là tự mình chuyển phàm ngã quy phục chơn ngã trong mọi sinh hoạt, mở ra giải thoát từ thực tại!

ĐI TÌM YÊN TĨNH?

1. Mở đầu câu chuyện:

Có lần một cụ cao niên dẫn tôi đến thăm ngôi nhà đang ở trong dãy biệt thự trông về yên tĩnh. Nhà chỉ duy nhất một mình cụ với phòng ốc sắp xếp trang trí thanh nhã. Cụ nhẹ lời: Tôi ở nơi này yên tĩnh, thích hợp cho công phu hằng đêm và tu dưỡng tâm tánh, không phải bận rộn vì con cháu quấy rầy hay nghịch ý phá phách có thể làm cho mình nổi sân si.

Lần khác, gặp một vị ở dãy chung cư vào buổi sáng vắng vẻ. Vào nhà, vị tâm sự: Buổi sáng, các con đi làm, nhà yên tĩnh. Buổi chiều, các con đi làm về mở nhạc, ti vi và nhiều việc bề bộn trong nhà nên ồn ào. Tôi thích sự yên tĩnh ban sáng! Vả lại, tôi cũng không muốn làm phiền đến các con hay một ai hết!

Vị kể thêm: Buổi chiều, tôi thường đi làm công quả. Lòng vui với việc làm cùng các vị, giúp quên đi bệnh tật bản thân. Tôi lo tu hành và không màn đến việc đời nữa. Hiện đầu óc tôi như “trống không”! Nghe tỏ bày và hiện diện cùng môi trường sống của các vị, chúng ta cảm nhận các vị là người hướng thượng – hướng đạo - tịnh tu, tâm trí không bận nhiều gì sự đời. Các vị tuy ở vào môi trường sống không đồng cảnh và hướng tu hạnh không như nhau nhưng có chung một điểm là đi tìm sự yên tĩnh cho tâm trí. Trong xã hội Hoa Kỳ, có được các vị phát tâm tu học như vậy là quý biết bao! Nhưng nếu ngày tháng trôi qua cứ giữ mãi như vậy thì tâm trí như bị đóng khung lại và đường đi như khép kín cửa, phải không? Thưa các vị!

2. Tinh thần hướng ngoại tìm tu!

Hai câu chuyện này tiêu biểu các vị tu học còn mang nặng tinh thần hướng ngoại, phóng ý đi tìm yên tĩnh từ bên ngoài chứ không phải sống bằng yên tĩnh nơi tâm:

Bận rộn vì cuộc sống vật chất đem lại náo động nên đi tìm yên tĩnh cho tâm tư bằng “khung cảnh yên tĩnh” hay cảnh sống mà mình cho là đem lại yên tĩnh nơi tâm hồn. Hướng yên tĩnh bằng tâm trí hướng ngoại này khiến không muốn tiếp xúc với những gì trái ý, những gì đem lại phiền lòng, những gì tạo nên lòng khởi động niệm.

Tuổi trẻ thích động, tuổi già thích tĩnh là lẽ tự nhiên của tâm lý con người! Động tịnh ở đây là khung cảnh động tịnh, là hình ảnh môi trường sống tác động lên tâm hồn đang hiện diện, nên tuổi trẻ cũng như tuổi già thể hiện tâm hồn mở hướng tìm thích nghi cho cuộc sống.

Tuổi trẻ thích động! Sự thích này là môi trường yên tĩnh của tuổi trẻ. Tuổi già thích tĩnh! Sự thích này là môi trường yên tĩnh của tuổi già. Đây là cảm giác yên tĩnh! Cảm giác yên tĩnh chiếm lấy vị thế nơi lòng có khác nào đi theo yên tĩnh tâm tưởng được hình thành do tâm trí hướng ra ngoài đón nhận mà có.

Chúng ta ôm lấy yên tĩnh này là mở hướng yên tĩnh do tâm hồn hướng ngoại đem vào bản ngã. Chúng ta ôm lấy yên tĩnh này vì muốn tránh sự ồn ào náo động làm phiền lòng là một cách chất chứa thêm vào cái tôi bản ngã, tức tích lũy thêm phiền não yên tĩnh. Chúng ta đi theo yên tĩnh này thời yên tĩnh này là chủ nhân dẫn chúng ta đi vào cuộc sống và các sinh hoạt thường ngày! Vậy có gì là yên tĩnh thật nơi thân tâm đâu?!

3. Đi tìm yên tĩnh thể hiện lời đáp trả của cái tôi vọng ngã!

Chọn nơi yên tĩnh để ở, chọn môi trường sống vắng bóng tha nhân hoạt động làm ồn ào để được yên tĩnh, chọn việc làm dù việc làm thiện giúp ích tha nhân hay vì pháp đạo để được yên tĩnh: Thể hiện thân xa lánh ngoại cảnh ồn ào náo động, xa lánh ngoại cảnh tác động tâm trí gặp phải chỗ gọi nghịch ý phiền lòng khiến lòng không ổn định; thể hiện quan niệm nhân sinh riêng của cá nhân với tâm trí khép vào quan niệm nhân sinh sẵn có đó. Sống với yên tĩnh trong trường hợp này là sống với yên tĩnh được an định do tư tưởng sống áp đặt. Tư tưởng yên tĩnh này là hình thức đối đáp – là lời đáp trả đối với môi trường sống, có gì là tâm trí yên tĩnh đâu?

Đi tìm yên tĩnh là còn thấy có “không yên tĩnh”, còn thấy cách biệt giữa ồn ào và yên tĩnh mà tâm trí đi tìm! Tâm trí còn thấy yên tĩnh và ồn ào, còn thấy động và tĩnh thời yên tĩnh và ồn ào, động và tĩnh chính là cái tôi yên tĩnh và ồn ào, cái tôi động và tĩnh:

Khi vắng con cháu, mình cảm thấy yên tĩnh. Khi con cháu làm ồn ào, mình cảm thấy không yên tĩnh. Khi môi trường sống thích hợp như con cháu biết chịu ý và lo cho, mình cảm thấy có yên tĩnh. Khi môi trường sống không thích hợp như con cháu làm nghịch ý, mình cảm thấy không có yên tĩnh. Có thật là yên tĩnh chẳng khi sự yên tĩnh này lệ thuộc vào môi trường bên ngoài?

Tâm trí đi tìm yên tĩnh thì yên tĩnh đó, nếu có được, là sở hữu của cái tôi thân nhận đem vào, là một cách tạo thêm lưu vương nơi tâm thì làm sao có yên tĩnh thật nơi tâm?

Khi yên tĩnh đó đến thì mình có yên tĩnh, khi yên tĩnh đó không đến thì mình không có yên tĩnh? Vì mình đi tìm mà! Mình đến với yên tĩnh thì có yên tĩnh, mình không đến với yên tĩnh thì không có yên tĩnh? Vì mình cần yên tĩnh! Tất cả là trạng thái khác nhau của tâm trí động – của tâm trí ồn ào, do tâm trí tạo tác, không có gì là yên tĩnh cả!

Khi tâm trí mình cảm thấy yên tĩnh thì có yên tĩnh! Khi tâm trí mình cảm thấy không có yên tĩnh thì không có yên tĩnh! Cảm thấy đó là sinh hoạt của nhận thức do nhân duyên chi phối. Đó là sinh hoạt bình thường của vọng ngã! Thí dụ như môi trường mình đang hiện diện làm nhân duyên cho nhận thức khởi sanh yên tĩnh hay không yên tĩnh. Hướng tìm yên tĩnh do nhân duyên hình thành này là một cách phát triển vọng ngã và tự dối mình!

4. Tìm được yên tĩnh chăng?!

Hướng về yên tĩnh, đó là hình ảnh của tâm ý hướng đến yên tĩnh, đó là cái dụng của tâm ý phóng ra, tất cả không phải là yên tĩnh! Yên tĩnh không có bằng hướng đến, không có bằng phóng ý tìm, không có bằng quy hướng đem vào:

Đi tìm yên tĩnh, muốn sống với yên tĩnh thì yên tĩnh mà mình tìm và muốn sống với nó là đối tượng của tâm trí. Đối tượng này hình thành cái tướng yên tĩnh nơi tâm trí, không phải tâm trí yên tĩnh thật. Thế nên, tìm được yên tĩnh và sống với yên tĩnh tìm được đó là một cách đưa tâm trí vào khuôn khổ sống mà mình cho là yên tĩnh mà thôi.

Khi nào chúng ta cảm nhận yên tĩnh, cảm thấy yên tĩnh hay thấy rằng mình đang sống trong yên tĩnh thì yên tĩnh đó không phải thật yên tĩnh mà là tâm trí đi vào dòng tâm thức sống gọi là yên tĩnh.

Vậy thì làm sao? Tâm trí trực diện sự việc, trực nhận sự việc, thì dù môi trường sống động hay tĩnh, ồn ào hay yên lặng vẫn là tâm trí sống thật với sự việc – sống thật với môi trường sống. Động hay tĩnh, yên lặng hay ồn ào là hiện tượng diễn ra rồi sẽ trôi qua. Khi nào tâm trí mình không còn phóng hướng tìm về yên tĩnh, không còn nhìn thấy yên tĩnh hay không yên tĩnh đến với mình, không còn nhìn thấy yên tĩnh hay không yên tĩnh hiện diện nơi môi trường sống hay bản thân và chỗ gọi là không còn thấy cũng lặng chìm tự nhiên, lúc đó mới thật yên tĩnh nơi tâm trí! Yên tĩnh và sống với yên tĩnh chỉ có với tâm trí tĩnh lặng!

Hãy sống trọn với những gì mình hiện có! Yên tĩnh đến với thực tại sống hiện có của mỗi chúng ta bằng tâm trí tĩnh lặng hoàn toàn không vướng vào mọi hành vi nhận thấy hay tạo tác từ nội tâm đến ngoại cảnh! Tâm trí tĩnh lặng đến với thực tại sống của mỗi chúng ta không ngại môi trường sống dù ồn ào hay im lặng, dù động hay tĩnh!

Vấn tắt: Đến đây chúng ta có thể nhận hiểu:

Ngoại cảnh yên tĩnh là hiện tượng bên ngoài thuộc môi trường sống! Đi theo môi trường yên tĩnh này là hướng phóng ý tìm cầu yên tĩnh theo hiện tượng bên ngoài, không phải yên tĩnh thật!

Đi tìm yên tĩnh hay hướng về yên tĩnh là chuốc lấy thêm cái tướng yên tĩnh nơi tâm trí, chính là tướng phiền não yên tĩnh!

Cảm thấy yên tĩnh và sống với chỗ cảm thấy yên tĩnh này là do tiến trình nhận thức của tư tưởng, thuộc hình ảnh sống của cái tôi vọng ngã.

Chính chỗ con cháu quấy rầy hay nghịch ý phá phách, chính chỗ các con làm ồn ào náo động qua sinh hoạt là môi trường phương tiện làm hiện lên tâm trí các vị vốn chưa yên tĩnh mà lâu nay nhận lầm là yên tĩnh. Đồng thời, các vị nhận ra môi trường sống đem lại yên tĩnh lâu nay mà mình nương vào chỉ là hình ảnh không thật, đưa thân tâm chìm vào mộng ảo yên tĩnh!

Yên tĩnh tự nó yên tĩnh! Tâm trí tĩnh lặng hiện bày yên tĩnh! Yên tĩnh hiện hữu trong mọi sự việc, trong mọi sinh hoạt động tịnh thường ngày, trong mọi hành vi của thân khẩu ý mà không phải tìm cầu!

Khởi Tuyên Huấn TCQN

TỰ SỬA MÌNH!

Đặng Văn Tổng

Sáng nay, khi đọc bài của Thầy Từ Minh Đạt gửi thầy Từ Tâm Thắng ngày 25.12.96, trong đó có nói về các pháp hữu được Lệnh Pháp nhưng dần dần thoái hóa, tôi cảm thấy thương họ vô cùng bởi thể xác tôi cũng có thời đã từng bị cám dỗ và thoái hóa. Nhân dịp này, tôi xin ghi lại về bản thân mình từng vướng phải lỗi lầm:

1. Lời đáp về “ăn chay lâu năm mà rớt”:

Mở đầu câu chuyện, tôi xin dẫn lời đáp của bà Tôn Bất Nhị, đệ tử của Ngài Vương Trùng Dương trong “Thất Chơn Nhơn Quả”: Đệ tử của bà hỏi:

- Chẳng hay duyên cớ gì, người tu trong đạo, có người ăn chay lâu năm cũng rớt? Xin bà chỉ bảo!

Bà Tôn Bất Nhị đáp:

- Người ăn chay lâu năm mà rớt cũng có nguyên cớ mẫu nhiệm, người khá nghe mà giữ mình. Bởi người ăn chay thì nhứt quyết thoát đường ái dục, cho khỏi kết oan trái, ngày sauặng tìm ngõ Thiên Đường thoát khỏi tam đồ (trần nước – lửa đốt – chặt bằm). Nhưng vì tiền kiếp đã sát hại, oan oan tương báo, hồn oan còn chờ nơi âm phủặng trả hồn ngày xưa.

Đến nay, người ăn chay biết thức tỉnh, nguyện trường trai giới sát, có thiên thần hộ pháp đều hay, tâu lên Thiên Đình, nói người đó đã ăn năn sám hối.

Khi nhập môn thì số được tâu lên. Đức Ngọc Đế chấp thuận, ban sắc lệnh cho U Minh Giáo Chủ. Tiếp nhận sắc, U Minh giáo Chủ kêu phán quan, lật sổ bộ sinh tử xem lại tên đó có hay không? Phán quan xét xem rõ bèn gạt sổ bỏ tên. U minh Giáo Chủ phát ba tiêu kêu các oan hồn tỵ đến bảo rằng:

- Tên X. từ khi chuyển biến nhiều kiếp, sát hại các người, có kẻ tới số, người chưa tới số, oan ức rất nhiều. Đến nay taặng Sắc Đức Ngọc Đế nói tên ấy đã nhập Phật môn, nên ta cho các người hay, ai còn oan ức với hắn thì lên gặp hắn mà khảo, mà đòi. Bởi vì, đến ngày nó xuất Tánh về với Phật thì các người không còn đòi được nữa đâu, lúc đó, phần các người ta sẽ cho qua Đông Nhạc đầu thai. Ta ban cho mỗi đứa một tờ lệnh khá giữ kỹ. Các oan hồn lãnh lệnh xong đi về thế gian nhập cho người ăn chay, tung hoành để phá, làm cho người đó ham sắc, ham danh lợi, hi nộ sân si, hoặc khi dễ ông bà, cha mẹ, chị em, ý chúng hiếp cô, ép người lấy của, hoặc khiến tham điều ân ái phá vợ con người, hoặc ý niệm âm thầm, tuy không lộ ra, mà tình ý đã niệm trước. Hoặc trai thì khiến rượu chè, hút xách, kẻ ép người khuyển, say sưa nhiều lẽ, chừng ấy chẳng còn kẻ chi mặn nhạt, chẳng còn xấu hổ... Gái thì lại khiến tô phấn điểm son, quần này áo nọ, sửa soạn vóc dáng, thay da đổi mặt, xấu làm đẹp, thiếu ăn giả bộ như giàu có. Vì vậy, lâu ngày, phạm tâm xui dẫn bỏ ăn chay. Nên người tu phải cho tỉnh, phạm làm việc chi trái giới, trái đạo, tức là oan ma dặt làm cho mình buồn giận, toái phiền mà bỏ đạo, ấy cũng do nghiệp của mình ngày trước gây với nó. Có ai biết đâu!

Đó là phần giảng của bà Tôn Bất Nhị mà phạm trí của mình với phần vô vi chưa đủ để biết hư thật như sao. Tôi xin ghi ra đây làm câu chuyện khơi mào để nhìn lại bản thân:

2. Tự nhìn vướng mắc bản thân!

Riêng phần tôi, tuy không ăn chay nhưng khi lòng hướng về Phật, thì sự khảo đảo cũng đến theo, sau khi được hưởng một ít ân huệ như hết bệnh, cuộc sống tương đối thoải mái,... !

Biết mình thể xác yếu đuối dễ bị cám dỗ. Cám dỗ nhẹ thì còn chịu nổi, cám dỗ mạnh quá tôi cũng chịu thua. Nhưng tôi luôn nghĩ rằng Bề Trên tha thứ vì tôi tự nhận thể xác mình quá yếu đuối. Tôi xin tha lỗi không phải một lần mà là hàng trăm – hàng ngàn lần. Tôi cũng cố gắng nhịn đói, cầu nguyện sám hối. Nhiều lúc biết mình bị khảo đảo quá mức, tôi cầu xin giảm bớt và ân xá. Dần dần, thấy mình có thay đổi. Khi nhận thấy tâm mình có phần nào mở rộng ra, thay vì trước đây chỉ nghĩ cho mình, bây giờ biết nghĩ cho người và sống hợp với đạo lý làm người.

Những lúc thấy mình làm hợp với đạo lý thì tâm hoan hỉ nổi lên. Từ từ, thấy mình tốt quá rồi tự tôn kéo đến. Đi trị bệnh, thấy càng ngày trị bệnh càng có hiệu quả, được người kính trọng, ngợi khen, lúc đầu không dám nhận và thấy cũng không có gì, nhưng dần dần trong lòng cũng thấy khoái khoái, rồi lại thấy mình có quyền năng. Lần này thì sự kiêu ngạo vượt lên quá mức lúc nào không hay nhưng bề ngoài làm ra vẻ khiêm tốn lắm. May mà Ôn Trên nhắc nhở bằng cách phạt tôi về việc khác, tôi chợt nhận ra ngay. Sở dĩ việc khảo đảo thường xuyên là do tôi không giữ giới hạnh và ít công phu thường xuyên cũng như trong cách hành đạo mình lơ là để cho cái tâm lơ lửng. Chỉ cần một tích tắc niệm sai thì cả bấy ma kéo đến quấy mình tới tấp, cho đến khi nào mình biết ăn năn sám hối, công phu cho tâm bình an trở lại thì chúng nó mới thôi quấy.

3. Cùng các đạo hữu đồng cảnh như tôi!

Cho nên, tôi hướng về các đạo hữu có thể xác dễ bị cám dỗ như tôi, xin quý vị hãy bền gan trong định ý hướng về Thiêng Liêng. Mình có thể mắc cỡ không dám trình Thầy (dù vậy Thầy vẫn biết) thì tự mình với Thiêng Liêng mà trình. Trình tất cả những gì mình đã làm sai, lột trần tất cả những điều thâm sâu nhất. Hãy tâm sự tha thiết với Thiêng Liêng vô hình như người con tâm sự với người Cha đầy lòng nhân từ và tự nguyện làm điều gì để chứng tỏ sự hối hận ăn năn thật tình vừa với sức mình làm. Cũng đừng sợ trình với Thiêng Liêng xong mà mình lại chưa dám làm đúng. Vậy hãy trình tiếp và cố gắng làm tiếp, miễn rằng mình thấy có tiến bộ chút chút không để lùi nữa. Điều quan trọng là mình biết ăn năn thật sự và phân tích lỗi lầm, tìm cho ra cái căn để biết cách sửa.

Chắc quý vị cũng nghĩ như tôi thường nghĩ: Không biết Thiêng Liêng có tha thứ mình không? Hãy nghe lời Chúa phán: “Khi có ai xin các ngươi tha thứ, hãy tha thứ ngay, không phải chỉ 1 lần hay 7 lần mà phải là hàng trăm cái 7 lần như vậy (cầu xin Thiêng Liêng ân xá cho con). Nếu quý vị muốn xin Sư Huynh hiển lộ để giúp cho mình biết điều mình làm lỗi có được ân xá hay không thì quý vị cứ nguyện vô vi với SH bằng cái tâm thành khẩn. Biết đâu SH cho quý vị nhận được! Riêng tôi, tôi đã được SH hiển lộ trong giấc chiêm bao nhiều lắm. Có lúc tôi hiểu, có lúc tôi chưa hiểu nhưng rồi dần dần tôi hiểu ra. Còn điều tội lỗi mà tôi làm, thú thật với các vị, tôi không thể nói cho bất cứ một ai nghe được, kể cả tôi vì tôi không dám nói lại cho chính tôi nghe lần thứ hai, tôi mắc cỡ với tôi quá sức.

Thưa các huynh đệ!

Chúng ta được Đức Ngài cho thọ pháp tu hành là điều hi hữu! Chúng ta đã trải qua không biết bao nhiêu ngàn kiếp mới gặp được Phật ra đời, đó là một ân huệ hi hữu! Trong lúc còn lại những ngày mang thân xác con người quý báu này, dù bị cám dỗ, dù bị khốn khổ, dù bị khảo đảo cách mấy đi nữa, cũng đừng để tâm chán nản. Chỉ cần chút xiu tâm ý ta không còn muốn khổ nữa, xin Sư Huynh nâng đỡ và dìu dắt, xin Đức Ngài ra tay cứu độ, thì Ngài không bao giờ từ chối cả. Đó là vị Cha luôn dõi mắt về các con mình, người Cha luôn sẵn mở rộng vòng tay để ôm con mình vào lòng, Ngài luôn luôn tha thứ cho mọi lỗi lầm của con mình, miễn rằng người con thành tâm muốn quay về với Cha mình!

Nam Mô A Di Đà Phật!

NỖI LÒNG MỘT NGƯỜI TU CHẠM TIẾN

Từ Thiện Tâm Tru

Những suy nghĩ của tôi đều dựa vào lời Thánh Giáo của Đức Ngài, sau bao lần bị khảo đảo ê chề, đã tỉnh thức tôi thấy được sự trì trệ của người học Đạo. Người xưa nói: “Chiêu văn Đạo, tịch tử khả hi” (Sáng nghe Đạo, chiều chết cũng vui). Người ngày nay nghe Đạo hiếm, người học Đạo càng ít, người hiểu Đạo càng ít hơn, người đắc Đạo thì đếm trên đầu ngón tay. Tôi được Đại Hồng Ân, Đức Ngài thọ ký vào tòa nhà Đạo Pháp kể hai mươi năm. Tâm tôi vẫn mê, trí tôi cùn cũng chỉ vì biếng lười Học Đạo - Hành Đạo. “Nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng Nhân”. Viết về nỗi lòng mình trước đề sám hối, sau đề “làm lại cuộc đời” dù tuổi đời đã qua ngưỡng cửa “thất thập cổ lai hi”. Kính xin Đức Thầy, các huynh đệ, tỉ, muội mở lòng từ bi chỉ dẫn những điều bất cập, sai sót. Con xin cúi đầu bái lĩnh!

Năm nay, tôi bảy mươi một tuổi đời, hai mươi tuổi Đạo, vẫn thấy mình chậm tiến quá! Nếu bảo rằng tôi không có chút tiến bộ nào thì quả tôi là kẻ vong ân bội nghĩa Đức Ân Sư, còn bảo rằng tôi tinh tấn như sự mong đợi của Đức Phật Thầy thì tôi là người con chưa tròn chữ Hiếu. Phải chăng sự “giậm chân tại chỗ” của tôi và của một số không nhỏ pháp hữu là một trong những nguyên nhân Đức Minh Sư “trở về” sớm hơn đã định? Đây cũng phải chăng là nguyên nhân Đức Thầy Từ Minh Đạt liên hồi gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh, thôi thúc các đệ tử mau mau tự giác để tự độ và độ tha. Thật ra, trong Quy Nguyên Pháp, Đức Ngài Pháp Chủ đã đưa lời nghiêm huấn, báo động về sự trì trệ trong tu học của con cái mình. Xót xa quá!

Theo tôi, hầu như từng bài Pháp Dụ đều là bài học răn dạy tiên liệu, chỉ ra cái “căn duyên” giải đãi, đưa giải pháp “thích ứng” từng căn bệnh nan y, tiên báo hậu quả tất yếu phải có. Đức Ân Sư tâm tình: Những bài Sư Huynh viết, Sư Huynh còn phải đọc lại, nghe lại,... Còn tôi thì ỷ lại, lười suy nghĩ, lười học hay đây là “sức ỳ” của tâm thức? Bởi tất cả! “Phải tìm ra chìa khóa giải mã” các mắc mứu tồn tại ngăn trở sự tiến tu. Trước hết, nhìn thẳng vào sự thật nơi mình, tự điểm mặt chính mình, không tự lột xác thì ai lột xác cho mình đây? Giặc hiện hữu ngay “trong nhà mình”, thật thậm chí nguy! Chúng biết cải trang, nguy trang, nhân danh, giả danh cực kỳ tinh vi lừa dối ta. Không tỉnh thức, ta dễ rơi vào mê hồn trận! Nhiều năm qua, tôi bị bủa vây, bị rơi vào “bát quái đồ” của mê lầm, lú lẫn. Dù chậm, tôi đương đầu ít ra buộc “cái tôi” án binh bất động, không quấy phá. Cuộc chiến cực kỳ cam go, quyết liệt. Không dễ, tất nhiên! Những lời dạy của Đức Ân Sư: “Không có việc gì khó, chỉ có lòng người sợ khó mà thôi!” là tiếng kèn lệnh thôi thúc tôi tinh tấn! Với tấm lòng thành, tôi ghi lại vài lý do tôi đã thấy:

1. Nguyên nhân thứ nhất: Thiếu “tín tâm bất thoái!”

1.1. Hạt giống công đức tàn lụi!

Thiếu tín tâm bất thoái, hạt giống công đức bị “khô héo”, tàn lụi, sao có hoa quả Bồ Đề? Vì sao? Tín tâm bất thoái là nguồn năng lượng vô tận, nuôi dưỡng ý chí, nghị lực, tăng cường bền chí kiên tâm, vững bước tiến tu: Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời! Tín tâm bất thoái là nguồn năng lực tự thân, hóa giải mọi nghi ngờ về pháp đạo đang thọ hành, vững bước trên đường hành pháp, tự tạo công hạnh lành, vun bồi công đức.

12.Lún sâu vào Danh – Lợi – Tình và các quyền rũ khác!

Thiếu tín tâm bắt thối “khó cưỡng lại cơn giông lũ của dòng đời như danh, lợi, tình và mọi quyền rũ khác; đồng thời, cái “Sĩ” của người tu như bóng mờ: “Tâm lành, ý lành, hành động lành” nay “tạm trú”, mai “tạm vắng”, ta tự làm khổ mình rồi làm khổ người khác. Chữ Giới chưa tròn, ta bị “ma đời” lẫn “ma tâm” mê hoặc dẫn dụ, cứ lún sâu vào đường cụt, hang sâu. Thực tế, một số pháp hữu “đã thối chuyển, có tên trong bản Phong Thần”. Các Bảo Pháp bị một đục ruỗng, vỡ từng mảnh. Số khác phân vân, do dự, bán tín bán nghi, cứ bám vào hình danh, sắc tướng nên thành kiến, định kiến, không thấy rõ sau ngày Đức Ngài hồi vị, Đức Thầy Từ Minh Đạt vẫn vâng Lệnh Đức Ngài, y theo Chánh Pháp phụng hành. Đức Ngài luôn bên chân thể của Đức Thầy!

13.Nuôi dưỡng nội căn Tham – Sân – Si – Nịch Ái!

Thiếu tín tâm bắt thối là mảnh đất màu mỡ cho nội căn “tham – sân – si – nịch ái” nảy nở, phát triển dẫn ta đến kiêu mạn, đầy tham vọng, kể cả vô đạo. Thực tế, sau ngày Đức Ngài hồi vị: Một ít vị đã tự nâng cao cái tôi tham vọng đứng ra hành pháp và tự xưng là Phật,... bên cạnh, cũng có một ít vị chìm vào tham ái nên những gì Đức Ngài đã ban không còn hiệu lực nữa

14.Đức Phật Thầy chỉ dạy ân cần:

“Tín tâm là lòng tin, đứng đầu của Đạo, là mẹ của công đức, là chánh chơn của tất cả công hạnh, nhấn đến quả vị Vô Thượng Bồ Đề, hoàn mãn tín tâm này là sơ tâm Bồ Tát, nương nơi tín lực mà được thành tựu và lấy Pháp Tánh làm thân”.

“Tu không bằng lời nói đầu môi, không chỉ niệm Phật, tụng kinh mà thành phật, đòi hỏi ở hành giả chứng hay ẩn chứng của vị Phật hay Bồ Tát”.

“Đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ là một vị Phật thị hiện, tất phải vào bậc tín tâm bắt thối thì người tu mới thoát khỏi luân hồi, vãng sanh cực lạc”.

“Lòng tin đưa các chú vãng tâm để tiến bước mà thành quả!”

2.Nguyên nhân thứ hai: Tu mà không biết đường về!

21.Pháp Vô Vi Quy Nguyên đã chỉ “con đường về” (Quy Nguyên) cho đệ tử:

Về nguồn sống của Đức A Di Đà Phật!

“Về trong vòng tay từ ái của Đức Mẹ Hiền – Đức Cha Lành”, tức trở về “Tây Phương Tịnh Thổ”!

“Về dưới chân Đức Long Giáo Chủ Di lạc Tôn Vương Phật ở ngay hiện kiếp nơi cõi đời này!

“Về là “Phản Bồn Hoàn Nguyên”, v.v....!”

“Tu không biết đường về”, cụm từ nghe lạ lắm! **Đức Ngài dạy:**

“... Con người hoàn toàn làm chủ định mệnh của mình bằng cách tạo ra nghiệp lành để tiêu trừ nghiệp dữ. Còn thế gian là huyền tướng, là giả, lừa đảo, ta cần phải áp dụng một chân lý duy nhất, tối thượng là Pháp Vô Vi Quy Nguyên, tức con đường trở về nguồn sống của Đức A Di Đà . Cũng bởi chính vì cuộc đời là hư ảo, trá ngụy, đau khổ mà các chú cần áp dụng chân lý duy nhất này vào cuộc sống”.

Chân lý Vô Vi Quy Nguyên soi sáng cho đời sống chúng ta và khi chúng ta sống thực, sống đúng chân lý này ta mới thấy được ý nghĩa và giá trị của cuộc đời, nó là con đường

đưa chúng ta sang bờ giác. Trên đường về còn lắm thác ghềnh, lắm đoạn quanh co, khúc khuỷu, gập ghềnh, đường đèo dốc gian nan, nguy hiểm. Đức Phật Thầy tiên liệu, chỉ dẫn từng bước đi cùng lời cảnh báo nghiêm khắc, dứt khoát bằng hành trang đầu tiên mà Đức Ngài ban mỗi pháp hữu lên đường trở về quê cũ:

“Phải dẹp bản ngã, phàm tánh của mình”!

“Phải phá chấp nơi mình để soi tâm mình mà tìm thanh tịnh”!

22. Vì sao “tu mà không biết đường về”?

221. Tâm còn so đo phân biệt!

Tâm còn dính mắc vào hình tướng!

Lấy mắt trần, trí phàm tiếp xúc với thế giới thực tại khách quan, cứ để cái thức phân biệt, cái tâm so đo lộng hành là lạc mất lối về. Thí dụ như có vị so kè “chúng loại hạt, “tua” của Bảo Pháp Kim Cang, Bảo Pháp được ban, v.v.... Cần tỉnh xét Đức Phật Thầy ban một phần vì tình thương, một phần vì đặc ân,... Đức Ngài thọ ký cho phẩm vị tương lai “lấy hữu vi để hiểu vô vi”. Nhưng “nó” không mang “tính tất yếu”, “đương nhiên”, còn tùy thuộc một điều kiện không thể thiếu được là “tinh tấn trong công phu và phẩm hạnh”. Còn chấp, còn dính mắc vào hình tướng,... tất không sở đắc. Đức Ngài nhắc nhở:

“Có lệnh ban ra thì có Lệnh thu hồi”!

“Khi mất Bảo Pháp và có bị tịch thu thì đừng trách Sư Huỳnh không chịu nói trước”!

Đức Ngài đặc ân ban và tạo duyên lành cho đệ tử lập hạnh!

Nên biết, Đức Ngài đặc ân ban nhiều Bảo Pháp cực kỳ quý báu, công năng diệu dụng không thể nghĩ bàn và thọ ký cho đệ tử có được phẩm vị nơi cõi Thượng nhưng chúng ta thật thọ hưởng được hay không là do ở Đức Hạnh chứ không phải ở Bảo Pháp được ban.

Thí dụ: Được Đức Ngài đặc ân và chỉ dạy nhưng không chịu tỉnh thức!

Vì tình thương – vì thực thi Đại Nguyên đối với người thân trong cửu huyền thất tổ của đệ tử, Đức Ngài đã đặc ân ban một vị pháp hữu Kim Cang Bảo Pháp – Thiên Phục – Thánh Danh và tạo nhiều cơ hội tốt cho vị này lập hạnh – vun bồi công đức như “làm chuỗi”, chẳng hạn. Trong thực tế, sau khi lìa thế, vị này bị đưa thẳng xuống địa ngục do lúc sanh tiền vẫn còn nhiều ngã mạn, xem Trời Phật không ra gì!

Ta còn trong vòng sanh tử: Hễ Vọng chấp là bị Động! Sao được Đức Ngài ấn chứng mà thọ nhận phẩm vị cõi Thượng? Đức Thầy Pháp Chủ dạy:

“Vọng thì Động. Động thì mất cái Chơn. Cái Chơn mất thì cái Sanh lộ ra. Sanh lộ ra thì Diệt theo kèm, là Luân Hồi Sanh Tử!” (QNP.120). “Cái cốt yếu là làm sao cho đừng có sanh, không có sanh thì không có tử, là Đạo của Quả Bồ Đề vậy”!

“Tâm Vọng là chìa khóa của Sanh Tử, nằm vào luật Sinh Diệt của Thượng Đế. Tâm Tịnh là của Chân Như, Niết Bàn”!

“Nếu không có hiện tượng thì không có tính sanh và căn trần cũng không có. Như vậy, Bát Thức Vô Minh là cái Chính Trí của bình đẳng như như bất sanh bất diệt. Khi ta không còn tâm ý nữa, khi đó, Như Lai cũng là ta, Niết Bàn cũng là ta. Đừng xa rời ngã tướng, duyên theo ngã tướng ta mới thấy Chơn Như”!

Qua lời dạy này cho thấy Đức Ngài đặt hết niềm tin vào tinh tấn tu hành của đệ tử nên mới ban đặc ân cho nhiều vị pháp hữu, nhất là vào thời gian sắp hồi vị, nhưng sau khi Đức Ngài hồi vị, một vài vị đã “quên mất đặc ân” mà thuận dòng thế thái nhân tình tạo thêm nghiệp lực quả báo!

222.Vọng tưởng Huệ – Thần Thông!

Nếu ta mong cầu Huệ – Thần Thông là phát khởi vọng tưởng, “quên đường về”.

Nếu Đức Ngài ban cho Huệ – Thần Thông, thì đây là Huệ mượn – Thần Thông mượn, là phương tiện trợ giúp chúng ta phụng sự đạo pháp – tế độ quần sanh “theo Thánh Ý của Đức Vua Cha và Tôn ý của Đức Ngài”.

Ngược lại, nếu lấy Huệ để thỏa mãn tánh kiêu mạn, thì dẫn ta đến “Tam Đồ Khô”. Và khi có Huệ – Thần Thông, hành giả sẽ bị khảo đảo – thử thách nhiều. Lúc đó, những danh – lợi lộc – sắc dục . . . có nhiều cơ may bộc lộ, thiếu tỉnh thức sẽ uổng công tu học, tự thiêu đốt công đức bản thân.

Đức Ngài đã cảnh tỉnh:

“Một số chủ dùng thần thông để biểu dương. Nếu lấy Huệ giúp ích Đạo Pháp, để soi tâm mình, điểm son sẽ khai triển. Trái lại, nếu lấy Huệ làm phương tiện vật báu chuyển động thần oai sẽ bị rút xuống vực thẳm... Các chủ phải rèn luyện bản thể cho mực thước, nhún nhường, tuyệt đối đừng để lộ thần thông. Một số các chủ còn mong tâm vào Huệ của người khác. Tuy nhiên, chủ nào chưa có Huệ chớ có vội buồn. Nếu lấy Huệ để trau dồi kinh nghiệm mà dẫn độ thì pháp đạo mới lan rộng nhưng ngược lại sẽ là hoen ố Đạo vì vô tình tạo ra sự vọng động và nghi vấn cho kẻ khác khiến cho người có Huệ và người chưa có Huệ đều cùng nhau bị tuột dốc”.

“Các chủ bình tâm suy nghĩ cho kỹ xem Huệ này là Huệ Chơn hay Huệ mượn. Đã là vay mượn thì đâu có gì là vĩnh viễn. Sư Huynh chỉ cần ban Pháp Lệnh là các chủ sẽ bị thu hồi”.

Dù sao có Huệ hay chưa cũng đều đi tới đích như nhau với điều kiện công phu tinh tấn và phẩm hạnh giữ tròn”.

Đức Ân Sư còn cho biết thêm, nếu đắc quả Bồ Đề, được Đại Hồng Ân về châu Đức Vua Cha, khi qua cầu Lãng vân Độ “tất cả Thần Thông đều mất hết”. Một số pháp hữu được chút Thần Thông, Huệ đã tự mãn, bộc lộ ngã kiến tà vạy, mê lầm, tự cao, tự đại, hoàn toàn thoái chuyển, tự chuốc lấy nghiệp chướng lạnh, số khác chẳng chút tiến bộ.

23.Hai thí dụ về phô bày thần thông:

231.Thần thông của Lữ Đông Tân:

Hòa Thượng Hư Vân kể lại câu chuyện như sau: (Đường mây trên đất Hoa). “Lữ Động Tân được Chung Ly Huyền (Hơn Chung Ly) dạy cho phép trường sanh và đặc pháp. Ông chu du khắp nơi bằng khinh công. Ngày nọ, qua núi Hoàng Long, ông “biến thành mây ngũ sắc” rồi vào chùa, gặp lúc Ngài Hoàng Long đang giảng Kinh. Ông đánh lễ, thưa:

-“Xin thưa Hòa Thượng giảng cho câu: Trong một hạt gạo chứa đầy thế giới. Núi sông, ngòi rạch đều chảy vào chiếc nồi nhỏ!”

Ngài Hoàng Long nạt:

-“Con qui giữ tử thư”.

Ông đáp:

-“Nhưng trong bụng có giữ thuốc trường sanh”.

Ngài Hoàng Long nói:

-“Sống cho tới tám mươi bốn ngàn kiếp, vẫn chỉ lạc vào ... vô ích thôi”.

Nổi giận, Lữ Đông Tân rút “kiếm đâm thẳng vào Ngài Hoàng Long. Ngài chỉ tay vào kiếm, kiếm tự rơi xuống đất không thể nhặt lên.”

Lữ Đông Tân bèn quỳ xuống xin sám hối, thỉnh cầu Phật Pháp ...!”

Thần thông của Lữ Đông Tân nuôi dưỡng, tăng trưởng thỏa mãn ngã mạn, bộc lộ ngã si. Ngài Hoàng Long bắt đặc dĩ hiển thần thông để cảnh tỉnh Lữ Đông Tân sớm thức giấc trở về nguồn tâm tu chứng. Thần thông của Lữ Đông Tân ích gì cho chính ông, cho chúng sanh?

232. Thần thông của vị tăng qua sông:

Tôi không nhớ chi tiết câu chuyện nhưng đại để: Có hai vị tăng chèo đò qua sông. Một vị muốn “khoe” thần thông nên “một thoáng đã qua bờ bên kia”. Vị tăng còn lại đợi đò cập bến đủ khách quá giang, ông lái đò mới nhỏ sào. Sang đến bờ, vị tăng sang trước “thách đố”:

-Huynh sở đắc được gì cho biết?

Vị tăng bị cật vấn không trả lời mà hỏi lại:

-Huynh tu được bao năm?

Vị kia trả lời:

-20 năm.

-20 mươi năm, Huynh mới chỉ qua sông. Còn tôi chỉ mất vài xu cũng qua sông!

Qua câu chuyện này, ta thấy vị tăng dù có sở đắc chút thần thông nhưng quá ngạo mạn. Cái ngã “quá lớn” như thế ích gì cho tu chứng, lạc mất lối về rồi vậy! Đức Phật Thầy của chúng ta hiển thần thông để củng cố tín tâm, khích lệ sự tinh tấn của đệ tử. Đó chỉ là phương tiện mà thôi!

3. Nguyên nhân thứ ba: Không hiểu rõ lời Pháp Dụ của Đức Ân sư!

Không ít trong chúng ta – cả tôi, lặp lại “kiểu trả bài thuộc lòng” lời dạy của Đức Ngài. Riêng tôi còn hiểu sai lạc nữa! Chưa hiểu đúng, chưa biết đúng, tất kết quả tu học bị hạn chế không nhỏ. Tôi đã quyết tâm tìm hiểu rồi viết dù kiến giải chưa đạt yêu cầu. Tôi có cảm nhận Đức Ngài hộ trì cho tôi trong vô vi. Tôi cần tìm hiểu “ẩn nghĩa” hay “mật nghĩa” lời Pháp Dụ của Đức Ngài mà tôi gọi là “nhập lý” hay từ hữu vi vào vô vi. Dưới đây là thí dụ về Pháp Dụ của Đức Ngài:

31. Pháp Vô Vi Quy Nguyên!

311. “Quy Nguyên” có nghĩa trở về nguồn:

Trở về trong điển quang, trong vòng tay Từ Ái của một Ngôi Duy Nhất hay Đức Chí Tôn Tối Thượng: Đức Ngọc Đế, Đức A Di Đà Phật, Đức Chúa Cha, Đức Allah.

Đó là thời điểm “các tia trở về chớp đỉnh”!

Đó là thời “con thuyền Bát Nhã không đáy rộng mở chở tất cả mọi tôn giáo, các người, các giới không thiếu mà cũng không thừa một ai”!

Đó là thời trọn lành lời nguyện của các Đấng Cứu Thế: “Đem thân ta chịu hết khổ đau cho chúng sanh” hay “thể hiện rõ ràng những lời nguyện cao cả mà các Đức Phật,

Bồ Tát đã nguyện: Nguyện không thành Phật khi tất cả chúng sanh không thành chánh quả, không thoát khỏi địa ngục A tỳ, không thoát khỏi bể trầm luân”!
 “Cũng là Hội Long Hoa khai mở”, cũng là thế giới Đại Đồng, “tứ hải giai huynh đệ”!

312. Pháp Vô Vi – Đức Ngài dạy về Pháp Dụ:

Đức Ngài dạy: “. . . *Còn riêng chúng ta đây nghĩ tưởng đến cõi vô hình, tức vô vi, ở đó có một Đấng Tối Cao gồm thấu tất cả cũng như tất cả mấy ngón tay đều đi vào lòng bàn tay, nên gọi là Pháp Vô Vi*”. (“Tất cả mấy ngón tay” dụ cho tất cả mọi tôn giáo, các người, các giới; “lòng bàn tay” dụ cho Pháp Đạo Vô Vi Quy Nguyên”).

“Đạt đến Vô Vi là đạt đến cái Không!” Vô Vi là rỗng không, không có hành vi tạo tác (không khởi sanh nhân duyên tạo tác, chớ không phải là không làm gì cả như một số vị hiểu lầm). Đức Ngài dùng hình ảnh ẩn dụ:

“Cái không” được so sánh với “con số không” (Zero) có cái viền bên ngoài, còn có giới hạn. **“Phải phá bỏ cái viền đó thì cái không mới trở thành vô giới hạn”**. Đó là “cái Chơn Không Pháp” cũng là cái bất sanh bất diệt hiển bày. Vô vi không có hữu vi thì không hiện bày được. Ôm chặt vô vi hay hữu vi đều là vô minh cả

Pháp Vô Vi không có nghĩa là không làm, thực là làm thật nhiều mà không thấy mình làm gì cả. Pháp Vô Vi cũng là pháp vô lậu, tức các quan năng không còn tác dụng chi phối, ***“ta cởi bỏ đi những u mê tâm tối, phiền não, ô trược, cắt đứt mọi sợi dây kiềm tỏa, luyến ái dục tình, tách rời cảnh phù vân mộng ảo, phá tan bức màn vô minh”*** “Đối cảnh” trong định, ngoài thiền”, sáu căn đi vào đại định!

32. Thí dụ: Tỳ duyên cứu độ nhân sanh!

321. Hành dụng tỳ duyên!

Pháp hữu tu học VVQN, hành pháp Tối Thượng Vô Thừa, **không bao giờ “hiện diện sẵn – sắp đặt sẵn tâm ý**, “có dịp đến, có cơ hội đến”, để cứu độ nhân sanh”, mà là “tỳ duyên cứu độ”. Gặp cơ hội, gặp dịp thì hành ngay! Mới nghe qua có vẻ nghịch lý không?

Với ý đời: Hiện diện sẵn tâm ý như vậy là người có lòng tốt hướng về nhân sanh, phụng sự vì nhân sanh và có thể được nhiều người cảm mến, đến học hỏi.

Với “thanh lọc tâm thức thanh sạch”: Hiện diện sẵn tâm ý như vậy có khác nào một định kiến, một dự kiến hay cái ngã kiến tiềm ẩn sẵn, sẵn sàng áp đặt vào hành vi khi có dịp. Như vậy, bước đường hành pháp nằm vào cái Dụng của tâm vọng chấp. Tự mình chưa cởi trói tâm ý vọng chấp thì làm sao có thể nói đến hành dụng cứu độ nhân sanh giải thoát? Có chăng là giải thoát trong sự đặt để của bản ngã vọng chấp!

Gặp cơ hội thì hành ngay! Tâm ý không dính mắc vào định kiến, dự kiến, tâm ý không vướng mắc vào các dự định cứu độ hiện bày sẵn. Vì sao? Gặp cơ hội thì hành ngay thời “tiến trình ý thức” không có cơ hội hiện bày chi phối. Cho nên, hành pháp mà không vướng mắc vào “ý tưởng cứu độ” hay các việc làm. Như vậy, làm mà thoát, cứu độ mà không vướng víu vào cứu độ .

322. Mở hướng Hành mà Thoát!

Từ đây, mở ra cho thấy người tu học VVQN, **trong các việc làm, trong các sinh hoạt thường ngày, tâm thường an định**. Đây là hướng thực thi Tôn Ý của Đức Ngài là lìa bỏ tâm ý và ý thức, lìa bỏ nhất thiết ngoại tướng nơi tâm. Tức, **nơi tâm thường an định, nơi**

cảnh luôn vững tình trạng công phu trong mọi sinh hoạt. Cho nên, tuy “làm thật nhiều mà không thấy mình làm cái gì cả” là vậy. Vì sao?

“Tùy duyên cứu độ”! Tức, tự chủ xuất phát hành vi cứu độ tùy theo căn cơ và trình độ mỗi nhân sanh. Tùy mỗi nhân sanh mà dụng hạnh, thể hiện việc làm thẳng từ tâm tánh không bị trói buộc vào dòng tâm thức so đo phân biệt hay tình cảm thất tình lục dục. Dụng hạnh vào việc làm có thể biến chuyển linh động nhưng tâm tánh thường an định và tự chủ thể hiện hành vi!

Các “hình ảnh việc làm, sinh hoạt” do tự chủ nương theo duyên, tự chủ thể hiện, xong rồi thôi, tâm ý không dính mắc vào việc làm, tức lia được các hiện tượng giới tướng lưu tâm.

Như vậy, người hành pháp “tùy duyên cứu độ” không bị chi phối bởi ngoại cảnh dẫn đi hay các nhân duyên tạo tác, tức tâm tánh bị tác động chi phối làm nên hành vi không còn. Đồng thời, các giác quan không còn lực chi phối việc làm, không còn lực sai khiến bản thân phục vụ cho chúng.

Vì sao? Bởi “gặp cơ hội thì hành ngay”! Tuy hành nhưng không vướng phải “tiềm lực chấp ngã”, không vướng phải “tiềm lực tác ý thành nghiệp”, tức không nằm vào tiến trình Nhân Quả Nghiệp Lực! Đây là một phương diện yếu quyết **Hành mà Thoát của Hạnh Bồ Tát đi trong phiền não nơi cảnh đời tục lụy này.**

33. Mở hướng thể nhập Chơn Không Pháp!

331. Ý niệm về Nhứt Nhứt!

Hành dụng tùy duyên mở ra hành mà thoát mọi nhân duyên tạo tác, áp lực các quan năng, nhân quả nghiệp lực như thể nhân, tất cả đều lia xa tâm ý và ý thức, lia xa ngoại cảnh chi phối. Đây là một phương diện thể hiện Tánh Hành Động trong sáng, thanh sạch, bất nhiễm, tạm gọi là Chơn Tánh. Tức, thể hiện Dụng Tướng từ Chơn Tánh hay Diệu Dụng từ Chơn Tánh đi vào hành pháp. Cái cách hành dụng, cái tướng hạnh hành dụng thì đa dạng, linh hoạt, thuộc hiện tượng, nhưng đều từ Chơn Tánh hiện bày. Như vậy, chúng ta thấy: Cách hành dụng, tướng hạnh hành dụng thuộc hiện tượng có nhiều sai khác, nhưng đồng cùng Thể Tánh trong sáng, thanh sạch, bất nhiễm như nhau. ***Thể Tánh và Hiện Tượng tuy hai mà không phải hai, cũng không phải một, mà là như một, nên tạm gọi là Nhứt Như.***

332. Chỗ học của chúng ta:

Đi vào hành pháp với vô số tướng hạnh hành pháp, phương tiện hành pháp, tuy có nhiều sai khác nhưng luôn hành với tâm tánh trong sáng, thanh sạch, bất nhiễm. Đó là hiện bày được “Diệu Dụng từ Chơn Tánh”.

Từ các phương tiện hành pháp mà thấy biết tất cả đồng Thể Tánh Nhứt Như, đó là thấy biết tất cả tướng hạnh hành pháp, phương tiện hành pháp đều bình đẳng, chẳng qua là phương tiện diệu dụng mà thôi.

333. Cho nên, bước đường hành pháp của chúng ta:

Tuy hiện diện cùng mọi thành phần nhân sanh nhưng không vướng vào phiền não như nhân sanh.

Tuy hành với vô số tướng hạnh động tịnh sai khác nhưng: Không mắc phải tâm so đo phân biệt, không có tâm mong cầu thành đạt một điều gì, không có tâm thọ nhận kết

quả việc làm. Tất cả tướng hạnh hay phương tiện hành pháp chẳng qua là phương tiện dùng, dùng xong rồi thôi.

Cho nên, tuy thể hiện vô số tướng hạnh hay phương tiện hành pháp nhưng không mắc vào nhân quả nghiệp lực như thế nhân.

Nói chung: Cái Không đây không phải là cái không của con số không, mà là Chơn Không! Từ Bản Thể Chơn Không hiện bày phương tiện hành pháp, hiện bày tướng hạnh hành pháp, tùy duyên thay đổi linh hoạt, có nhiều tướng trạng sai khác, có khác nào hư huyền. Tuy hư huyền nhưng hiện bày từ bản thể Chơn Không, không do nhân duyên tạo tác khởi sanh. Nên, tuy có nhưng không do nhân duyên sanh ra, đồng thời, tuy hư huyền nhưng không do nhân duyên diệt mất. Cho nên, **cái Không** mà Đức Ngài ẩn dụ **gồm cả Bản Thể và Hiện Tượng**, nên tạm gọi **“Chơn Lý Nhất Như”**. Trực nhận, sống và hành trong Chơn Lý Nhất Như là chúng ta đang bước trong Chơn Không Pháp! Nhưng, giả như thấy mình trực nhận, sống và hành trong Chơn Lý Nhất Như thì đây không phải là Chơn Lý Nhất Như, mà tướng Nhất Như do tâm khởi; giả như thấy mình đang đi trong Chơn Không Pháp, thì đây không phải là Chơn Không Pháp, mà là Tướng Chơn Không do tâm khởi. Tất cả đều là chướng ngại!

Thưa quý pháp hữu!

Cái vọng tưởng rất nhỏ nhiệm, chúng ta khó khám phá, cần phải không ngừng tỉnh thức. Diệu kế hóa giải là mỗi khi vọng niệm, tạp niệm hay tà niệm dấy khởi, cứ để tự nhiên, tâm không vướng mắc vào nó, “không thất có chi để mà mắc”. Lâu ngày chầy tháng đến thuần thực thời tâm không còn lưu vướng vào vọng tưởng nữa! “Khi nào thấy Pháp, không biết là Pháp thì Pháp sẽ không còn”, tức là “không có pháp để chứng, không có pháp để làm” nhưng khi nói ra phải là “pháp báu nhiệm mầu”, “giáo pháp cao minh” hay “diệu pháp”. **Đây là phương tiện quyền thiết diệu dụng từ Chơn Không! Học Thánh Ý của Đức Ngài, Tôn Ý của Đức Thầy, pháp hữu chúng ta phải “nhập lý”, lý giải được huyền nghĩa của từng lời dạy và thể nhập qua hành dụng.**

Một số ít pháp dụ tôi xin trình bày đã khẳng định cái “Chơn Lý Duy Nhất” thì đâu ta còn “đứng núi này, trông núi kia”, phân vân, hoang mang trước các pháp môn khác. “Máu phải chảy về tim” không ai chối cãi được. Chần chờ gì mà không tu! Lường lự, do dự gì để uống phí một đời! Xin đừng tham cái giả, xin đừng vọng cái huyền mà phí phạm thời gian vô ích!

*“Đời người chỉ một gang tay,
Chẳng nghe lời Thầy, sanh tử liền theo!”*

Luẩn quẩn dưới chân núi là thế đấy! Cái tâm mê lú vì hình, danh, sắc, tướng, vì bản ngã kiêu mạn đã tự làm hại mình, mình đang bị “ma tâm” phỉnh gạt, dẫn dụ vào hang tối cuộc đời. Chắc chắn như thế! Chưa hiểu rõ, chưa hiểu đúng Thánh Ý của Đức Ngài, Tôn Ý của Đức Thầy, sao hành có kết quả!

4. Nguyên nhân thứ tư: Thiếu Tri Hành Hợp Nhất!

41. Trọng Tri Kiến – Thiếu Hành!

411. Đức Ngài dạy:

“Hễ tu là phải chứng, điều này chỉ đúng khi các chú biết Tri Hành Hợp Nhất”. Có huynh đệ, tỉ, muội hiểu giáo pháp cao minh của Đức Ngài, hiểu lời dạy của Đức Thầy nhưng lại thiếu “Hành”. Tất nhiên không có tu chứng! Không ít trong chúng ta chưa thấy hết quan trọng là “tu chứng”. Vì sao?

Tu học không phải ở “kiến giải” hay “tri kiến”! Theo cái nhìn thế tục, thấy ai thông hiểu Kinh, Luật, Luận đã cho rằng hiểu “Tri Kiến Phật”! Đó là định kiến vô minh của người trọng tri kiến! Giả sử cho là hiểu, thật ra mới chỉ hiểu “ngoài da lông”, chưa hiểu cái “cốt tủy”. Muốn hiểu cái cốt tủy phải “hành”!

Có người nghiêm khắc cho rằng đó chỉ là thứ “đầy chữ”. Theo “lý tri hành nhất như” thì quả chưa làm (hành) đúng Thánh Ý của Chư Phật: “Trực chỉ Chân Tâm kiến Tánh thành Phật” là yếu chỉ của Phật Thừa! “Tâm có Động, Ý mới Chuyển, Thức mới Hành”, nên Tâm – Tri – Hành Nhứt Như!

Đức Ân Sư nhắc nhở:

“Hành đi sẽ thấy kết quả”!

“Hành đúng sẽ gặt hái đúng mùa”!

“Phải đặt cái thật hành trên cái thật quả”!

“Lậm vào kinh điển, chỉ thấy nắm lá, không thấy cả rừng cây”!

“Giáo pháp cao minh của Đức Ngài giả lập ra”!

“Tu theo Vô Vi Quy Nguyên, *các chú cũng chớ có để mình lậm vào vô vi, lậm vào vô vi càng khó gỡ vướng mắc hơn cái kia nữa*”!

412. Tri kiến nhiều không giúp giải thoát sanh tử luân hồi!

Đức Ngài dẫn lời Đức Phật Tổ: ... sau bốn mươi năm hành đạo, cứu độ quần sanh, Ngài, Đức Thế Tôn chỉ dạy có một câu: ***“Ta không nói một lời nào cả!”***

Một vị thiền sư phải than: ***“Ngày nay, từ sáng đến tối, chỉ cầu tri giải, không cầu tu chứng”. Tri giải chỉ thỏa mãn cái tri thức, có giúp phần nào cho tu chứng, chứ chưa phải “là cái chìa khóa giải quyết mọi vấn đề”!***

Càng tích lũy lăm “tri kiến giải” thì càng xa nguồn tâm, cũng là “đầu dây mối nhợ” cho cái ngã mạn xuất đầu lộ diện, ta càng quên “cái căn linh giác” sẵn có trong tâm. “Tánh giác vốn là mẹ của muôn vật”, lớp đá bao bọc cái “Điển Linh Quang của Thượng Đế” nơi ta càng ngày càng dày lên kiên cố thêm. **Tri giải (tri kiến) dứt khoát không giúp ta thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi!**

413. Thí dụ về câu nệ vào kinh điển:

Câu chuyện Tổ Đức Sơn:

Tổ Đức Sơn được xưng tán là “Chu Kim Cang”, thâm cứu – quán thông kinh. Bà lão bán trà hỏi Ngài:

-Kinh Kim Cang nói: “Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm tương lai đều không thể được”, vậy Kinh chỉ Tâm nào?

Tổ Đức Sơn không trả lời được!

Câu chuyện Bàng Uẩn:

Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền: Một hôm nghe vị giảng sư giảng Kinh Kim Cang đến đoạn vô ngã – vô nhân, ông liền hỏi:

-“Bạch Tọa Chủ: Nếu nói vô ngã – vô nhân, vậy ai đang giảng kinh, ai đang nghe kinh?”
Vị Tọa Chủ không đáp được!

Hai “hiện tượng” trên đây cho phép ta thấy rõ chỗ ôm cứng, câu nệ nơi kinh điển vì
“Phật Pháp Trọng Thật Chứng Không Trọng Tri Kiến”!

42. Học nhưng Hành chưa được bao nhiêu!

Các pháp hữu thác mắc Đức Ngài hỏi vị, ai là người ấn chứng cho sự tu chứng của chúng ta? Điều này ứng hợp với lời dạy của Đức Ân Sư, người tu học phải được Phật – Bồ Tát ấn chứng.

Riêng pháp hữu chúng ta đừng lo việc đó: Đức Ngài luôn trong tâm mỗi đệ tử! Bên cạnh, dù xa nửa vòng trái đất, Đức Thầy Từ Minh Đạt vẫn dõi theo sự tiến tu của từng pháp hữu trong nước. Một sự kiện cụ thể, rõ nhất, Đức Ngài hỏi vị đã sáu, bảy năm, Đức Thầy Từ Minh Đạt vẫn chưa ban lệnh hành Pháp “Luyện Ngươn Thần” (Pháp Tối Thắng). Theo tôi, điều này:

Một phần do những người đi trước, đã luyện công và tu học chưa thật xứng đáng với những gì đã chỉ dẫn.

Một phần do những pháp hữu “sơ cơ” chưa thật sự tinh tấn trong công phu và trau dồi phẩm hạnh.

Việc học đạo còn buông lơi! Cái Tín Tâm vào Pháp, vào Thầy chưa thật sự hiển lộ nơi tâm! Nói rõ hơn, công phu tu học còn chậm, đạo lực còn yếu, chưa kể còn có vị nôn nóng, mỏng tâm.

Thí dụ 1: Hành Bát Chánh!

Hiếu hạnh: Riêng pháp hữu chúng ta hành Bát Chánh Hạnh chưa đến đâu. Theo “lý Tri Hành Nhất Như”, chữ Hiếu với Đức Phật Thầy chưa tròn. Ai trong chúng ta dám nói mình đã làm đúng lời Thánh Giáo trong Quy Nguyên Pháp, công phu đúng theo “Con Đường Sống”? Đức Ân Sư chỉ mong các đệ tử tinh tấn trong công phu và tu học. Đây là bước đầu thực hiện chữ Hiếu! Có pháp hữu thoa bóp, dâng ly nước lên Đức Ân Sư đã vội kể công.

Tín Hạnh: Chữ Tín thì sao? Chúng ta thường “đánh trống bỏ dùi”, “đầu voi đuôi chuột”. Tự ta đánh mất chữ Tín (tự tín). Đơn cử hai điều, tôi chưa làm tròn Bát Chánh, có nghĩa “Giới” chưa đạt, sao có Định và Huệ, cái Nhân của vô minh: Tham, sân, si, nịch ái ẩn tàng trong nội thể nhiều lúc, nhiều nơi, ta tự làm khổ, tự đày đọa mình, cũng vì chúng. Thiếu “Giới” thì “tâm, ý, hành động” chưa lành. Từ đây, ta phạm sai lầm, có khi nghiêm trọng như tự đánh giá mình quá cao, khoe khoang những gì mình không có, chưa chắc bảo là đắc, những ảnh tượng do cái tâm mỏng cầu mà có lại làm tưởng do huệ phát sanh, v.v...

Thí dụ 2: Trọng hình tướng bên ngoài!

Thời điểm này, số rất nhỏ vẫn nhìn Đức Thầy qua hình tướng mà quên Chơn Linh, soi từng con chữ trên trang viết, chấp vào từng lời nói của Đức Thầy. Số này “quên” hay do “cái ngã” quá lớn không thấy mọi phương tiện Đức Thầy ứng sử, thực thi nhằm “đánh động vào điểm kẹt” hay “đánh thức linh hồn, gội rửa phàm tánh” của đệ tử. Quý vị này

không thấy Đức Ngài Pháp Chủ, Đức Thầy là Một! Đức Thầy ban lệnh và hành lệnh như Đức Ngài trước đây đã làm! Tâm thức quý vị còn vướng nặng vào hình tướng, ngôn thuyết, tự nâng cao ngã kiến, v.v... vốn đều huyền, chỉ là sự hư dối, vì là “con đẻ” của vô minh. Hãy thực thi không gián đoạn lý “Tri Hành Nhất Như”, ta sẽ thấy tất cả, cũng như lỗi lầm đáng tiếc của chính mình.

5. Nói tóm lại:

51. Vài lời cùng quý pháp hữu!

Pháp hữu chúng ta nằm lòng: *“Pháp chúng ta đang hành là do Đức Ngài chuyển động cho danh hiệu là “Vô Vi Quy Nguyên”. “Pháp ta đang thọ hành là Pháp của Đức Tây Phương Giáo Chủ A Di Đà Phật”. Đó là Pháp Tối Thượng Vô Thừa!*

Đức Thầy Từ Minh Đạt kể tục phật sự VVQN chắc chắn y theo “Quy Nguyên Pháp”, “Con Đường Sống” của Đức Ngài Pháp Chủ trang nghiêm hành sử. Ai bảo Đức Thầy không hướng đúng đến “ngọn đèn”, không lấy “cái nhân Chân Thật Phật Tánh”,... mà Đức Phật Thầy đã chỉ dạy? Đừng vì ngã kiến rồi mất tất cả!

52. Tự nhìn bản thân!

Riêng đệ tử xin sám hối với Đức Ngài Pháp Chủ – Đức Thầy Từ Minh Đạt. Con đã chậm tiến vì giải đãi, buông lơi, vì không hiểu “huyền nghĩa” (ẩn nghĩa) của những lời Thánh Giáo, có lúc trụ tướng, trụ ngôn thuyết, v.v...

Tôi đã bỏ lỡ nhiều dịp trình hỏi Đức Ngài. Tôi để cuộc sống đời chi phối nhiều quá! Sai phạm này cũng là “điểm kẹt chí tử” của tôi đã được Đức Thầy Từ Minh Đạt dẫn giải, chỉ giáo. Tôi gieo “hạt cay”, tôi hái “quả đắng”. Tôi vui vẻ thọ quả. Điều cần thiết, tôi phải biết dùng “quả đắng” làm phương “dĩ độc trị độc” của “tâm bệnh”. Để tránh những nguyên nhân “dẫn đến chậm tiến tu”, tôi lấy lời dạy của Đức Ngài: “Học Đạo là đánh thức linh hồn, gội rửa phàm tánh, v.v...” hay mọi phương tiện của Đức Thầy nhằm “đánh vào điểm kẹt” cũng là đánh thức cái căn linh giác bị bỏ quên bao đời, bao kiếp, làm lễ sống.

Xuất phát từ tâm thành, tôi khởi đi từ đầu! Khó đấy, dĩ nhiên, như tôi đã trình bày: Cái vọng thức cực kỳ vi tế, tiềm tàng trong tâm thức, chỉ cần một thoáng chấp trước là nó nổi lên. Hành giả gặp nhiều tạp niệm là thế! Tôi cần tỉnh thức, nhìn thẳng vào sự thật, vào mình, thành thật với chính mình, không viện bất luận lý do nào để bao biện.

Trăm công nghìn việc thường vướng phải ở cái bản ngã, cái Ta Giả Tạo, là lực cản mãnh liệt nhất. Nó được bảo vệ bằng bức tường thép vững chắc. Chính nó làm thui chột cái “Chân Thật Phật Tánh vốn có nơi ta”. Nó chỉ biết tự tư, tự lợi, tự cao, tự đại, suốt nguồn thương yêu vô ngã ngày một cạn kiệt. Hãy nương theo ngã tướng “mà chẳng nương theo ngã tướng” (trụ, vô sở trụ) mới phá bức tường thép, diệt cái ngã Vô Minh. Cứ đối cảnh vô tâm, tâm không dao động trước tất cả cảnh thuận nghịch, bởi cảnh thuận nghịch gì cũng là phương tiện đánh thức “căn linh giác” của người tu.

Thí dụ: Nương theo phàm ngã – mượn cảnh đời thể nghiệm an nhiên tự tại!

Các bạn cũng như tôi, mang thân xác phàm, sống như người phàm tục với những thất tình, lục dục, nhất là “tham sân si ái” trong nội tâm cùng với “danh lợi tiền tình” trong cuộc đời.

Ngày nay, được Đức Ngài mở bày cho thấy “tham sân si ái là vọng”, “danh lợi tiền tình là giả”. Bôn phận chúng ta là đem lời dạy vào cuộc đời: Dùng hoàn cảnh sống – dùng môi trường sinh hoạt thường ngày, hiện diện cùng danh lợi tiền tình nơi thế sự, làm phương tiện để thấy vọng tham sân si ái hiện lên nơi tâm ý mà lìa bỏ. Lìa bỏ cho đến nơi tâm an nhiên tự tại trước mọi hoàn cảnh môi trường sống. Đây là một phương diện mượn cảnh đời làm đối pháp thể nghiệm an nhiên tự tại. Tức, nương theo phàm ngã mà lìa bỏ dần phàm ngã chỉ phối trong mọi sinh hoạt, hiện diện cùng cảnh đời thuận nghịch trong sinh hoạt làm phương tiện đối chứng cho an nhiên tự tại. Yếu quyết thấy Tánh là an nhiên tự tại!

53. Lời dạy của bậc Thánh Nhân:

Đức Khổng Phu Tử nói: “Lục thập nhị nhi thuận” (Đến tuổi 60, tai vẫn nghe mà không còn phân biệt nữa). Thiện ác, hay dở, khen chê, giỏi dốt, hiền ngu, v.v... đều hư dối cả, ma nghiệp không còn là oan gia sanh tử nữa. Theo tháng năm, công phu thiền định không gián đoạn, lập hạnh bồi đức theo Bát Chánh Hạnh – Bồ Tát Hạnh với phương châm: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tất tịnh kỳ ý”. Ý tịnh do tâm toàn, hành động luôn đúng với Đạo Pháp, với Đạo thể gian.

Đức Khổng Phu Tử nói: “Thất thập nhị tông tâm sở dục, bất du cử”. (Đến 70 tuổi, muốn làm gì đều tuân theo ông vua tâm mà vẫn không ra ngoài Thiên Đạo và Nhân Đạo). Cái phàm ngã được thanh lọc, cái tín tâm, tín lực, cái lý trí hành hợp nhất đồng bộ tiến công phá tan lũy thép để cái “chơn ngã” xuất hiện; đập bể cái núi đá bao bọc để viên ngọc Điện Linh Quang của Thượng Đế hiển lộ.

Sau hết, pháp hữu chúng ta luôn cảnh tỉnh theo lời Đức Phật Thầy dạy:

“Người muốn luyện Tánh phải cho lặng lẽ, tự nhiên, chẳng biết, chẳng hay, không người không mình. Tuy ngồi chứ không hiểu là người ngồi tại đâu, cứ lo chăm nom chủ nhân ông mà thôi, làm như vậy đặt vào Chánh Pháp”.

“Pháp do tâm khởi, tâm không động là pháp không có chỗ nương, tâm sẽ thư thái an trụ, quang minh, ngoại vật chẳng loạn, chẳng lưu ở tâm”.

“Khi nào tai ta vẫn nghe, mắt ta vẫn thấy, nhưng tâm ta vẫn đứng đứng không vương víu, bận bịu vào cái thấy, cái nghe ấy. Ta vẫn làm việc thật nhiều nhưng không thấy mình làm cái gì cả. Đây mới đúng là Pháp Tối Thượng Vô Thừa!”

Khi nào không còn gì gọi là không thấy mà nói ra là phải thấy, có nghĩa là không còn vàng nào để nói nữa, lúc ấy, ta mới đạt được rốt ráo bốn chữ “Tối Thượng Vô Thừa”.

“Nghĩ đến quả vị là tâm ý của phàm phu, mà không nghĩ đến quả vị là tâm ý của Như Lai”.

“Nếu ở trong cái Tự Giác Thánh Trí mà còn khởi chấp Có, Không thì cái trược Ngã, Nhân, Chúng Sanh, Thọ Giả lại hiện ra. Đó là chướng ngại!”

ĐƯỜNG VÀO CHƠN PHÁP!

Nói về chơn pháp là nói về chơn đạo, các bậc tiền nhân đem chơn lý dùng phương tiện thích nghi đưa đường dẫn lối cho nhân sinh đi đến giải thoát. Giáo pháp cần phải học hỏi và thực hành tự nơi bản thân được chứng ngộ. Được pháp mà không ý thức tu sửa cũng như người có được giống hoa quý mà không biết cách chăm sóc thì cây hoa ấy sẽ trở thành tâm thường.

Nói đến tu là nói về gội rửa và thanh lọc về tư tưởng cũng như hành động. Chính mình làm cho mình trong sạch và cũng chính tự mình làm cho mình hoen ố. Người tu phải khép mình vào Hạnh Giới Luật, lấy Bát Chánh làm Tông, Từ Bi Hỉ Xả làm Bản, đi lần vào cứu cánh Giải Thoát.

Đời sống như một dòng nước chảy xuôi! Ngày nào ta còn trôi theo dòng nước thì chưa thấy được bến, chưa lên được bờ. Tu không bắt buộc phải làm thế này hay thế nọ mà ta nên ý thức lấy chơn tâm thiện ý mà hành, mở lòng quảng đại, vị tha, lấy lễ nghĩa đức hạnh mà hành sử với đời. Có lễ nghĩa và đức hạnh là ta có được căn bản! Từ đó, ta nhân rộng tâm ta đi vào đức Từ Bi Hỉ Xả. Người có đạo hạnh là người biết tri thức (Tâm lành - ý lành - lời nói lành và làm lành) chuyển tâm người tu đi vào con đường chơn thiện mỹ.

Tu cần sáng suốt để thấy được đâu là thiện ác, chánh tà, đời đạo, đúng sai. Xem kinh, đọc bài giảng nên tầm lý. Có thấy được lý mới hành được tâm pháp! Cần phải có tâm hòa đồng, dịu dặt với nhau từng bước đường hành. Nên nói lên với thành ý để cùng hiểu, cùng hành để cùng được tinh tấn. Phần nhiều chỉ lập lại theo văn tự, chứ thật ít người được thực chứng nơi tâm. Chẳng hạn như Quán Tâm Pháp, lìa tâm ý và ý thức: Vậy ta quán là quán thể nào? Lìa tâm ý ra sao? Để thấy được và hành được đó mới là điều quan trọng!

Trong giáo trình tu học, Thầy có dạy câu: “Tâm Toàn - Ý Tịnh - Hành Động Đúng!” Nếu ta ý thức được câu trên ta sẽ được an tường...! Người tu nên mở lòng quảng đại lấy Đức Từ đi vào Tâm Đại Bi!

Một hình ảnh đẹp về người tu khi ta cảm hóa được người đời... trở về con đường thuần lương hướng thượng, đem đến sự an vui cho người chung quanh và xã hội. Sự khiêm nhường và lễ độ là đức hạnh người tu. Tâm chân thật là người tri giác! Tu cần phải khắc phục tâm mình! Là người phàm, chúng ta không thể nhìn đúng hết về người khác, mà chỉ nhìn và nói theo quan niệm riêng đó là điều mà người tu học nên tránh kéo sai lầm làm mất đi thiện cảm. Bờ giải thoát chúng ta có được đến hay không do ta hành sử và kiếp nhân sinh được chấm dứt khi ta thành người thức ngộ. Nay ta quyết lòng tu sửa, cố gội rửa thân tâm cho trong sạch hầu trở về quê xưa chôn cũ bên Đấng Cha Lành, nơi mà không còn nghe tiếng oán than - thù hận - buồn phiền, nơi mà chỉ có sự hoan hỷ an lạc miên trường.

Xin chân thành kính chúc chư thiện hữu thân tâm thường lạc đồng tu chứng!

Từ Thiện Khanh.

TU LÀ CHUYỀN.

Con cúi đầu đánh lễ các chư vị Phật, các chư vị Bè Trên và thành tâm tạ ơn Đức Ngải, các thầy đã dẫn dắt con trên đường Đạo, từ bi ân xá cho con về những thiếu sót khi viết lại những gì con đã cảm nhận với hy vọng góp phần nào lợi ích cho Đạo Pháp.

Con kính nguyện Ôn Trên Từ Bi gia hộ cho con và gia đình cùng tất cả chúng sanh đều được vạn sự an lành, thức tâm tu học.

Các đây hơn 10 năm, do nhân duyên tìm thầy trị bệnh, tôi được gặp Đức Ngải và các thầy Từ Chánh Tín, Từ Tri Hành, Từ Thiện Phúc hướng dẫn học Vô Vi Quy Nguyên Pháp. Gia đình tôi đông anh em và ai nấy đều biết tin tưởng Trời Phật. Cha Mẹ luôn dạy chúng tôi phải làm lành. Bản thân tôi thích tu và thích học hỏi những gì mình không biết.

I. Lời dạy của Sư Huynh:

Một hôm, tôi đã đánh liều bạch với **Sư Huynh**: “Kính thưa Thầy, người ta thường nói phước huệ song tu, vậy thí dụ, con nghiệp nặng, cái nghiệp nó khảo đảo thì làm sao con tu hành được?”

Sư Huynh đáp: “Trước tiên, mình làm sao biết được nghiệp nặng hay nhẹ. Mình đâu có thần nhãn mà thấu suốt tất cả, chỉ bằng mình cứ hành động đi, tức mình tu tập sửa đổi đi, cũng như rót nước vào ly nước, tới một lúc nào ly nước tràn cũng như những hành động tu tập đã đơm bông kết trái. Khi đó mới biết nghiệp phước trần duyên. Nhưng khi mình bắt đầu tu tập thì mọi nghiệp chướng, bệnh tật đều được tiêu trừ, dừng lại và ngừng hoành hành rồi.”

Đến nay, tôi luôn ghi nhớ lời dạy này!

II. Tập theo lời dạy: Minh cứ hành động đi - Minh tu tập sửa đổi đi!

A. Tập sửa đổi thân tâm từ điểm căn bản là thân - khẩu - ý:

Từ buổi bạch Sư Huynh ngày trước, đến nay, tôi ít đặt nặng việc đi chùa và tụng kinh mà chủ yếu là tập 3 nghiệp thân - khẩu - ý thiện:

Ngày xưa ăn mặn, nay ăn chay trường là chuyển nghiệp sát.

Ngày xưa bạn bè nói nặng lời mình không nhin, nay nhỏ nhẹ giải thích hoặc im lặng là chuyển nghiệp xấu của lời nói.

Khi khởi ý xấu về tha nhân, tôi liền hổ thẹn dùng ý không nghĩ là chuyển nghiệp xấu của ý.

Lúc đi đường biết nhường lối cho người già yếu, phụ tay xách nặng cho người.

Khi đi làm thì đúng giờ, chăm chỉ, khiêm nhượng với đồng nghiệp, thành thật với bạn bè.

Chúng ta đều có thể tập trong mọi hoàn cảnh bằng cách kiểm soát từ cái căn bản là việc làm, lời nói và ý nghĩ. Tập dần thân - khẩu - ý thiện! Quan trọng là phải có cái Dũng để hành sử, mở rộng tâm thông cảm tha nhân và tâm thương người để sống hòa hợp với mọi người.

B. Làm tròn bổn phận trong vị thế:

Trong cuộc sống hàng ngày cố gắng làm tròn bổn phận của mình, đem lại an vui cho mình và cho người thì hạnh phúc sẽ đến một cách cụ thể như:

Làm tròn bốn phận cha mẹ đối với các con, biết tánh ý lỗi lầm của con mà từ tốn khuyên bảo cho phù hợp với đạo lý.

Làm tròn bốn phận người vợ và giúp đỡ chia sẻ với chồng trong mọi hoàn cảnh, nên gia đình đầm ấm.

Phận làm con biết thương yêu hiếu dưỡng cha mẹ, nhất là vào lúc cha mẹ tuổi già, như chăm lo việc ăn mặc, ăn uống, thuốc men khi bệnh, an ủi tạo niềm vui cho cha mẹ.

C. Bước chuyển Tâm:

Với việc làm bình thường, việc thiện nhỏ nhỏ hàng ngày, tôi tự thấy nhưng tham - sân - si ra đi dần, tâm trí sáng suốt hơn và mình được giải thoát phần nào những gút mắc của thân tâm.

Biết an phận trước hậu quả của nghiệp mà mình đã tạo ra.

Biết bình thản trước nghịch cảnh, trước mọi biến động từ cuộc sống.

Biết sống đủ.

Biết mở rộng tâm vì than nhân, thương yêu giúp đỡ gia đình và người xung quanh khi gặp khó khăn.

Biết nhẫn nhục trước mọi hoàn cảnh.

Biết học hỏi để tiến hóa.

Biết kiểm tâm, không thôi chí với khó khăn hay thử thách.

Từ đây, tôi nhận biết sự sửa đổi, việc chuyển hóa nghiệp nằm vào thân tâm cùng môi trường sống hiện hữu và mình cứ hành động đi, tu sửa đi, cũng như rót nước vào ly tới một lúc sẽ tràn đầy. Đây là con đường mà Sư Huynh đã mở ra. ĐỜI TRÒN - ĐẠO HIỆN!

III. Vài cảm nhận về nghiệp:

Trải qua thời gian tu tập theo lời dạy của Sư Huynh, tôi cảm nhận:

Nghiệp là do việc làm của chính mình, mình là chủ tạo nên nhân và nhận hưởng quả. Nếu tập làm việc thiện thì thiện tâm mở ra. Nếu tập làm việc xấu thì con đường xấu chờ đón. Khi chết đi, tất cả đều bỏ lại, chỉ có nghiệp lành hay nghiệp dữ đi theo và ta nhận hưởng.

Tác động của thân - khẩu - ý hình thành nên nghiệp. Muốn chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, trước phải tập thân - khẩu - ý thiện. Muốn dứt nghiệp chướng khảo đảo, trước phải ngăn nghiệp chướng phát sanh từ thân - khẩu - ý.

Nghiệp do ý sanh (tác ý thành nghiệp). ý thì đâu có thật, chỉ là những niệm phân biệt, chợt hiện, chợt mất. Cho nên, khi không còn chạy theo ý thì dừng nghiệp ý. Ý là chủ sinh ra ngôn từ và hành vi. Nghiệp ý dừng thì tác nghiệp thân và khẩu dứt.

Tất cả những gì tôi thiếu và làm được đều nhờ Ôn Trên hộ độ và ơn các thầy đã hương dẫn trên bước đường tu học, nhờ ơn cha mẹ nuôi dưỡng dạy dỗ mới nên người, ơn chồng tôi thông hiểu giúp tôi thực hành theo phương tiện và điều kiện hiện có.

Với niềm tin sống tinh thức, lại được tiếp xúc với những gì mẫu nhiệm nơi bản thân và chung quanh tập theo lời Phật dạy, nên tôi sống trong an lạc, gia đình hòa vui và hạnh phúc.

Huỳnh Thị Bích Vân.

Đến Với Pháp Đạo!

Từ Thiện Tâm Tịnh.

Không phải mọi người Thọ Pháp đều là người cầu Đạo!

Đức Thầy đã từng dạy, thông thường mọi người đến với Pháp Đạo là qua 14 nguyên nhân như: Bệnh tật, tai nạn, lo lắng cho cuộc đời, gia đạo bất ổn, tình duyên lũng củng, để thân nhân quá vắng được siêu thoát, nghe theo lời người giới thiệu, tò mò, để thấy rằng mình có tu, mong cầu thần thông, tìm sự ổn định trong tinh thần, đạt được kết quả qua thiền, do các phần lực chuyển đến và để tìm sự giải thoát cho bản thân và gia đình.

Chính vì vậy, theo tôi, không phải bất cứ người nào khi Thọ Pháp là đều để cầu đạo. Như trong trường hợp của tôi, bước đầu tìm đến với Pháp Đạo chỉ để đi tìm ổn định về tinh thần và để xin được trị bệnh. Tiếp đó, thông qua các bài giảng của Đức Ngài - Đức Thầy, qua đạo đức - lối sống của Đức Thầy và của Anh Chị Huỳnh Trưởng trực tiếp chỉ dạy, qua các buổi họp đạo và quan trọng nhất là từ chính những kết quả chứng nghiệm trong cuộc sống đời của tôi do sự cố gắng tu sửa sau khi áp dụng những lời giảng dạy của Đức Thầy, của Anh Chị Huỳnh Trưởng; tôi mới dần dần nhận được rằng: Với tôi, Vô Vi Quy Nguyên là con đường cho tôi, gia đình và những người xung quanh tôi có cơ hội để được tu học thành quả.

Để được học trực tiếp với Đức Ngài và Đức Thầy:

Vào cuối năm 1990, trong đợt thanh - kiểm tra một công ty, tôi được công tác chung với Anh NVL. Giữa gần 20 người là thành viên, ngay từ đầu tôi đã để ý và quý trọng Anh vì phong thái điềm đạm từ tốn khác những người khác và nhất là vì, cứ đúng 04 giờ chiều là Anh xin về, mà sau này tôi biết là để cùng vợ Anh được đi nghe Thầy giảng đạo. “Trọng đạo” được Anh đặt lên hàng đầu!

Vào ngày công bố kết quả thanh tra được tổ chức tại cơ quan tôi, Anh cho biết có Thầy của Anh dự họp. Không hề biết mặt, cũng không được anh tả hình dáng, vậy mà giữa gần 40 người, không hiểu sao tôi vẫn nhận ra được Thầy - Đức Ngài. Tôi đã lễ phép mời Thầy dùng thêm ly nước trà nóng (vì em thấy Anh NVL. ít dùng nước đá). Về sau, Anh bảo Thầy nói có gặp đệ tử của Chú L. tại cuộc họp, mặc dù lúc ấy tôi chưa được là đệ tử của Anh Chị.

Trong thời gian khá dài sau đó, Anh vẫn kiên trì khuyên tôi ngồi thiền để trị bệnh, khuyên tôi bước vào đạo pháp. Mãi đến tháng 03 năm 1997, tôi mới bắt đầu ngồi thiền, trở thành đệ tử của Anh L. - Chị G. và được bước vào Vô Vi Quy Nguyên Pháp. Thế nhưng, cơ hội, mà lẽ ra tôi có được từ ngay trong những năm 1990 đến 1996, là được học hỏi trực tiếp với Đức Ngài của tôi đã không còn. Lý do, theo tôi nghĩ, là vì trong hơn sáu năm trước đó, tôi đã không có được cái Tâm Cầu Đạo. Đến khi được học hỏi trực tiếp với Đức Thầy Hậu Thân, tôi lại không biết tận dụng thời gian đó để trau dồi cho mình, tôi tự thấy mình còn thiếu cái dũng không dám trình bày những vướng mắc trong cuộc sống Đời - Đạo để được Đức Thầy giải đáp; để rồi Đức Thầy trở về Hoa Kỳ và tôi cũng chưa có cơ hội được học hỏi trực tiếp thực sự với Đức Thầy.

Từ đó, kính trình Đức Thầy: Theo tôi, Pháp Vô Vi Quy Nguyên ai cũng có thể hành được, ai cũng có thể học được. Nhưng để được học trực tiếp với Đức Ngài và Đức Thầy Hậu Thân cần phải có những điều kiện sau đây:

- Trước hết, người ấy phải thật sự có Tâm **CẦU ĐẠO**;
- Việc có được học hỏi trực tiếp với Đức Ngài hay Đức Thầy Hậu Thân là tùy duyên của mỗi người;
- Phải có cái dũng, dám hỏi những vướng mắc của mình để có được chỉ dạy khi có dịp học hỏi trực tiếp với Đức Thầy;
- Phải có **THÀNH TÂM** và **Ý CHÍ** bền vững đem hết khả năng thực hành những gì Đức Ngài và Đức Thầy chỉ dạy. Đó cũng là đức hạnh của người học đạo.

CÁI HẠNH CHÂN THẬT LÀ TỰ TÂM MỞ RỘNG RA!

Trong buổi sinh hoạt đạo vào ngày 21 tháng 12 năm 2002, tại Đại Hùng Linh Điện, nhân trường hợp một vài vị tâm còn chấp vào vật chất – còn đi theo hình tướng của người đời, Đức Thầy ban lời dạy chung cho các vị pháp hữu. Chúng tôi xin phép cùng các vị pháp hữu ghi lại tôn ý Đức Thầy ban dạy với khả năng nhận hiểu được. Và, kính Đức Thầy từ bi ân xá chỉ dạy những thiếu sót do chỗ thấy biết có giới hạn của chúng con.

1.Đức Thầy dạy: “Thầy muốn tâm các vị phát ra trước khi người ta cần!”

Trong nhân sanh, trong các vị tu học hay trong các vị pháp hữu, cũng có vị không đồng tư tưởng với mình. Tuy không đồng tư tưởng nhưng họ là người tu thật sự. Trong cuộc sống thường ngày, có lúc họ cũng gặp phải những khó khăn mà hiện tại chưa đủ khả năng tự lực, tự làm lấy, Đức Thầy dạy:

Thầy đến với họ. Mình phải có cái gì thật sự!

Thầy đến vì người cần! Thầy làm vì người cần! Thầy cho vì người cần. Đến vì cái cần – làm vì cái cần – cho vì cái cần, chứ không phải vì người chung quanh.

Thầy muốn tâm các vị phát ra trước khi người ta cần! Làm việc gì lúc nào cũng cần tâm mình phát ra trước, ít nhất là mình có tâm cho.

2.Đức Thầy dạy: “Thầy muốn tâm các vị mở ra không có gì vướng mắc hết!”

Thượng Đế hiện diện ở khắp nơi, không phải xây nơi phụng thờ Thượng Đế mới có Thượng Đế. Phật hiện diện ở khắp nơi, không phải xây tượng đài – xây nơi phụng thờ Phật mới có Phật. Không phải xây Đạo Viện cho lớn, cho đẹp để cho nhiều người đến. Đạo Viện, đây là nơi từ chúng sanh đóng góp. Cuộc đất này là cho chúng sanh. Mình làm việc cho chúng sanh. Thầy sẽ làm cái gì cần thiết trước.

Người ta đến chỗ phụng thờ Thượng Đế – đến chỗ phụng thờ Phật, không phải để thấy Thượng Đế – để thấy Phật. Người ta đến để thấy cái hạnh của người học đạo, cái hạnh của người hành pháp. Người ta đến để thấy chân dung sứ giả của Thượng Đế như thế nào, những con người đại diện hành pháp – những con người hành đạo đứng ngay chỗ đó. Người ta thấy cái hạnh của con người ở đó! Người ta đến vì con người! Người ta đến không phải vì nơi xây dựng lớn và đẹp, mà là cái hạnh thật!

Tạo phương tiện cho người ta tới để thấy cái hạnh của mình. Đây là hình thức. Dùng phương tiện để người ta đến nhưng mình đừng để vì phương tiện đó mà bị lệ thuộc, bị ràng buộc. Dùng phương tiện nhưng đừng để bị phương tiện ràng buộc tâm. Khi làm việc gì, điểm chính là tự tâm phát ra, ít nhất là có tâm cho. Điểm chính là tâm, tâm mình phải mở rộng ra xứng đáng với những gì mình làm. Làm Đạo Viện, là làm phần đời. Làm Đạo Viện, một chỗ mở ra cả thế giới thì làm xứng cho cả thế giới, đồng thời tâm mình phải mở rộng ra tương xứng. Thầy muốn tâm các vị mở rộng ra không có gì vướng mắc hết.

3.Đức Thầy dạy: “Xây dựng phải lấy tâm linh làm chánh!”

Một mặt đi bằng hình tướng, bên cạnh hình tướng là tâm mình luôn luôn mở rộng. Nếu tâm chưa mở rộng, dù làm cho đẹp, có thể người ta đến ào ào, có thể người ta bỏ tiền của đóng góp nhưng người ta đến rồi đi, phui tay đi. Cho nên, cái chánh là con người, là cái hạnh thật. Mình là con người, mình giữ người chứ không giữ của.

Xây dựng phải lấy tâm linh làm chánh. Cốt tủy là tâm linh các vị, đừng chú trọng cái vỏ mà quên đi tâm linh. Tâm các vị cần mở rộng ra. Người ta đến vì con người – vì cái hạnh thật của con người các vị. Người ta đến không vì cái danh – không vì tiếng thơm, mà vì cái hạnh Bồ Tát – cái hạnh Phật mà các vị đang hành! Đó là cái chìa khóa để cả thế giới tới chỗ mình. Cho nên, tâm các vị phải mở ra, mở rộng ra không có gì vướng mắc hết mới xứng đáng xây dựng nơi phụng thờ Thượng Đế – Phật, mới xứng đáng là người hành hạnh Bồ Tát – hành hạnh Phật vì chúng sanh và cho chúng sanh. Để sau này, khi mất đi, các vị xứng đáng được ngồi tòa sen!

Ngoài ra, người ta đến không vì món đồ, mà người ta đến vì nét đặc trưng của nó (nét đặc trưng của việc làm – của xây dựng – của công trình kiến tạo...). Thầy làm là tạo phương tiện cho người ta đến để học. Dù là một việc làm bình thường – một xây dựng bình thường, nhưng đều là bài học mà mọi người đến đều có thể học được từ việc làm – từ cách xây dựng – từ công trình đó. Làm được hay không là chuyện sau. Nhưng ít nhất mình phải xứng đáng với từng bước – từng bước!

Cho nên, nói ra danh nghĩa làm cho chúng sanh nhưng cái thực là tâm các vị có cho không? Khi gặp việc, chỉ “một chút thôi” là lòi ra liền. Chuyện tới – việc tới là lòi ra liền mà chính bản thân các vị cũng không kịp suy nghĩ đâu.

4.Bài Học dành cho pháp hữu chúng ta: Mở rộng tâm qua phương tiện dụng tướng!

Việc làm của chúng ta là việc làm vì chúng sanh và cho chúng sanh. Cho nên, điểm chính là tâm mình phải mở rộng xứng đáng với việc làm vì chúng sanh và cho chúng sanh. Đó là tâm hạnh của người hành pháp mở rộng đến với tất cả chúng sanh.

Các công trình xây dựng từ sự đóng góp của chúng sanh mà có. Chúng ta đón nhận từ chúng sanh và làm cho chúng sanh, cho nên mọi việc làm đều phải “có thủy có chung”(Lời Đức Thầy). Đó cũng là phương tiện dụng để đánh thức tâm linh mở ra, không những cho chính mình mà còn cho chúng sanh nữa, không những cho hiện tại mà còn cho mãi mãi về sau nữa. Bằng các việc làm, bằng các công trình, là phương tiện hình thức, chúng ta thấy được hình thức là phương tiện dụng tướng khai tâm mở rộng ra. Có đối diện các sự việc hay các phương tiện hình thức này mới có cơ hội nhìn lại, nhận diện tâm tánh mình rộng mở hay chưa. Đó là phương tiện dụng tướng khai tâm mà Đức Thầy mở ra cho tất cả các pháp hữu.

Học lời giảng dạy của Đức Thầy chúng ta mới thấy ra được một phần nào việc xây dựng Đạo Viện là bài học, là bài thi, là bài thử thách chung cho tất cả các pháp hữu Vô Vi Quy Nguyên.

TCQN. ghi lại.

LÀM VIỆC GÌ PHẢI CẨN THẬN!

Ngày Đại Lễ Đức Ngài Hối Vị ngày 28 tháng 12 năm 2002, một vị pháp hữu đã thọ nhận Bửu Châu Bảo Pháp và vài ngày sau đã bị thâm hồi trong vô vi do một vài việc làm “không đúng”. Trong buổi sinh hoạt đạo ngày 04.01.2003 tại ĐHLĐ, ban lời dạy chung cho tất cả các vị pháp hữu. TCQN. xin phép cùng các vị pháp hữu ghi lại tôn ý Đức Thầy dạy với khả năng nhận hiểu được. Kính Đức Thầy từ bi ân xá chỉ dạy cho những thiếu sót của chúng con khi ghi lại bài này:

1. Đức Thầy dạy: “Làm việc gì phải cẩn thận!”.

Các vị được ban Bửu Châu Bảo Pháp, Hồng Ân Bảo Pháp trở lên đều được phép cầm Ấn Lệnh khi làm việc. Các vị được ban Bửu Châu, Hồng Ân bảo Pháp trở lên là các vị đang cầm chìa khóa trong tay.

Các vị đang cầm chìa khóa trong tay, cho nên làm việc gì phải cẩn thận, suy nghĩ kỹ, suy nghĩ đúng rồi làm. Làm mà thấy trục trặc tức là có cái gì đó không ổn, không phải, không đúng, cần đi chậm lại.

Bị trục trặc tức là phía cạnh đang làm, hướng nhìn đang làm, điểm tới đang làm, phương diện hành động để đi đến kết quả việc làm đang có chương ngại (trở lực).

Cần rút lại, tìm hướng đi khác.

Đức Thầy nhắc lại một lần nữa: *Các vị có Bửu Châu, Hồng Ân Bảo Pháp là có chìa khóa trong tay. Có chìa khóa trong tay, cần suy nghĩ kỹ trước khi làm. Làm mà có trục trặc thì nhìn lại, xem lại. Làm mà có trục trặc thì yên lại. Ngồi yên lại! Lắng động lại! Lắng động lại nhìn cho kỹ trước khi làm. Không làm bậy, không giỡn.*

2. Đức Thầy dạy về lý do thâm hồi Bảo Pháp:

Vị pháp hữu đã bị thu hồi Bảo Pháp lần này, trước đây cũng đã một lần bị thâm hồi Thiên Linh Bảo Pháp. Nguyên nhân chính là cách hành động – quan niệm sống trong sinh hoạt mà cũng là bài học về điểm kẹt của vị này. Từ trường hợp của vị này Đức Thầy chỉ ra lý do:

Làm việc, nhiều khi mình không thấy rõ sự việc xảy ra ở mai sau. Như chỉ thấy bề mặt – thấy việc trước mắt, nhưng sau đó là cái gì mình không biết, không biết rõ cái ruột của nó là gì.

Việc làm của các vị là việc làm cho chúng sanh, việc làm có ảnh hưởng đến nhiều người. Cho nên, thấy sai, làm sai sẽ bị thâm hồi Bảo Pháp.

Bên cạnh thấy sai, làm sai, Đức Thầy cũng đã nhắc nhở các vị cầm Ấn Lệnh khi làm việc: *Vì tình riêng, cứ phát Lệnh bậy, phát lệnh không đúng, tất nhiên sẽ bị thâm hồi, không có hiệu nghiệm.*

3. Đức Thầy dạy về sự thọ nhận Bảo Pháp của đệ tử Từ Tôn:

Các Chư Vị trong vô vi: Thọ nhận Bửu Châu, Hồng Ân Bảo Pháp là Đại Tiên. Thường thì trong vô vi khó nhận lắm. Còn người phạm như pháp hữu chúng ta thọ nhận Bửu Châu, Hồng Ân Bảo Pháp là Trung Thiên.

Các Chư Vị trong vô vị: Thọ nhận Kim Cang Bảo Pháp là hàng Bồ Tát hay các vị Đại Tiên hành Hạnh Bồ Tát.

Người đời nay thọ nhận Bửu Châu Bảo Pháp – Hồng Ân Bảo Pháp – Kim Cang Bảo Pháp... là do dòng điện của Ôn Trên ban để cứu vớt chúng sanh. Thí dụ như: Một Kim Cang Bảo Pháp ban cho một vị là cả gia đình người ta hưởng theo. Hưởng theo là "núp bóng" để được ân điển ra khỏi cuộc sàng sảy.

4. Đức Thầy dạy về bài học của mỗi vị pháp hữu:

Hầu hết các vị được ban Bảo Pháp như Bửu Châu, Hồng Ân, Kim Cang v.v... đều có phẩm hạnh chưa xứng đáng với Bảo Pháp được ban. Thật ra, nếu ban đúng theo Bảo Pháp thì chưa có ai đủ đức hạnh để thọ nhận nhưng Đức Thầy nương vào một vài công hạnh điểm của các vị mà ân điển ban Bảo Pháp làm phương tiện trợ lực để làm việc. Các vị được ban Bửu Châu, Hồng Ân Bảo Pháp là một đặc ân cho các vị có phương tiện làm việc, có phương tiện lập hạnh vun bồi công đức.

Trong khi làm việc, cần nhớ là mỗi vị đều có bài học riêng. Bài học đó cứ đi tới đi lui, tái diễn theo luân hồi, cho tới khi làm tròn đầy mới thấy ra hết bài học của mình. Bài học tái diễn cũng là nghiệp lực tái diễn theo luân hồi mà mình phải học. Cho nên, người tu học phải hiểu nghiệp lực tái diễn theo luân hồi của mình, phải hiểu nhân quả của mình. Khi làm việc, là một cách tiếp nhận dòng nghiệp lực tái diễn để học ra, tự gỡ lấy.

5. Đức Thầy dạy về cầu nguyện khi làm việc:

Trong các vị pháp hữu được thọ nhận Bửu Châu Bảo Pháp vào ngày Đại Lễ Đức Ngai Hội Vị, có một vị trong một tiền kiếp là người Anh, hiện kiếp là người Hoa Kỳ, hướng nhìn, hướng thấy biết, hướng sống có phần nặng về vật chất. Vị đến với pháp đạo, đã được Đức Thầy ân điển Thiên Linh Bảo Pháp và nay là Bửu Châu Bảo Pháp:

Trong làm việc vị rất sốt sắng. Trong việc làm mặc dầu có cầu nguyện xin Ôn Trên hộ trì nhưng thật ra trong lòng không có Thiêng Liêng.

Vị đang làm việc cho pháp đạo! Thật ra, đó là hình thức trả nợ mà trong tiền kiếp đã hứa nhưng chưa làm được. Tuy là trả nợ nhưng qua quá trình làm việc mình uốn nắn – từng bước uốn nắn cho người ta.

Từ trường hợp của vị này, Đức Thầy dạy thêm: *Trong thực tế, một số người ngoại quốc (như người Mỹ chẳng hạn... thọ nhận Bảo Pháp và bước vào làm việc, cái cách làm việc của các vị có phần chủ quan. Thầy khuyên thêm các vị khi làm việc: "Cầu nguyện xin Ôn Trên hộ trì!" Có cầu nguyện xin Ôn Trên hộ trì, nếu sau này làm sai cũng không đến nỗi bị thấu hồi Bảo Pháp. Cầu nguyện xin Ôn Trên hộ trì là một cách hạ bản ngã xuống. Về phần đời, hạ mình xuống là người biết nghe người ta, để nhận để học hỏi.*

6. Đức Thầy dạy hiểu người để hướng dẫn người: "Chỉ ra cho tròn đầy!"

Khi làm việc, việc làm của mình ảnh hưởng đến nhiều người, ảnh hưởng đến sinh hoạt xã hội. Cho nên, người tu học không những phải hiểu nhân quả của mình, mà còn phải hiểu nhân quả của nhân sanh – phải hiểu nhân quả của người đời. Hiểu để khi người ta đến với mình, là người hướng dẫn, phải hiểu nghiệp lực tái diễn theo luân hồi của người mà "chỉ ra cho tròn đầy".

Thí dụ 1: *Người ta đến học, mình đón nhận đều như nhau. Tuy đón nhận đều như nhau nhưng chỉ theo phía cạnh của từng người. (mỗi người đều có bài học riêng mà!). Chỉ ra cho người ta thấy đúng, cho người ta đi đúng theo phía cạnh của người ta. Còn việc lựa chọn và đi hay không là do người ta.*

Thí dụ 2: *Một vị làm chính trị đến với pháp đạo, Thầy đứng vào vị trí của vị này mà chỉ ra, như chỉ ra chỗ trật – chỗ không đúng, chẳng hạn. Thầy không chỉ phải lựa chọn như thế nào. Lựa chọn là của vị này, là việc của vị này, có ảnh hưởng đến đất nước của vị này, mình không xen vào – không xía vào.*

7. Đức Thầy dạy đừng nhầm lẫn pháp đạo và chính trị!

Giả dụ như người đến với pháp đạo là một vị tổng thống. Lãnh địa của tổng thống là phạm vi của quốc gia, cụ thể, rõ ràng, có giới hạn. Trong khi đó, lãnh địa của pháp đạo là tâm linh của con người, không có giới hạn. Hai lãnh địa khác nhau!

Qua cách làm việc, cách hành đạo, không để cho người ta hiểu lầm. Vì sao? Một vị tổng thống có thể đến pháp đạo học, chúng ta chỉ ra cho tròn đầy về bài học theo phía cạnh của vị này, còn lựa chọn đi hay không là hoàn toàn do vị. Nhưng chúng ta không đến dinh tổng thống, nhất là không được dựa vào thế lực chính trị của tổng thống.

Trong thực tế, tuy là hai lãnh địa khác nhau nhưng pháp đạo dễ ảnh hưởng đến chính trị. Ngược lại, mình không dễ bị ảnh hưởng vì nó.

Ngoài ra, với các vị pháp hữu hiện diện khắp nơi trên thế giới: Sống tại quốc gia nào, các vị có bổn phận làm nghĩa vụ công dân theo luật pháp của các quốc đó. Cho nên, khi sử dụng lá phiếu, Đức Thầy nhắc nhở:

Một lá phiếu của mình không có ý nghĩa gì hết, nhưng mình làm cho tròn – cho đúng. Dùng dùng lá phiếu làm phương tiện gây ảnh hưởng đến sinh hoạt đất nước họ.

8. Vấn tắt:

Trước khi kết thúc buổi giảng hôm nay, Đức Thầy nhắc nhở pháp hữu chúng ta ba điểm chính:

Cái cách của Thầy là chỉ ra cho người ta đi đúng. Còn lựa chọn, đi hay không là do người ta.

Các vị có Hồng Ân, Bửu Châu trở lên là các vị đang cầm chìa khóa trong tay, cho nên làm việc gì phải cẩn thận.

Sau hết, các vị tu tập thiền. Thiền giúp vượt qua nhiều việc, trí sáng hơn và có đủ năng lực đối diện với việc làm.

TCQN ghi lại.

Vài khái niệm cơ bản về TÁC PHONG ĐẠO ĐỨC

Nam Mô A Di Đà Phật.

Con xin kính trình lên Đức Minh Sư Tôn Kính một số ý thô thiển của con về “Tác Phong Đạo Đức” của con người.

Hiểu biết có hạn, kiến thức nông cạn, con thấy còn nhiều thiếu sót. Con cúi xin Đức Minh Sư Tôn Kính ân xá và ban cho con những tôn ý ngõ hầu làm cơ sở quý báu cho sự rèn luyện tác phong đạo đức của con.

1. Vài hiểu biết cơ bản về tác phong đạo đức:

1.1. Tác phong đạo đức theo một số vị:

Theo Dictionnaire Vietnamien – Chinois – Français của Linh Mục Bugène Gouin: Tác phong là hành động, hành vi, động tác.

Theo “Từ Điển Học Sinh” của NXB Giáo Dục – 1971: Tác phong là cách thức và thái độ riêng của một người trong khi làm việc hoặc đối xử với người khác.

Đạo: Phép tắc cơ bản thông thường cần có giữa người với người. Đức: Tính nết tốt, tư cách tốt hợp với phép tắc đối xử đúng đắn giữa con người với nhau (người có đức).

Theo “Hán Việt Từ Điển” của Nguyễn Quốc Hùng: Đạo đức chỉ chung những điều dựa theo lẽ phải và nết tốt của con người mà ai cũng phải theo để sống có ý nghĩa.

Qua đây, người có tác phong đạo đức là người khi làm việc, khi đối xử với người hay khi hành sử quyền hạn của mình, từ suy nghĩ, ý tưởng, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động ... đều hợp theo phép tắc do xã hội quy định, dựa theo lẽ phải, nết tốt của con người ai cũng phải theo để sống có ý nghĩa.

1.2. Tác phong đạo đức theo lịch sử các dân tộc:

Người có tác phong đạo đức là “con người nhân loại”, con người truyền thống của mỗi dân tộc, sống theo những phép tắc thông thường cần phải có, những nết tốt, tư cách tốt hợp với phép tắc đối xử đúng đắn giữa con người với nhau.

Xét lịch sử các dân tộc đã có một nền văn hóa lâu đời, như:

Ấn Độ, tiêu biểu là Phật Giáo với lòng Từ Bi.

Trung Hoa, tiêu biểu là Nho Giáo với Thiên Lương.

Phương Tây, tiêu biểu là Ki Tô Giáo với lòng Bác Ái.

Truyền thống của dân tộc Việt với lòng Nhân Ái.

Từ Bi, Thiên Lương, Bác Ái, Nhân Ái, ... đều là “Gốc” của Đạo Đức con người. Như thế, ngay từ buổi bình minh của loài người xuất hiện trên hành tinh chúng ta, “mầm đạo đức” vốn sẵn có nơi mỗi người.

Khi “mầm” đó nảy nở thành cây, cành lá sum sê tươi xanh, óng mượt, đơm bông thơm, sanh trái ngọt ...: Con người có đạo đức hay người đạo đức. Trái lại, “mầm đức” bị thui chột, khô héo, tàn úa ...: Không thể thành cây, kết trái, con người vô đạo đức hay người tàn ác, bất nhân.

2. Điều kiện chủ quan và khách quan để thành người có tác phong đạo đức:

Để thành người có tác phong đạo đức, mỗi cá nhân phải biết sửa mình, hướng thiện. Điều này đòi hỏi nhiều công phu, cần có điều kiện chủ quan và khách quan:

2.1.Xét về mặt chủ quan:

Tự thân mỗi người cần trì chí, kiên nhẫn, hàng ngày loại dần thói hư, cái bất thiện trong ta, cũng như ngăn chặn ảnh hưởng xấu chung quanh tác động đến ta, bồi dưỡng những điều tốt đẹp.

“Sửa” và “nuôi” (tu và dưỡng) là hai mặt của vấn đề rèn mình trở thành tốt. Sửa là trừ mà nuôi là cộng. Sửa có tính cách tiêu cực, nuôi có tính cách tích cực. Một bên tiêu trừ cái hư hỏng, một bên bồi bổ cái đẹp lành. Bởi vậy, con người mới làm lành lánh dữ, cũng chính là biện pháp hữu hiệu nhất cho “sửa” và “nuôi” tâm thân.

Thí dụ:

Có thầy xưa tự đặt ra phương cách tu dưỡng tánh tình thật đơn giản: Thầy đổ đồ đen đầy lọ. Cứ qua một ngày thầy kiểm điểm mình bằng thái độ nghiêm khắc, tuyệt đối tự giác. Không ai kiểm tra, đánh giá việc làm của thầy. Chính tấm lòng cầu tiến, cầu thiện, thầy phải thực hiện thật chính xác cách thức mình đề ra. Kiểm, xét mình cẩn thận. Làm được điều lành, điều tốt, thầy lấy ra một hạt đồ đen, bỏ vào lọ hạt đồ trắng. Làm điều sai quấy, bất thiện, thầy bỏ hạt đồ đen vào. Thời gian theo năm tháng trôi qua, ngày kia, thầy thấy lọ gồm toàn đồ trắng.

Công đoạn sửa mình của thầy bước đầu kết quả, “mầm đức” được mảnh đất phì nhiêu, đâm chồi nảy lộc thành cây xanh tươi đẹp.

Dĩ nhiên việc sửa mình, hướng thiện phải đi đôi với nuôi cái tốt để ngày thêm tốt. Nhìn về mình thật cụ thể, thật thành khẩn tạo nên sức mạnh khuyến cáo để tự chế cái xấu và khích lệ sự bồi dưỡng cái tốt. Cánh cửa nhân ái nơi thầy rộng mở, vòng tay yêu thương cũng vươn dài đến mọi người.

2.2.Khía cạnh khách quan:

Khía cạnh khách quan, giáo dục gia đình, hiện trạng xã hội giữ vai trò quan trọng:

Sống trong gia đình, cha mẹ thuận hòa, con cái hiếu kính, anh chị em biết trên kính, dưới nhường, thương yêu nhau, con người có môi trường thuận lợi phát triển “mầm đức”. Trái lại, gia đình thiếu hòa khí, xích mích, con người chịu ảnh hưởng không nhỏ, “mầm đức” khó phát triển.

Một xã hội hòa bình, hữu ái, an lạc ... là điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho ta tiếp nhận sự tốt lành.

3. Cá nhân vẫn là yếu tố quyết định cho tác phong đạo đức:

3.1. Cần biết mình một cách chân thật:

Xét cho cùng, ***cá nhân vẫn là yếu tố quyết định***. Biết mình không dễ, tìm ra thói hư, tật xấu trong ta càng khó hơn. Con người có nhiều tham muốn. Nó che lấp mất cái sáng suốt (trí). Ngạn ngữ có câu: “Máu tham hễ thấy hơi đồng là mê”, hoặc “cái lợi làm con người mờ mắt”. Nền tình cảm, sự ngưỡng mộ, sự chiêm nghiệm ... tất cả đều mời gọi nó hướng ngoại. Nó thường không còn thì giờ, hứng thú trở về mình hay tìm kiếm những điểm đẹp, lành của bản tánh hoặc những động cơ của hành vi. Do đó, biết bao lầm lỗi xảy ra.

Con người mù quáng vì bản năng, tánh khí, vì tự ái, thậm chí họ rất khó khăn hay ít khi nhìn mình một cách sáng suốt, chân thật nữa. Biết mình thật quan trọng cho đời sống luân lý hay đạo đức.

3.2. Về phương diện cá nhân:

Sự hiểu biết này vừa cần thiết vừa quý giá, đặc biệt bởi nó là nền tảng cho phẩm tính con người, là phương tiện tốt để làm tròn phận sự ở đời.

Hiểu mình, biết mình dạy con người sự khiêm tốn, đơn giản, kính trọng bậc trưởng thượng, hòa ái với người đồng lứa và người dưới.

Nó còn cho phép con người tự chuẩn bị để tới đích bằng cách giúp con người nhận ra thiếu sót ngõ hầu đạt được đích đó. Tự biết mình tức là biết cái mình chưa đủ lực để không khoắc lác, không nhút nhát vô ích, không nuôi ảo tưởng, kiên quyết chống tật xấu. Tìm hiểu điều dở, điều xấu, làm phát triển những khuynh hướng tốt. Điều này giúp con người xứng đáng làm tròn phận sự.

3.3. Về phương diện xã hội:

Biết mình rất có lợi cho ta, cho việc giao tế với người khác để tự tìm hiểu. Khi hiểu rõ nhược điểm của mình, con người sẽ không còn khó tính với người khác. Con người hiểu dễ dàng hơn cách suy tư của họ.

Cũng từ đó, con người biết phương tiện nào tốt nhất đưa họ đến an lành, hoàn thiện bản thân và làm điều thiện cho họ vì tâm hồn ta là phản ánh của tất cả tâm hồn hay ít ra cũng ở những nét chung.

*Kính bạch Đức Minh Sư Tôn Kính! Trên đây, con vừa trình bày những điều cơ bản, cốt lõi của người có tác phong đạo đức. Đây là bản chất của tác phong đạo đức. (Bài kế tiếp: Vài thể hiện cụ thể về Tác Phong Đạo Đức). **Từ Tâm Thắng.***

GIÁ TRỊ CỦA NGƯỜI TU.

Không ít người đời, thậm chí có người bước vào đường tu học lâu năm vẫn nhìn lệch và hiểu không đúng về giá trị thật sự của người tu. Họ tin rằng giá trị của người tu nằm ở chiếc áo, Bảo Pháp, xâu chuỗi, niệm Phật, tụng kinh, thuyết pháp, ... Họ sẵn sàng bàn cãi, hơn thua một khi ai xâm phạm hay làm tổn hại đến giá trị của họ.

Giá trị của người tu mà họ nghĩ thường là giá trị vật chất, giá trị được đúc kết bằng tham vọng và chấp ngã.

Thầy Từ Minh Đức dạy tôi: “Giá trị thật sự của người tu là qua sự hành đạo, qua sự cứu độ chúng sanh.” Người tu chân chánh phải có Tâm Độ Lượng, phải có Lòng Vị Tha và phải luôn luôn biết mở rộng những đức tính cao thượng, cao đẹp ở nơi mình. Người tu không cầu danh tiếng, không ham danh, không màn điều lợi của thế nhân. Mình chỉ thấy an vui khi thấy mọi người đều được an vui, mình chỉ thấy an lạc khi thấy tất cả chúng sanh đều hưởng an lạc. Phải hành Hạnh Bỏ Tắt, phải có Tâm Cứu Độ chúng sanh thì mới đúng thật nghĩa của một người tu.

Cõi này là cõi vật chất, bản thể của con người cũng là vật chất. Những gì được cấu tạo bằng vật chất sẽ bị hoại theo thời gian. Cái thân xác, cái bộ não vật chất, một ngày nào còn phải bỏ lại hưởng gì là những thứ khác. Khi chết ta có mang được cái gì theo đâu? Ngay bản thể con người cho là quý nhất còn phải bỏ lại hưởng chi là chiếc áo, quyển Kinh, ... Cái mà ta mang theo được là cái Tâm, cái Chơn Như Phật Tánh. Chỉ có Tâm, chỉ có Chơn Như Phật Tánh mới hòa đồng cùng vũ trụ và về được với Thiên Liêng, cõi Phật. Tất cả chỉ là phương tiện trợ giúp cho người tu học thấy Phật nơi Tâm, Pháp nơi Tánh.

Giá trị thực sự của người tu học là thấy được Bản Tâm Chân Thật của mình! Giá trị của người tu là mình tạo được lợi ích gì cho thế gian? Mình hướng dẫn được bao nhiêu người biết hướng thiện, biết lo tu hành? Bao nhiêu người biết đến Đạo, Ngộ Đạo và Hành Đạo? Bao nhiêu người thấy được Bản Tâm và thấy được giá trị thật sự ngay nơi bản thân mình?

Từ Minh Quý.

Oslo, 05.2003.

ĐỘ SINH LÀ ĐỘ MÌNH.

Tu học! Có vị phát nguyện lớn, như: Tận độ chúng sinh thoát trầm luân bể khổ, muốn hoằng độ và cứu độ chúng sinh khắp các cõi, nơi nào có chúng sinh khổ sẽ đến và cứu vớt. Vừa nghe tưởng là người có chí lớn, làm việc lớn; nhưng trong thực tế không ít vị thường nói suông, nguyện suông:

Tôi quen biết một vị từ nhỏ sống trong gia đình Đạo Đức, mực thước và các thành viên trong gia đình đều biết lo tu hành. Vị thường tâm sự với tôi là muốn tầm Đạo, học Đạo và ước nguyện cứu vớt chúng sinh thoát cảnh khổ đau. Có lần, tôi hỏi vị có muốn tham gia cùng tôi vào một công tác thiện nguyện giúp người, giúp đời không? Vị trả lời là bận việc học và không có thời gian.

Nếu nói đến bận và không có thời gian rảnh thì ai cũng bận và không mấy rảnh rỗi. Ai cũng có công việc riêng. Ai cũng có 24 giờ trong một ngày và 365 ngày theo một vòng quay của trái đất. Nếu phải đợi, phải chờ thì phải đợi chờ đến bao giờ mới gọi là rảnh và dư thời giờ? Đợi đến lúc chết, đến lúc già lụm khụm, bệnh tật hay nằm một chỗ thì cho là rảnh sao? Lúc đó mình làm được điều gì?

Tu hành và làm việc giúp người cần phải đợi chờ? Hy sinh một ít thời gian làm lợi ích cho vài người còn không dám, thì nguyện chi độ hết chúng sinh. Mình chưa thực sự có ý thức, chưa thật sự có ý niệm tự cứu, tự độ và tự giải thoát. Sự tu hành không đơn giản là nguyện suông, đêm ngồi thiền vài tiếng đồng hồ, hàng ngày tụng niệm mấy trang kinh. Nếu đơn giản như vậy sao chúng sinh tu bao đời nay vẫn còn bị vướng vào vòng luân hồi?

Người tu phải có Tâm vì người, vì chúng sinh. Phải biết nghĩ đến cái khổ, cái đau của chúng sinh. Phải biết hướng dẫn và giải thoát chúng sinh ra khỏi cảnh khổ đau. Phải biết hy sinh, mang thân và Tâm mình đem lại điều lợi, điều lành, ánh sáng Chân Lý, ánh sáng Giải Thoát cho chúng sinh. Cứ ôm giữ của riêng, không biết buông xả thì làm sao gọi là người tu học, người độ sinh? Nên nhớ, chúng sinh là hạt giống Bồ Đề cho người tu học gặt hái quả Bồ Đề. Muốn gặt hái quả trái thì phải biết chăm sóc, vun trồng hạt giống. Không biết nhúng tay thực hành vào việc giúp người thì làm sao thành đạt?!

Qua giúp người, Tâm mình mới mở ra; qua độ sinh mới có cơ hội nhìn được mình, thấy điểm kẹt, điểm sai của mình. Điểm sai, điểm kẹt của bản thân phát khởi khi mình Hành Đạo. Tức là khi va chạm với đời, đụng đầu với người hay đứng trước việc khó khăn. Nếu không hành, không làm, không va chạm sự việc thì những cái đó không có dịp bộc phát ra, mình khó mà biết. Bởi vì, điều này không có khởi phát lúc ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật... mà nổi lên khi mình gặp việc, gặp người trong cuộc sống hằng ngày.

Người tu học giúp người ta tự tháo gỡ điểm kẹt, chỉ ra điều quấy, điều sai để tu sửa, tức là tự mình đang tháo gỡ cho mình. Vì sao? Không phải tự dung mình sanh lại đây! Phải có kẹt với người này ở điểm này, kẹt với người kia ở điểm khác, nên người và mình mới gặp nhau nơi đây. Khi hướng dẫn người ta tự tháo gỡ điểm kẹt, tức là người ta đang mở rỗi cho mình. Nói là độ chúng sanh, cứu vớt chúng sanh nhưng thật ra là tự độ mình, tự cứu mình đó.

Đức Thầy Từ Minh Đạt dạy: "Trên đời này không có gì lọt sổ cả. Hôm nay mình cho người này một đồng hay giúp người kia một chuyện đều có nguyên nhân cả. Vì thế đừng làm tưởng là mình đang làm điều tốt, tạo công đức cho mình. Nếu lật sổ điều tra ra thì chẳng lọt một ai đâu. Người tu nói là độ chúng sinh nhưng thật ra là tự mình đang độ mình." Từ Minh Quý.

TU DUY VÀ THỰC QUẢ

Vừa qua đạo pháp chúng ta đã chuyển mình với nhiều sự việc, đời cũng như đạo đâu có gì yên ả hoài hoài mà có lúc phải gặp thế này, có lúc gặp thế khác, người tu học coi đó là bài học đến lúc phải thi .

Để kiểm lại tâm của từng người, trên đường đi có gặp gian truân, sóng gió ta mới thấy lại cái thật thể của mình, có vấp phải hay gặp thử thách là ta được học thêm một bài học mới và một ý chí trưởng thành, trở về với đạo là chúng ta trở về với cách sống của người cao thượng, không kiêu mạn, đồ kỵ, tị hiềm, thù ghét mà ta đi vào con đường của sự vị tha, nhân ái, phải có tinh thần yêu thương, chia sẻ và tha thứ.

Tất cả là thế tục, tất cả là phàm nhân, đã là phàm tục thì không có được sự hoàn mỹ, có lúc cũng vấp phải khuyết điểm, có ý thức được chúng ta sẽ thấy được cái cung cách của người tu hành phải như thế nào ở sự việc. Cái đại đạo không phải của riêng một cá nhân hay một nhóm người, mà đó là bổn phận của người chung chí hướng quay về một mục đích Chân – Thiện – Mỹ, cùng tạo dựng để có được một mô hình hoàn thiện và hoàn mỹ.

Trở về với đạo là trở về cách sống thanh cao lấy lương năng và lương tri cùng nhau lo đắp bồi, xây dựng, cải thiện, bổ sung, sửa đổi để hoàn thành.

Ta phải thấy lại tánh mình để sửa, đó là tự mình tạo lấy phúc duyên cho chính mình. Thấy và đệ tử cùng có bổn phận và trách nhiệm chung lo Đạo Pháp. Tu mà không người khai mở tri kiến thì không thành tựu được công đức. Thầy trò cùng tu, cùng lập hạnh, nếu thấy ở điểm nào chưa hoàn hảo thì có ý kiến sửa sai và chấn chỉnh. Chúng ta không chia rẽ mà coi đó là bổn phận cùng chung gánh vác. Người thức ngộ phải có ý thức dìu dắt và tha thứ để có được sự đoàn kết .

Đạo là vô tranh, vô sở, vô cầu. Nếu còn tranh chấp là không phải chọn chánh. Tiên nhân có câu “trăm năm trồng người”, thời gian qua Đức Ngài ra đi đột ngột, để lại sự hụt hẫng cho hàng đệ tử. Cũng may Đức Ngài chọn được một vị kế truyền, tiếp lãnh trách nhiệm thiêng liêng ấy, Đức Thầy của chúng ta hiện tại tuổi đời còn trẻ mà phải gánh lấy trách nhiệm vô cùng trọng đại. Với ngần ấy năm cũng còn sớm so với trăm năm trồng người, thời gian như vậy làm sao có đủ để hoàn thành? Thế nên chúng ta cùng phụ với Thầy cải thiện, bổ sung những điểm nào chưa hoàn hảo, có ý kiến để Thầy trò cùng chấn chỉnh làm cho vườn hoa Đạo Pháp ngày càng thêm tươi đẹp .

Từ thời Đức Ngài cho đến nay, Pháp ta chưa có Pháp Nghi và Luật Đạo nên cũng có ít nhiều sự việc chưa chuẩn mực. Đức Thầy đã thấy được điểm thiếu đó nên cho ra đời Pháp Nghi và Luật Đạo để mọi việc đi vào kỷ cương, trình tự. Mọi

người đi vào đó mà hành sử, hàng hậu học sau này theo đó mà đi vào nề nếp và qui luật.

Sự tu học lấy phương châm “ thấy tánh” mà tu sửa. Tâm toàn, ý tịnh, hành động đúng là tôn chỉ của Đức Ngài.

Trên hướng cải thiện cuộc sống, ý thức được sự việc là ta đi vào chơn giác. Đó là đạo làm người có đức có nhân. Mỗi người trong xã hội ý thức được cái chơn, cái thiện, cái mỹ thì xã hội được hạnh phúc. Những ai trở về đạo đức đều có chung một chí nguyện, không chỉ lo cho riêng mình mà lo cho cả cộng đồng đại thể. Vui trong cái vui của mọi người và buồn khi thấy người chưa tỏ ngộ được đạo lý thánh hiền. Đạo phát huy được do ở người đệ tử thể hiện được tâm đức. Vì tinh thần pháp đạo, huynh đệ đồng môn hãy cùng Đức Thầy chung lo xây dựng và cải thiện, những sự việc của hôm qua không phải là của hôm nay.

Chúng ta, mỗi người là một bông hoa, chúng ta hãy vun bón cho cành hoa của mình có hương, có sắc, có được thực chất. Cùng đem những cành hoa ấy hợp thành một vườn hoa rực rỡ, tô điểm thêm cho cây “Đại Bi” được sáng ngời cùng Nhật – Nguyệt. Hiện tại không chỉ riêng tôi mà tất cả chư hiền Huỳnh Tĩ đều rất vui khi nhìn thấy Pháp Nghi và Luật Đạo hình thành. Và như vậy từ nay Pháp đạo của ta có kỷ cương, lễ lối, mọi người thật sự đi vào giới luật để tu, tỳ như cái nhà có cửa đóng then cài, không còn nhìn bằng hình thức bên ngoài... người đi vào sẽ được học, tu tự giác và tự thấy. Cái gì mình làm được thì sẽ có được, tu hành được thì đạt được, trồng cây nào thì hưởng quả đó. Dù hiện tại huynh đệ, Thầy trò mỗi người mỗi nơi không gần gũi như lúc Đức Ngài, nhưng cái tinh thần cầu đạo và tu học thì có xa cách gì nhau .

Tôi luôn nguyện cầu cho Pháp đạo của chúng ta và các tôn giáo khác trên toàn cầu luôn là ngọn đuốc sáng soi đường, dẫn dắt nhân sanh về Chân – Thiện - Mỹ và chúng đệ tử từ tôn Tâm Bồ Đề vững chắc, hạnh giác ngộ viên minh đồng tinh tấn trên đường tu học .

Từ Thiện Khanh
18 tháng 11 năm 2003



NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Kính lạy Đức Mẫu Mẹ Sáng Tạo.

Kính lạy Đấng Cha Lành A Di Đà Phật.

Kính lạy Đức Tôn Sư Đại Thừa Liên Hoa Hoá Thân Minh Vương Phật.

Kính lạy Chư Đức Phật, Chư vị Bồ Tát, Các Đấng Giáo Chủ Tam Tòa, Các Bậc cõi Thượng Thiên.

Kính chào Sư Tỷ - Kính chào Quý Pháp Hữu,

Hôm nay Chúa nhật, đầu tháng tám năm hai ngàn, chúng đệ tử Từ Tôn hội họp nơi đây, trong điển quang lành của Chư Phật trong tâm Đại Từ Đại Bi Chư Phật và của Đức Tôn Sư.

Chúng Đệ tử Từ Tôn Từ Minh Quang Từ Thiện Bửu xin nói về TÂM.

Kính xin Sư Tỷ và các huynh tỷ đóng góp ý kiến và chỉ dẫn thêm để cho sự hiểu biết về Tâm được rõ ràng, để chúng ta biết rõ cái nào nên bỏ, cái nào nên lấy để trường dưỡng hạt giống Từ Bi Trí Huệ cho Tâm Bồ Đề của chúng ta đạt thành đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Chữ Tâm có những nghĩa về vật chất và về tinh thần.

Về vật chất, tâm là trái tim, như trong Bồ Tát giới kinh có nói: hễ Bồ Tát nghe tiếng bợn người ác ngoại đạo đem lời gièm pha phá hủy Phật giới, dường như ba trăm mũi giáo đâm vào tim mình.

Trái tim ở chính giữa thân thể, cái chi ở chính giữa sự vật gọi là tâm, trung tâm, trung tâm điểm.

Về tinh thần, tâm thường dịch nôm là lòng, nghĩa là:

1. Lòng dạ, nỗi niềm cảm động như an tâm, loạn tâm, ưu tâm, hỷ tâm.
2. Tâm tướng, tướng trạng của tâm, thanh hoặc trược, cao hoặc thấp những việc nghĩ tưởng trong một tấm lòng.
3. Chí tức là lòng cương quyết: nhứt tâm, chuyên tâm, tâm lực.
4. Ý tức tâm ý, như tham tâm, sân tâm, si tâm, Bồ Đề Tâm.
5. Thức tức tâm thức, như trong bát thức, người ta thường gọi cái thức A lại Da là tâm.
6. Trí, tức trí thức, tâm trí, như phàm tâm, vọng tâm, thánh tâm, Phật tâm, Chơn tâm.
7. Cái linh giác chung của chúng sanh vạn vật, vũ trụ, tức là tâm linh, thần hồn.
8. Căn bản, chỗ phát sanh, chỗ trụ cốt như tâm địa, Tâm Vương.
9. Tánh, tức tâm tánh, như tâm bình, tâm trực.
10. Chỗ bí mật, như tâm sự, tâm truyền, tâm đối với sắc, trần, cảnh thân.

Như vậy, Thức, Ý, Trí, Tánh ... cũng là Tâm. Hội ngộ với sự vật, tâm liền xúc động, ưa thích, toan tính, mưu cầu, gọi là tâm duyên. Ngoài thì lục trần duyên với tâm thức gọi là trần duyên, trong thì lục thức duyên với lục trần, kêu là tâm duyên, do đó muôn pháp, mọi thứ phiền não bèn phát sanh. Tâm là phần chủ động gọi là năng duyên, trần cảnh là phần thụ động tức là sở duyên. Tâm duyên cũng kêu là căn duyên.

Cái tâm thức của ta thì linh diệu, biết cảm giác, có đủ các mối tình, ý, các sở vọng. Cái tâm rất linh hoạt, biến hiện vô ngại. Trong khi nhà đạo tham thiền, người ấy có thể đưa cái tâm linh ấy đến các cảnh giới tùy theo ý muốn của mình.

Chúng ta dâng hương cúng dường Chư Đức Phật, hương ấy gọi là tâm hương, hương của pháp thân có đầy đủ giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Pháp môn thiền định gọi là tâm pháp, pháp giải thoát con người xa áp lực của luân hồi sanh tử, tức sống với tinh thần, không ảnh hưởng giác quan, trở về với bản tánh thiên nhiên tức tánh trời.

Quán tâm pháp. Quán là sự quan sát, xem xét. Tâm pháp có nghĩa giáo pháp truyền thọ từ tâm thầy một cách đặc biệt qua tâm đệ tử. Tất cả các sự vật tức là các pháp đều phân ra làm hai phần: Sắc và Tâm. Sắc pháp là những sự vật có hình chất. Tâm pháp là những sự vật không có hình chất, thuộc về ý thức, do cái tâm liễu định, từ nơi tâm mà khởi ra, tức là những pháp thuộc về tâm ý và tri thức.

Pháp Vô Vi Quy Nguyên là pháp tu tâm, pháp môn Quán Tâm Pháp, do Đức Ngài Pháp Chủ truyền dạy. Đức Ngài đem giáo lý mật ẩn trong tâm Thầy mà truyền ngay cho đệ tử chứ chẳng truyền giáo pháp chép trong kinh điển, cũng chẳng giảng luận dài dòng. Những bài pháp nào Đức Ngài đã thuyết giảng thì đó thuộc sắc pháp không gọi là tâm pháp. Tôi xin trích đọc một đoạn bài pháp của Đức Ngài: "Chính lúc chúng ta thiền để tâm rỗng tuếch không nhớ tưởng bất kỳ cái gì cả, dù tưởng đến Phật cũng không, đó là quán tâm đây. Tâm không có pháp gì cả nên ta thiền cũng không quán bất cứ gì cả, là ta đã hoà đồng với hư không, hòa đồng với Vô Cực tức là cái tâm chơn nguyên duy nhất. Diên Linh Quang của Thượng Đế tức Đức A Di Đà Phật thay vì đi quanh quèo như các pháp khác rốt cuộc cũng phải đến điểm này. Chúng ta đã đi tắt thẳng đến điểm đó nên gọi là "Pháp trực chỉ Chơn Tâm" là pháp "Tối Thượng Vô Thừa".

Các chú có biết tại sao bức tượng Đức Di Lạc có năm chú nhỏ đeo bên ngoài không? Đó là vì khi Đức Ngài đắc được Quán Tâm Pháp thì tâm Đức Ngài rỗng không như hư không, không có chỗ trụ nên lục căn không có chỗ trú ẩn phải nhảy ra bên ngoài. Đức Ngài đắc quả, chúng cũng đắc quả theo.

Sở dĩ Sư Huynh chưa giao chìa khoá cho các chú để các chú hành quán vì Sư Huynh còn đợi cho tâm các chú được rỗng rang mới chỉ được. Chừng nào Sư Huynh thấy trên trán các chú hiện lên cái dấu hiệu rỗng không thì Sư Huynh sẽ chỉ cho các chú mở chìa khoá, chỉ trong chốc lát là đạt ngay. Sư Huynh bảo đảm với các chú là sẽ không có chú nào rớt cả.

Bây giờ các chú đã hiểu rõ pháp rồi thì các chú hãy tự thệ với tâm của mình thọ trì Pháp của Đức Ngài với đức tin vững chắc, không dối dôi, với sự kiên trì và nhẫn nại mới được.

Tâm duyên theo trần cảnh vướng mắc danh lợi tình gọi là phạm tâm. Cái tâm trực giác có thể biết rõ sự và lý, cái tâm suy xét thông đạt mọi lẽ, cái thể, cái tử tánh của tâm hoàn toàn trong sạch, đó là bởi tánh thanh tịnh chơn thật là chơn tâm vậy.

Tâm là Phật.
Tánh là Pháp.

Bất kỳ việc chi dù nhỏ, dù lớn, hữu hình hay vô hình, tốt hay xấu, hữu vi hay vô vi, chơn thật hay hư vọng đều có thể gọi là pháp từ những nguyên tắc những lẽ thường, lý nhỏ cho đến tôn giáo cái luật chung bao gồm vũ trụ, làm một với hư không, cũng gọi là pháp. Song thường thường người ta dùng tiếng pháp để chỉ về Đạo lý của Phật, cái Tánh của Pháp là không, vô ngã.

Tâm là Phật. Cái tâm tánh thiên nhiên của mình vốn tròn lành, cũng như Đức Phật. Nương theo tâm ấy, ắt thành Phật, nên gọi tâm ấy là tâm Phật. Tâm mình với Phật cũng như nhau. Nếu mình quán tưởng, ngó vào tâm mà thấy Phật, thì thành Phật.

Tâm tức Phật.
Phật là diệt độ.
Lý của Phật là diệt.
Dụng của Phật là phổ tế.
Tướng của Phật là giác tha.
Thể của Phật là lợi ích nhơn sanh.

Diệt độ là diệt hết các nhơn quả, diệt cho dứt ngũ ttrước mà giải thoát, không bị sự luân hồi nữa.

Phật đủ ba đức tánh: pháp thân, bát nhã, giải thoát.

Phật vì lòng đại bi không trụ vào Niết Bàn vì có Đại Trí, không trụ nơi sanh tử. Tâm chơn như tức là Phật tánh, cái tánh chơn thật không biến đổi, như nhiên, không thiện, không ác, không sanh, không diệt.

Thầy dạy:

"- Nếu mê tâm: Chánh trí đổi ra vọng tưởng, như như đổi làm danh và tướng.

- Nếu ngộ tâm: vọng tưởng thành ra Chánh trí. Danh và tướng thành ra như như. Các chú cần phải trau dồi nhiều công đức, công hạnh, lời nói phải từ ái và khiêm tốn. Tâm thanh tịnh trong mọi việc lành dữ, đó là cốt yếu nhất của người tu học.

Muốn thành Phật phải hành vào hạnh Bồ Tát, người tu hạnh Bồ Tát phải nắm vững nguyên tắc chính: lấy lợi tha làm tư lợi.

Phẩm hạnh phải nghiêm túc, mỗi lời nói, mỗi cử chỉ, mỗi ý niệm đều phải chính chắn trong sáng, tâm thoi thới vô ngại.

"Tánh là do hành động, trui rèn được tánh là Đạo. Trí phải biết tấn, biết thoái. Danh lợi tình chẳng tưởng, muôn việc trần thế không còn lòng lo, mới định được cái phóng tâm của mình, là an tịnh trong khí huyết. Như vậy mới Định, từ Định sang Tịnh.

Thanh tịnh là chơn tâm.

Tâm chơn chánh, ý thật thà, phải có lòng từ bi nhẫn nhục.

Tham, sân si, hờn giận là lia xa sự chơn thật trong lòng mình.

Trí huệ chơn chánh là ngọn đuốc sáng phá tan màn vô minh để thấu suốt và quán xuyên mọi vật.

Tâm tịnh, tinh thần sáng suốt, phát ra trí lực.

Tâm không tịnh, trí không hòa, lời nói lầm lỗi.

Người có trí có dũng là chỗ rốt ráo của nhân cách.

Nhân đây, Minh Quang và Thiện Bửu xin trình bày chỗ ngộ pháp lý trong câu nói của Đức Tôn Sư đầy lòng từ bi với nhiều ẩn dụ:

"Hiện tại Sư Huynh đem hết sức lực của Thầy đắp từng chặng đường, tạo từng ngôi nhà mát mẻ cho các chú đi và dừng chân khi mỏi mệt. Thân xác Sư Huynh dành cho các chú no lòng để thành đạo quả Bồ Đề." Những bảo pháp Thầy ban, Pháp thiền và Pháp lý Thầy dẫn dạy kết thành một tập sách dày "Quy Nguyên Pháp" như những chặng đường Thầy đã vạch sẵn, san lấp bằng phẳng để cho chúng đệ tử hành Bồ Tát Đạo, trở về với tâm chơn như. Vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, và thành tựu pháp thân để đắc quả đạo Bồ Đề.

Chỉ một chữ Thiền tất cả được giải quyết.

Thiền mới thấy Tánh - Tánh tức Phật - Phật tức Đạo - Đạo tức Tánh - Tánh tức Tâm - Tâm tức Phật.

Như vậy Tánh, Tâm, Phật, Đạo là một chữ thiền. Lời Đức Ngài nhắc nhở chúng Đệ tử Từ Tôn công phu tinh tấn, phẩm hạnh tròn đầy.

Tạ ơn Đức Tôn Sư và Quý Pháp Hữu.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Từ Minh Quang

Từ Thiện Bửu

NÓI CHUYỆN CÁI “ĐÀI GƯƠNG” TRONG BÀI KỆ CỦA NGÀI THẦN TÚ.

Từ Minh Vi.

Để trình cái sở học của mình, Ngài Thần Tú đã làm bài kệ:

*“Thân là cội Bồ Đề,
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn phải lau chùi,
Chớ để dính bụi bặm.”*

Đại ý của bài kệ ví Tâm của ta như tấm gương sáng, phải luôn luôn gìn giữ, lau chùi để giữ tánh sáng cho gương.

Đức Ngũ Tổ chỉ rõ: “Ông làm bài kệ này chưa thấy được Tánh, chỉ đến ngoài cửa, chưa được vào trong, kiến giải như thế tìm Vô Thượng Bồ Đề trọn không thể được.”

Đến khi Ngài Huệ Năng làm bài kệ:

*“Bồ Đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi bặm?”*

thì tất cả mọi người đều kinh hoàng. Vậy thì “gương sáng” có đặc tính gì mà cả hai Ngài đều nói đến? Chúng ta tạm dùng bảng đối chiếu sau đây để tìm hiểu chỗ sở học của hai Ngài:

1. Năng lực chiếu soi:

Gương có năng lực chiếu soi: Mọi vật đứng trước gương đều lưu hình bóng trong gương.

Tâm cũng có năng lực chiếu soi: Mọi cảnh trần đều để lại trong ta một niệm (một nhận thức, tri giác, ý tưởng.)

2. Tánh soi rõ:

Tánh của gương luôn luôn soi rõ: (gương sáng). Khi vật đến, hình bóng của vật có thể nhất thời làm “hoen ố” gương, nhưng khi vật rời đi thì gương trở lại bản tánh vốn có của mình là soi rõ mọi vật. Đây là chỗ hiểu lầm lớn nhất của Ngài Thần Tú vì cho rằng gương mất tánh sáng là do bụi bặm dính vào, tâm ta không trong sáng là do các cảnh sống làm cho nó ô nhiễm. Vì vậy phải xa lánh cảnh trần để giữ cho tâm được sáng trong. Đó là lý do mà Ngài kêu gọi ta phải luôn luôn lau chùi, giữ gìn tánh sáng cho gương.

Tánh của Tâm cũng luôn luôn soi rõ: Đứng trước cảnh sống, thông qua 5 thức ngoài là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân mà cảnh sống nhất thời làm khởi trong ta các ý niệm.

Cái sai lầm của người đời là khi cảnh qua rồi vẫn còn tiếp tục lưu giữ lại cái niệm đó (tính chấp thủ, dính mắc của Tâm) trong khi gương không có tính này. Sự lưu giữ, chấp thủ các niệm là nguồn gốc dẫn đến mê lầm, phiền não, đau khổ.

Điểm quan trọng ở chỗ không phải các cảnh sống là nguyên nhân của sự mê lầm mà chính tánh chấp thủ, dính mắc là cái gốc của mọi đau khổ. Đức Ngài dạy “lìa bỏ tâm ý và ý thức” cũng là có ý này vậy.

3. Tánh soi rõ không thay đổi:

Tánh soi rõ của gương là không thay đổi: Dù vật có đến cũng không vì vậy làm gương bớt đi tánh sáng của mình, vật đi không làm gương tăng thêm tánh soi rõ. Vật có đẹp, xấu cũng không vì thế mà gương trở thành đẹp, xấu,

Tánh soi của Tâm cũng vậy: Dù đời có vui, buồn, đẹp, xấu, đúng, sai, còn, mất thì “tánh sáng” của Tâm vẫn không đổi. Đó là ý nghĩa của câu “bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh” trong Tâm Kinh.

4. Sự khác biệt giữa gương và Tâm:

Gương soi được mọi vật nhưng không thể tự soi cho mình: Gương không có năng lực “tự soi”. Điểm này nhiều người không nhận ra, kể cả Ngài Thần Tú.

Tâm có năng lực tự soi cho mình: Đây mới chính là chỗ người theo Pháp cần phải ra sức:

- Có tự soi mới thấy rõ mặt thật của bản ngã tâm thức từng chi phối mọi hành vi của bản thân mỗi người như Đức Thầy Từ Minh Đạt đã nói: “Tâm thức là cái thực của người ta.”
- Chỉ có tự soi mới có cơ hội thấy rõ và mới có thể (chỉ mới có thể) gội rửa, mới có cơ hội “lìa bỏ tâm ý và ý thức”.

Gương chỉ biết soi cho mọi vật ở ngoài, còn tâm lại có thể soi cho chính mình, cũng vì điểm này mà ta không thể lấy gương mà ví cho tâm được. Chỉ người nào biết tự soi, người đó mới có cái cơ hội “kiến Tánh”, còn mọi việc khác chỉ là việc bên ngoài mà thôi.

Câu chuyện của Ngài Thần Tú và Đức Lục Tổ Huệ Năng được nhiều người quan tâm và luận giải. Chúng ta mở lại câu chuyện ở một góc độ khác, với mong muốn được thấy rõ hơn “Tánh của Tâm” hầu giúp cho việc tu học ngày càng tốt hơn.